

TĂNG QUẢNG HIỀN VĂN

增廣賢文

Đỗ Chiêu Đức

天運地機，
人事無常。
君子居之，
小人處之。
君子居之，
小人處之。
君子居之，
小人處之。

TĂNG QUẢNG HIỀN VĂN

增廣賢文

LỜI PHI LỘ

Đây là loạt bài viết theo yêu cầu của một số em học sinh cũ của Trường Trung Tiểu Học TÂN HƯNG ở Thị Trấn Cái Răng, nhằm mục đích ôn tập để nhớ lại các chữ Hoa đã học bao nhiêu năm trước đây, và đồng thời cũng học thêm được những chữ, những từ chưa được học.

Song song với việc học tập mặt chữ cũng nên dịp để tìm hiểu, nghiền ngẫm lại những triết lý, luân lý, kinh nghiệm thực tiễn... trong cuộc sống hằng ngày chung quanh ta, hầu có được cái nhìn tổng quát về quan điểm sống theo luân lý A Đông vốn chịu nhiều ảnh hưởng của học thuyết Khổng Mạnh.

Kết hợp với những thực tế của cuộc sống hiện tại, của xã hội mà ta đang sống, để chiêm chước, cân nhắc, so sánh và chọn lọc những cái tốt, những cái nhân bản cần phải gìn giữ và đồng thời cũng tránh né, loại bỏ, cảnh giác với những gì thuộc về quá khứ, lạc hậu ... Hầu chọn cho mình một thái độ sống thích hợp hơn với xã hội mà mình đang sống .

Đối tượng chính của các bài viết là các em cựu học sinh TÂN HƯNG, sẵn gởi luôn đến cho Quý Thầy Cô, Quý Huynh Trưởng, Đồng học Đồng Môn, Bạn Hữu... để đọc chơi tiêu khiển khi trà dư tửu hậu, đồng thời cũng để cùng xem xét, trao đổi và góp ý, chỉ giáo cho những gì còn SAI, SÓT hoặc cần phải bổ sung.

Chân thành cảm tạ !

杜紹德
Đỗ Chiêu Đức.
kính bút

.....



增廣賢文 TĂNG QUẢNG HIỀN VĂN

Tăng Quảng Hiền Văn là một áng văn tập hợp lại tất cả những những thành ngữ tục ngữ, những câu nói nôm na trong dân gian xen lẫn với các lời dạy của Thánh Hiền, tất cả được sắp xếp theo vần điệu dễ nhớ để cảnh giác và răn dạy người đời, để tu tập cho bản thân mà cũng để làm những lời răn dạy cho con cháu.

Áng văn này thường thấy trong các cuốn lịch Thông Thắng 通勝 dùng để xem ngày tốt xấu của người Hoa và của các ông thầy Tướng Số. Trước đây, ở Chợ Lớn cũng có in riêng thành từng quyển nhỏ cho tiện việc học hành, nghiên cứu và mang theo bên mình để có thể giờ ra xem bất cứ lúc nào.

Xin được dịch và giới thiệu với mọi người Áng Văn bất hủ này.

TĂNG QUẢNG 增廣 là làm cho Gia tăng và Mở rộng.

HIỀN VĂN 賢文 là Áng văn hay, áng văn dạy những điều tốt lành.

TĂNG QUẢNG HIỀN VĂN 增廣賢文 là Áng văn hay, dạy cho ta những điều tốt điều lành và làm cho ta gia tăng và mở rộng thêm kiến thức về mọi mặt của cuộc sống.



Xin hãy cùng nhau đọc và tìm hiểu áng văn này.

1. 昔 時 賢 文 , 誨 汝 諄 諄 , 集 韻 增 廣 , 多 見 多 聞 。
Tích thời hiền văn, hối nhữ truân truân, tập vận tăng quảng, đa kiến đa văn .

TÍCH 昔: Ghép bởi Tráp(Niệm) 廿 Nhất 一 Nhật 日, tức 21 ngày. Chuyện gì đó qua ba bảy 21 ngày là CŨ rồi. Nên TÍCH có nghĩa là XUA, CŨ. Đi với chữ Thời chỉ thời gian thành TÍCH THỜI : Có nghĩa là Thời xưa, Thuở Xưa, Hồi xưa. Sở Khanh đã dùng chữ Tích này để ghép với chữ Việt, thành TÍCH VIỆT 昔越, để hẹn Thúy Kiều bỏ trốn vào giờ Tuất của ngày 21, cô Kiều đã rất thông minh nên bị mắc bẫy :

Lấy trong ý tứ mà suy,

Ngày hai mươi một , tuất thì , phải chăng ?

HỐI 誨 : là Dạy dỗ. Giáo Hối là Dạy bảo.

NHỮ 汝: là Ngôi Thứ Hai trong đàm thoại , là Ông, Bà, Anh, Chị, mày...

TRUÂN 諄 : là Chăm chỉ, Tích cực.

TẬP VẬN 集韻 : là Tập hợp lại theo vần theo điệu.

KIẾN VĂN : 見 Chữ KIẾN gồm có 2 chữ MỤC 目 là Mắt và NHÂN 人 là Người, nên KIẾN là Mắt của con người, có nghĩa là NHÌN, THẤY. 聞 VĂN gồm 2 chữ Môn 門 và Nhĩ 耳, Hội ý là đưa lỗ tai ra cửa để nghe ngóng, nên có nghĩa là NGHE . Nên KIẾN VĂN là Nghe Thấy, chỉ sự Hiểu biết, Kiến thức.

NGHĨA CẢ CÂU :

Những câu văn hay ngày xưa, lúc nào cũng như đang dạy ta một cách rất tích cực, gom góp lại những câu nói cho thành vần điệu với sự hiểu biết về mọi

mặt (Đa kiến đa văn). Bình thường ta có thể dùng thành ngữ ĐA KIẾN ĐA VĂN để chỉ những người có sự hiểu biết và kiến thức rộng rãi, quảng bác. Ví dụ : "Ông ấy là người chuyện gì cũng biết, việc gì cũng thông cũng thạo, quả là người Đa Kiến Đa Văn !".

2. 觀今宜鑒古，無古不成今。

Quan kim nghi giám cổ, vô cổ bất thành kim.

QUAN : là xem xét, quan sát.

GIÁM : là Cái gương, Động từ có nghĩa là Soi, Rọi. Ta có quyển " MINH TÂM BỬU GIÁM " là Tấm gương quý để soi rọi cho lòng được sáng ra !".

NGHĨA CÂU TRÊN :

Xem xét chuyện ngày nay để tiện việc soi rọi lại những sự việc ngày xưa, (vì) Không có xưa thì không thành ngày nay. Ý nói : Không có xưa làm sao có được ngày nay . Ví dụ : Trong một buổi họp mặt, có người bảo với bạn là : " Chị mặc chiếc áo này đẹp nhưng kiểu dáng xưa quá đi ! ". Bạn sẽ bảo với họ rằng : " Vô Cổ Bất Thành Kim mà, không có xưa làm sao có nay được !".

3. 知己知彼，將心比心。

Tri kỷ tri bỉ , tương tâm tỉ tâm.

KỶ là TỰ KỶ 自己 : là Bản thân mình. là TA. là Mình.

BỈ là KIA , là Cái Kia, Người Kia, là Khác. là Người ta.

TUỞNG : là Đem, lấy (động từ). Cũng chữ này, nếu đọc là TUỐNG (danh từ), thì có nghĩa là Tướng Sĩ Tướng.

TỈ là TỈ GIẢO 比較 : Có nghĩa là So sánh.

NGHĨA CẢ CÂU :

(Nên) Biết mình biết người, (biết) lấy lòng mà so sánh với lòng.

Trong Binh Pháp Tôn Tử có câu : Biết người biết ta thì trăm trận trăm thắng. (Tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng). Ví dụ : So sánh hành động của 2 người cùng một sự việc khó phân biệt thì ta có thể dùng câu : Tương tâm tỉ tâm, lấy lòng mà so sánh lòng thì chưa chắc gì ai đã tốt hơn ai !.



4. 酒逢知己飲，詩向會人吟。
Tửu phùng tri kỷ ẩm, thi hướng hội nhân ngâm.

PHÙNG là Gặp gỡ.

TRI KỶ : là Hiểu mình. Chỉ bạn thân, thông hiểu ý nhau.

HỘI : Ở đây có nghĩa là HIỂU, BIẾT, chứ không phải là Hội họp. HỘI NHÂN : là Người Hiểu biết, thông thạo về việc gì đó.

NGHĨA CẢ CÂU :

Rượu gặp người tri kỷ mới uống, (chỉ nhậu với bạn thân mà thôi). (cũng như) Thơ chỉ ngâm cho những người hiểu biết về thơ nghe (mà thôi). Ngâm không đúng đối tượng thì như nước đổ lá khoai, không khéo họ còn cười mình vớ vẩn nữa là khác.

5. 相識滿天下，知己能幾人。
Tương thức mãn thiên hạ, tri kỷ năng kỷ nhân ?

TƯƠNG THỨC : là Quen biết nhau.

MÃN : là Đây, ở đây có nghĩa là Khắp.

THIÊN HẠ : là Dưới vòm trời, có nghĩa là Trên đời này.

NĂNG : là Được, ở đây có nghĩa là Có Thể (có được).

Kỷ 幾 : là Mấy, là Bao nhiêu.

NGHĨA CẢ CÂU :

(Dù cho) có quen biết hết người ở trên đời này, thì...Bạn tri kỷ, thân thiết có được mấy người đâu. Có người suốt đời không có lấy một người tri kỷ. Chỉ bạn thân thiết thực sự ở trên đời rất hiếm.

6. 相逢好似初相識，到老終無怨恨心。
Tương phùng hảo tự sơ tương thức, đáo lão chung vô oán hận tâm.



TƯƠNG PHÙNG : là Gặp gỡ nhau.

HẢO : là Tốt , chữ này được ghép bởi 2 chữ NỮ 女 là Con Gái và TỬ 子 là Con Trai. Nhà có con Trai con Gái là điều tốt, hay nói cho đúng là : Sự kết hợp giữa NAM và NỮ là điều tốt lành, nên chữ HẢO có nghĩa là TỐT là vì vậy.

SƠ : là Ban đầu, là Bắt đầu. Sơ Học : là lớp mới bắt đầu học. " Nhân Chi Sơ tay rờ cơm nguội " là chữ SƠ này. Đầu tháng Sơ tam Sơ Tứ : Là Mừng 3 mừng 4, cũng là SƠ này.

CHUNG : là Hết, là Kết cuộc, là Chết.

NGHĨA CẢ CÂU :

Gặp lại nhau mà còn tốt được với nhau như lúc ban đầu mới quen biết, thì tới già tới chết cũng không có oán hận gì nữa cả !. Thường thì con người ta hay tốt với nhau trong buổi ban đầu gặp gỡ, rồi... quen lâu đâm ra nhàm chán, hờ hợt... thậm chí còn "thấy mà ghét" nhau nữa là đằng khác.

TẶNG QUẢNG HIÊN VĂN 2



7. 近水知魚性，近山識鳥音。

Cận thủy tri ngư tánh, cận sơn thức điểu âm.

TÁNH : còn đọc là TÍNH. Tính tình hay tánh tình là Cái THÓI.

NGHĨA CẢ CÂU :

Ở gần nước thì sẽ biết thói quen của Cá, (cũng như) Ở gần núi thì sẽ biết (phân biệt) được tiếng hót của các loài Chim. Câu này chỉ, tùy theo môi trường mà ta đang sống có thể tạo nên cho ta những kỹ năng, khả năng đặc biệt hơn người khác.

8. 易漲易退山溪水，易反易覆小人心。

Dị trướng dị thối sơn khô thủy, Dị phản dị phúc tiểu nhân tâm.

DỊ : Hình dung từ, có nghĩa là Dễ, dễ dàng.

Động từ, đọc là DỊCH, có nghĩa là Thay đổi. Vd: Dịch lý.

TRƯỚNG 漲 : là Tràn trề. Gồm 3 chấm Thủy chỉ Ý và chữ Trương chỉ Âm.

THỐI : Còn đọc là THOÁI, có nghĩa Trở lui, Thụt lùi, Rút.

KHÊ : Ta đọc trại thành KHE, là Dòng nước từ trong núi chảy ra, nên thường được gọi là Sơn Khê. Tương đương với SUỐI.

PHẢN : là Ngược lại, Chối lại, Trở mặt.

PHÚC : là Che phủ, Bao phủ. Vd: Thiên Phúc Địa Tải 天覆地載, là Trời che Đất chở. là Lật nhào, Lật úp. Vd: Phúc chu 覆舟 là Thuyền bị lật úp, là Chìm ghe. là LẬT NGƯỢC LẠI. Vd: Phản Phúc.

NGHĨA CẢ CÂU :

Dễ tràn dễ rút là nước trong khe núi chảy ra, (hễ mưa xuống là nước tràn lan, còn trời nắng thì nước cạn queo.). Dễ trở mặt và dễ lật lọng là lòng dạ của kẻ tiểu nhân. (Phải nên cẩn thận đề phòng).

9. 運去金成鐵，時來鐵似金。

Vận khứ kim thành thiết, thời lai thiết tự kim.

Khi thời vận xoay chuyển đi rồi, tức là khi Hết Thời rồi, thì vàng trở thành sắt, Ví dụ như trong nạn đói vì khan hiếm lương thực, có vàng cũng không mua được thức ăn. Và... Khi thời vận đến rồi, thì sắt cũng quý tợ như vàng. Ví dụ như sau Thế Chiến Thứ 2, sau chiến tranh đổ nát, cần xây dựng lại, nên những nhà đầu cơ buôn bán sắt lại trở nên giàu sụ, vì sắt quý...như vàng !

10. 讀書須用意，一字值千金。

Độc thư tu dụng ý, Nhất tự trị thiên kim.

ĐỘC THƯ : là Đọc sách, nhưng ở đây có nghĩa là Học Hành, chứ không phải

đọc sách khơi khơi. Vì ngày xưa Đọc Sách tức là HỌC đó.

TU 須 : là Cần Phải, khác với TU 修 là Sửa Đổi, Tu Tập.

TRỊ : là Đáng Giá. Khi đọc là TRỰC thì có nghĩa là Canh Giữ, Ví dụ : Trục Nhật, Trục Ban.

NGHĨA CẢ CÂU :

Học hành cần phải để ý (học cho đàng hoàng), Vì... Một chữ (nhiều khi) đáng giá cả ngàn vàng lận !. Ngày xưa học chữ NHO nên Một Chữ đáng giá Ngàn Vàng, ngày nay học Luật, Một Chữ nhiều khi còn đáng giá hơn cả Ngàn Vàng nữa là khác !

11. 逢人且說三分話，未可全拋一片心。

Phùng nhân thả thuyết tam phân thoại, Vị khả toàn phao nhất phiến tâm.

THẢ : Chữ Thả ở đây có nghĩa như chữ CHỈ, Chỉ nên.

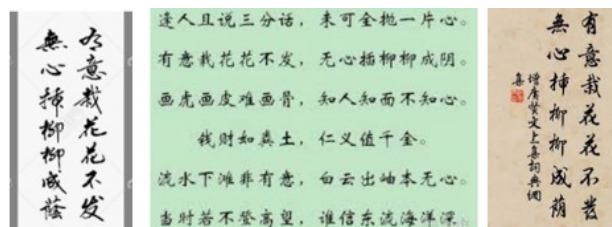
VỊ KHẢ : là Không Thể, ở đây có nghĩa là Không Nên.

PHAO : là Ném, là Quăng, là Liệng. Ở đây có nghĩa là TRÚT.

NHẤT PHIẾN : là Mạo từ (article), có nghĩa Một Tấm, Một Miếng, Một Mảnh.

NGHĨA CẢ CÂU :

Gặp người nào đó chỉ nên nói ba phần chuyện của mình thôi, chớ không nên trút hết cả bầu tâm sự của mình với người khác. Có nhiều người mới gặp mặt chưa thân thiết là bao mà đã mang cả chuyện gia đình ra mà... tâm sự, gởi gắm tâm sự không đúng đối tượng, không hợp thời điểm, chẳng những làm cho người... được tâm sự đâm ra nhàm chán, mà lắm khi còn đâm ra bực mình nữa !. Vạch lưng cho người xem theo, hại nhiều lợi ít !



12. 有意栽花花不發，無心插柳柳成陰。

Hữu ý tài hoa hoa bất phát, Vô tâm thác liễu liễu thành âm.

TÀI : là Trồng. Tài Hoa là Trồng bông.

PHÁT : là Mọc lên, Vượt lên. Phát Triển.

THÁP : là Cắm, là Ghép, là Chèn Vào. như Tháp Tùng chẳng hạn.

ÂM 陰 : là trái với DƯƠNG, Ở đây có nghĩa thông dụng với chữ ÂM có Thảo đầu 蔭, là Bóng Râm, Bóng Mát. Trong câu có nghĩa là Xanh om, Rậm rạp.

NGHĨA CẢ CÂU :

Có ý trồng hoa thì hoa không mọc, Vô tình cắm nhánh liễu (xuống đất) thì liễu lại xanh om. Ở đời, có nhiều việc ta cố tâm để làm, mà không có thành tựu gì cả. Còn có những việc ta chỉ làm chơi chơi thôi, không chờ đợi thành tựu, mà lại có kết quả tốt bất ngờ.

Cố ý đeo đuổi, tốn nhiều công sức thời gian để tỏ tình với người nào đó, nhưng họ lại làm ngơ như không hay biết. Có khi, chỉ buông lời trêu ghẹo khơi khơi thôi mà có người lại thương yêu thật tình.

13. 畫虎畫皮難畫骨，知人知面不知心。

Họa hổ họa bì nan họa cốt, Tri nhân tri diện bất tri tâm.

HỌA : là Vẽ. Chữ này được ghép bởi bộ DUẬT 聿 là Cây Viết, bên dưới là chữ Điền 田 là Miếng Ruộng và Chữ Nhất 一. Nghĩa Hội Ý là thườ ban sơ người ta dùng cây viết ghi lại miếng đất trồng trọt của mình trong phạm vi giới hạn (chữ Nhất). Nên có nghĩa là VẼ là vậy.

NAN : là Khó, Khó khăn. Khi đọc là NẠN thì có nghĩa là Tai Nạn.

CỐT : là Xương. Nghĩa bóng là Cái Dáng Vẽ bên trong, Vd : CỐT CÁCH.
NGHĨA CẢ CÂU :

Vẽ cọp vẽ da của nó, khó vẽ, nhưng còn vẽ được, chứ xương ở bên trong của nó thì vô phương vẽ được, Cũng như con người, ta chỉ biết bề ngoài , mặt mũi, chứ không thể nào biết được trong lòng của người ta như thế nào ! (tốt hay xấu, thiện hay ác??!!).

Đây là kiểu nói theo ngày xưa, chớ hiện nay, vẽ xương cọp đâu có khó khăn gì ! Khoa học kỹ thuật tiến bộ, người ta vẽ cả hình dáng những con vi khuẩn nhỏ hơn mắt thường nhìn thấy cả triệu lần ! Đây là câu nói theo kiểu Lung Khởi để đưa vào ý chính ở câu sau là : Lòng người khó lường, ai tốt ai xấu rất khó phân biệt, không thể xem mặt mà bắt hình dong được ! Luôn luôn phải đề phòng cảnh giác với tất cả mọi người chung quanh. Nói thế tuy có hơi bi quan, nhưng Cần tất vô ưu vẫn hơn !.

14. 錢財如糞土，仁義值千金。

Tiền tài như phân thổ, Nhân nghĩa trị thiên kim.

NGHĨA CÂU NÓI :

Tiền bạc tài sản như phân (cứt) như đất, (ta nói là như cỏ như rác, không có giá trị). Nhân từ nghĩa hiệp mới đáng giá ngàn vàng. Ý câu nói này là đề cao NHÂN NGHĨA, coi nhẹ TIỀN TÀI. Vì người đời luôn luôn coi trọng TIỀN TÀI hơn NHÂN NGHĨA, nên câu nói trên thường được nói lại với giọng điệu mỉa mai như sau :

" Tiền tài như ông Tiên Tổ, Nhân nghĩa tợ cục cứt khô.!"

Người đời, ngoài miệng luôn luôn nói nhân nói nghĩa, nhưng trong bụng lại vẫn cứ xem trọng tiền tài hơn.



15. 流水下滩非有意，白云出岫本無心。

當時若不登高望，誰信東流海樣深。

Lưu thủy hạ than phi hữu ý, Bạch vân xuất tú bản vô tâm.

Đương thời nhược bất đẳng cao vọng, Thùy tín đông lưu hải dạng thâm.

THAN : là Cái Bãi. Ví dụ : Bãi sông , Bãi biển.

TÚ : là Hang Núi.

NHUỘC : là Nếu, Nếu như.

NGHĨA CẢ CÂU :

Nước chảy tuôn xuống dưới bãi là không phải có ý muốn chảy xuống bãi, cũng như mây trắng bay ra khỏi hang núi là do gió đưa tự nhiên, chứ không phải bản tâm mây muốn bay đi. Lúc đó, nếu không có lên trên cao mà nhìn xuống, thì có ai tin được rằng, nước chảy về biển đông là thăm thẳm như thế kia đâu !.

Câu này để dùng các trường hợp chỉ sự đưa đẩy tự nhiên, chẳng đáng dừng, những diễn biến tự nhiên mà bản thân mình không thể khống chế được, chứ bản tâm không hề muốn thế.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 3.



16. 路遙知馬力，事久見人心。

Lộ diêu tri mã lực , Sự cữu kiến nhân tâm.

LỘ DIÊU : Lộ là Đường, Diêu là Xa. LỘ DIÊU là Đường Xa. Vế này còn một dị bản nữa mà người Việt ta hay nói là : TRƯỜNG ĐỒ tri mã lực. Trường là Dài, Đồ là Đường . TRƯỜNG ĐỒ là Đường Dài. ĐƯỜNG DÀI và ĐƯỜNG XA nghĩa cũng tương cận như nhau mà thôi.

MÃ LỰC : là Sức Ngựa. Ngựa là con vật được thuần hóa và sống gần gũi gắn bó với con người sớm nhất, trong tất cả các mặt vận chuyển, sản xuất, nhất là trong việc đi lại, giao thông, Từ xưa đã không thể thiếu bóng con ngựa, nên chi, ông cha ta mới lấy cái SỨC NGỰA làm tiêu chuẩn cho tốc độ giao thông, vì thế mà ta có xe SONG MÃ, TỨ MÃ... Ngựa càng nhiều thì MÃ LỰC càng mạnh càng nhanh càng dai .

NGHĨA CẢ CÂU :

Đường có xa có dài thì mới biết được sức ngựa có nhanh có bền hay không, Cũng như việc gì cũng phải cần có thời gian lâu dài mới thấy được lòng người như thế nào. (Tốt hay xấu, thiện hay ác). Câu này rất thường được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày, để khuyên người khác chớ quá vội tin hoặc đánh giá ai tốt ai xấu trong buổi đầu gặp gỡ. Thời gian sẽ là Ông Thầy soi sáng tất cả !

17. 兩人一般心，有錢堪買金，

Lưỡng nhân nhất ban tâm, hữu tiền kham mại kim (kim),

一人一般心，無錢堪買針。

Nhất nhân nhất ban tâm, vô tiền kham mại châm.

NHẤT BAN : Khi là Mạo từ thì có nghĩa : Một số, Một nhóm. Vd : Nhất Ban Nhân 一般人 là Một Số người, Một nhóm người. Khi là Hình Dung Từ thì có nghĩa là Bình Thường.Vd : Ngạn Nhất Ban 很一般 : có nghĩa là Rất Bình Thường. Trong Câu nói trên, NHẤT BAN có nghĩa là : Giống Nhau, Như Nhau, Cùng Một Thứ.

KHAM : là Chịu đựng được, Chấp nhận được, Có thể được.

CÂM : là Âm đọc trại của chữ KIM 金 là Vàng, hoặc KIM 今 là hiện nay, Vd: như CỔ KIM 古今 đọc thành Cổ Cẩm, cho Nó Ăn Vận.

NGHĨA CẢ CÂU :

Hai người cùng một lòng, thì có tiền có thể mua vàng được. Còn mỗi người một lòng dạ riêng biệt, thì sẽ không có được tiền để mà mua cây kim nữa ! Ý Câu này nói : Khi Hai Vợ chồng, hai Anh em, hai Người bạn... cùng chung lòng chung sức nhau để làm ăn , thì sẽ kiếm được nhiều tiền có thể mua vàng được. Còn như mỗi người một lòng dạ khác nhau, nghịch mười hai, không chịu hợp tác làm ăn, thì sẽ không có được tiền để mà mua cây kim nữa ! Trong tiếng Việt ta cũng có câu nói tương đương là : Đồng vợ đồng chồng tác bể Đông cũng cạn !

18. 相見易得好，久住難為人。

Tương kiến dị đắc hảo, Cửu trú nan vi nhân.

ĐẮC : là Được, DỊ ĐẮC là Dễ Được, Dễ dàng mà có được.

TRÚ : là Ở. CỬU TRÚ là Ở Lâu, Nán lại lâu ngày.

VI : là Làm. VI NHÂN là Làm Người. NAN VI NHÂN có 2 nghĩa tùy cách ngắt câu :

1. NAN - VI NHÂN : là Khó mà làm người, khó cư xử.

2. NAN VI - NHÂN : là Làm khó người ta, làm khó dễ người khác.

NGHĨA CẢ CÂU :

Gặp lại nhau (tay bắt mặt mừng) dễ tốt với nhau lắm, nhiệt tình lắm !. Nhưng , nếu cùng ở chung với nhau lâu ngày thì sẽ rất khó làm người, mà cũng làm khó cho người nữa.

Hai người bạn thân lâu ngày gặp lại, nhất là ở trên đất Mỹ này, tha hương ngộ cố tri, vui biết bao nhiêu, rồi... người này mời người kia về ở chung nhà, rồi... ở chung lâu ngày đâm ra nhàm chán nhau, người này chỉ trích khuyết điểm của người kia, người kia phê bình thói xấu của người này, rồi... người này ghét người kia, người kia xóc hông người nọ, thậm chí cãi vã gấu ó nhau, rồi... chia tay nhau và không thèm nhìn mặt nhau nữa !. Rồi.... và rồi... chưa nói đến chuyện là còn có một người đàn bà thứ 3 trong nhà nữa nhé !!!.

Cho nên, bạn bè thân thiết gặp nhau, tay bắt mặt mừng, cà phê cà pháo, hay chén chú chén anh xong là... ai về nhà nấy cho chắc ăn. Ngày xưa, khi còn là thanh niên, Ba tôi cũng thường nhắc nhở tôi câu này : "Bạn bè, đồng học ngày xưa tuy thân thiết đó, nhưng "Tương kiến (thì) dị đắc hảo, (còn) Cửu trú (sẽ) nan vi nhân " đó, nhớ nhen con !!!



19. 馬行無力皆因瘦，人不風流只為貧。

Mã hành vô lực giai nhân xấu, Nhân bất phong lưu chỉ vì bần.

GIAI : là Đều. NHÂN : là Vì, Do. GIAI NHÂN : là Đều do, Đều vì. Khác với GIAI NHÂN 佳人 là Người đẹp.

XẤU : là Ốm. là Gầy.

PHONG LƯU : là Sự lưu động của gió làm cho mát mẻ dễ chịu. nên PHONG LƯU là Cái phong thái dễ mến, cái thái độ phóng khoáng, dễ chịu. Con người phong lưu : là con người có tác phong cởi mở, không gò bó, "chịu chơi", nên người ta cứ lầm tưởng là Con người ăn chơi. Cuộc sống phong lưu : là Cuộc sống dễ chịu, thoải mái, nên người ta cứ cho là cuộc sống giàu sang.

BẦN : là nghèo. Bần Cùng là Nghèo khó.

NGHĨA CẢ CÂU :

Ngựa chạy không có sức, chạy không nổi đều do ngựa ốm yếu, còn con người không tỏ ra phong lưu được cũng chỉ vì nghèo mà thôi. Con ngựa thiếu ăn, ốm nhom ốm nhách làm sao chạy mau cho được ?! Con người cũng thế, nghèo túng chạy lo ba bữa ăn còn khó, thì làm sao tỏ ra phong lưu thoải mái cho được. Van tội bất ư "nghèo" mà !. Nghèo là cái "Tội" nặng nhất mà con người phải gánh chịu !

20. 饒人不是痴漢，痴漢不會饒人。

Nhiều nhân bất thị si hán, Si hán bất hội nhiều nhân.

NHIỀU : là Tha Thứ, không chấp nê. Vd : Nhiều dung.

SI : là U mê ngây dại, là Ngớ ngẩn, là Không ra gì, là Ngốc nghếch. Trong câu SI HÁN là Người đàn ông Khùng điên, ngốc nghếch. SI còn có nghĩa là MÊ MẮN. Vd : SI TÌNH là Mê mẩn vì tình.

BẤT HỘI : là Không biết, Không có khả năng.

NGHĨA CẢ CÂU :

Không chấp nê, biết tha thứ cho người khác, thì đâu phải là người ngây dại khùng điên gì, Vì nếu là người ngây dại khùng điên chả ra gì thì sẽ không biết nhiều dung tha thứ. Ở đời, nhiều khi tốt quá, nhân từ quá, rộng rãi quá... cũng bị người khác cho là "đồ điên" !

21. 是親不是親，非親卻是親。

Thị thân bất thị thân, Phi thân khước thị thân.

THÂN : Tính từ là Thân thiết, Thân mật.

Danh từ là Người Thân thích ruột rà.

KHƯỚC : là Liên từ có nghĩa là LẠI, MÀ LẠI.

NGHĨA CỦA CÂU :

Là người thân mà không phải là người thân. Không phải là người thân mà lại là người thân. Trong cuộc đời thường có nhiều cảnh tréo ngoe như thế. Bà con thân thích đó, nhưng vì một lý do nào đó, nên không có qua lại, rồi trở nên lạnh nhạt nhau như người dưng. Còn có nhiều người dưng nước lã, nhưng lại gần gũi qua lại, chăm lo săn sóc nhau như là người thân với nhau vậy. Đây là chuyện rất thường thấy trong cuộc sống hằng ngày !

22. 美不美，鄉中水，親不親，故鄉人。

Mỹ bất mỹ, hương trung thủy, thân bất thân, cố hương nhân.

HƯƠNG TRUNG THỦY : là Dòng nước trong quê hương, tức là Dòng Sông của Quê Hương đó.

NGHĨA CỦA CÂU :

Đẹp hay không đẹp, thì cũng là dòng sông của quê hương, Thân hay không thân thì cũng là người của cố hương mà ! Câu nói này rất thực tế và phù hợp với những người đang kiều cư ở nước ngoài. Dòng sông quê hương có thể không đẹp bằng sông Danube, sông Seine... nhưng nó luôn luôn rất đẹp trong lòng người xa quê, vì ... nó là Dòng Sông Quê Hương !. Con người cũng vậy, đang đi trên đường phố ở Mỹ, ở Úc, ở Pháp, ở Ý, ở Đức...mà gặp được một người VN, tự dưng ta cũng thấy thân thiện hơn, mặc dù trước đó chưa hề quen biết, vì đó là "Cố Hương Nhân" mà !

23. 鶯花猶怕春光老，豈可教人枉度春。

Oanh hoa do phạ xuân quang lão, Khởi khả giáo nhân uổng độ xuân.

相逢不飲空歸去，洞口桃花也笑人。

Tương phùng bất ẩm không qui khứ, Động khẩu đào hoa dã tiếu nhân.

OANH HOA : là Chim Hoàng oanh và Hoa cỏ.

DO PHẠ : là Còn sợ , còn e.

XUÂN QUANG : là Quang cảnh của mùa xuân.

KHỞI KHẢ : là Làm sao mà có thể...

GIÁO NHÂN : là Bảo người ta, Làm cho người ta.

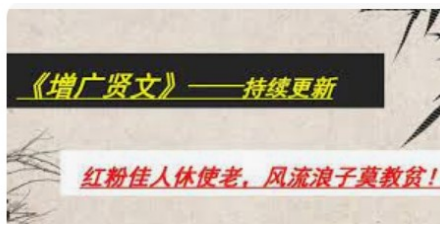
UÔNG ĐỘ : là Sống một cách oan uổng, lãng phí.

KHÔNG QUY KHỨ : là Đi về không không có làm gì cả.

NGHĨA BÀI THƠ TRÊN :

Chim Hoàng oanh và Hoa cỏ còn lo sợ rằng mùa xuân sẽ già đi (nên tranh thủ hót và nở rộ trước khi xuân tàn). Thì con người làm sao có thể đứng vững mà để cho mùa xuân đi qua một cách oan uổng đáng tiếc thế kia. Cho nên, gặp nhau đây mà lại đi về không, không uống với nhau một ly nào, thì Hoa đào trước cửa động cũng cười nhạo rằng sao con người lại vô tâm với mùa xuân đến như thế !?

Trong quang cảnh của mùa xuân, bạn bè gặp gỡ nhau mà mời rượu nhau như thế này, thì dù không biết uống cũng phải ráng mà nhắm mắt ực đại một ly, để cho "Động khẩu đào hoa" khỏi phải "tiểu nhân" chứ nhỉ !!!



24. 紅粉佳人休便老，風流浪子莫教貧.

Hồng phần giai nhân hưu tiện lão, Phong lưu lãng tử mạc giáo bần.

HỒNG PHẦN GIAI NHÂN : là Người đẹp mặt hoa da phấn.

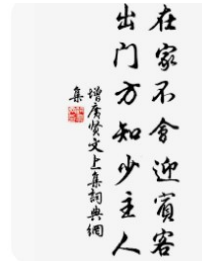
HỮU : là Nghỉ ngơi. Ở đây là Phó từ có nghĩa là : Đừng.

MAC GIÁO : là Đừng để cho, đừng làm cho.

NGHĨA 2 CÂU TRÊN :

Người đẹp mặt hoa da phấn thì đừng để cho phải già cõi bình thường (già sẽ hết đẹp đi). Cũng như kẻ lãng tử phong lưu thì đừng để cho phải nghèo (nghèo thì làm sao còn phong lưu cho được !). Đây là một ước vọng rất chân thành và thực tế, muốn cho người đẹp sẽ đẹp mãi và kẻ phong lưu lãng tử luôn luôn được "phong lưu" chứ không phải vướng cảnh túng nghèo ! Ta cũng thường nghe câu : "Mỹ nhân tự cổ như danh tướng, Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu" là thế ! (Bất Hứa là : KHÔNG CHO. nên câu trên có nghĩa là : Từ xưa đến nay, người đẹp cũng như là những Tướng giỏi, thường không để cho người đời thấy mình đầu bạc. Vì... Đầu Bạc thì người đẹp sẽ hết đẹp, và Tướng giỏi sẽ hết... gân, hết giỏi nữa !) .

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 4



25. 在家不會迎賓客，出外方知少主人。

Tại gia bất hội nghinh tân khách, Xuất ngoại phương tri thiếu chủ nhân.

TAI GIA : là Ở nhà.

BẤT HỘI : là Không biết, Không hiểu.

NGHINH TÂN KHÁCH : là Đón khách khứa.

XUẤT NGOẠI : là Đi ra ngoài, Đi xa nhà.

PHƯƠNG TRI : là Mới biết rằng, Mới thấy là.

THIẾU : là Thiếu , là ít. Khi đọc là THIẾU thì có nghĩa là Trẻ.

NGHĨA CỦA CÂU :

Khi ở nhà không biết cách tiếp đãi khách khứa, đến khi đi ra ngoài làm khách của người ta mới thấy là xưa nay mình đã thiếu bốn phận làm chủ của mình !

Câu nói này rất thực tế trong đời sống bình thường, đi làm khách, ai cũng bở ngỡ ngại ngùng, nhưng nếu người chủ biết cách tiếp đãi cho đàng hoàng chu đáo, thì khách sẽ cảm thấy dễ chịu và tự nhiên hơn. Thường có đi ra ngoài làm khách của người ta rồi, thì về nhà mới biết cách tiếp khách cho chu đáo.

26. 黃金無假，阿魏無真。

Hoàng kim vô giả, A ngụy vô chơn.

A NGUY : là Một vị thuốc Bắc, dạng khối, giống như A Dao, Đường phèn, mùi vị hắc như tỏi và màu sắc vô định, có thể là màu vàng dợt, vàng đậm, cánh kiến, màu đỏ, huyết vụn, chocolat, màu nâu...

NGHĨA CỦA CÂU :

Màu của vàng ròng (24) thì không thể giả được, chớ A ngụy thì không có màu thật của nó. Vàng 4 số 9 thứ thiệt thì làm sao mà giả cho được, ông bà mình đã nói là : " Vàng thật không sợ lửa " mà ! Lửa đốt như thế nào cũng không làm cho màu vàng phai đi được !. Còn chất A NGUY thì lại không có màu thật của mình, màu nào cũng nói là A Ngụy được. Ở đời có nhiều thứ không bao giờ giả được, như màu vàng (golden) của vàng. (Vì ngày xưa chưa có kỹ thuật MẠ vàng, chớ bây giờ thì Mạ một cái là ra màu

của vàng như chơi !). Lại có những thứ không làm sao phân biệt được thật giả như A Ngụy, thật như giả, giả mà thật !.

27. 客來主不顧，應恐是痴人。

Khách lai chủ bất cố, Ứng khủng thị si nhân.

CỐ : là Dòm ngó đến, là Chiếu cố, là Săn sóc đến.

ỨNG KHỦNG : là Chỉnh e rằng, Sợ là.

SI NHÂN : là Người Ngu, Ngốc, Chẳng ra gì. Người không biết điều, Người Cà chớn. Giống như từ SI HÁN ở những bài trước.

NGHĨA CẢ CÂU :

Khách tới nhà mà chủ không ngó ngang đến, thì e rằng (người ta) sẽ cho mình là người ngốc nghếch không biết điều. Tiếp khách đến nhà là điều cơ bản nhất trong giao tế thường nhật, điều này còn không biết, còn làm không xong, thì quả là người chẳng ra chi, dễ bị người đời khinh miệt.



28. 貧居鬧市無人問，富在深山有遠親。

Bần cư náo thị vô nhân vấn, Phú tại thâm sơn hữu viễn thân.

NÁO THỊ : là Chợ búa ồn ào, nơi có đông người qua lại.

THÂM SƠN : là Núi sâu, chỉ ở vùng sâu vùng xa.

VIỄN THÂN : là Bà con ở xa.

NGHĨA CỦA CÂU :

Nghèo mà ở nơi chợ búa ồn ào đông đảo, cũng không có ai thèm hỏi tới. Còn giàu mà ở trong núi sâu (hiểm trở khó đi) cũng có bà con ở xa tìm đến thăm. Đây là một mặt của nhân tình thế thái rất bình thường trong cuộc sống. Nghe như bi quan, nhưng thực tế vô cùng. Câu nói này rất thông dụng trong dân gian VN ta, và còn một dị bản như sau :

Bần cư tại thị vô nhân thức, 貧居在市無人識,

Phú tại thâm sơn hữu khách tầm. 富在深山有客尋.

Nghèo mà ở chợ cũng không có người biết đến mình, còn giàu mà ở trong núi sâu cũng có khách tìm đến để thăm.

29. 誰人背後無人說，哪個人前不說人。

Thùy nhân bối hậu vô nhân thuyết, Nả cá nhân tiền bất thuyết nhân.

THÙY : là Ai, là Người Nào.

BỐI HẬU : là Sau lưng.

NẢ CÁ : là Người nào ? Nả là Nghi vấn tự : Nào ?

NGHĨA CỦA CÂU :

Ai là người mà sau lưng không bị người khác nói này nói nọ, Người nào mà trước mặt người này lại không nói chuyện người nọ người kia. Câu nói này đúng với đàn ông 60%, nhưng lại đúng với đàn bà 99% lận (xin lỗi các bà !). Thường thì người ta trước mặt người này hay nói chuyện người khác lắm !.

30. 有錢道真語，無錢語不真。

Hữu tiền đạo chơn ngữ, Vô tiền ngữ bất chơn.

不信但看筵中酒，杯杯先勸有錢人。

Bất tín đản khan diên trung tửu, Bôi bôi tiên khuyển hữu tiền nhân.

ĐẠO : Danh từ : có nghĩa là Con Đường. là Đạo mà người ta tu theo. Như Đạo Phật, Đạo Hồi, Đạo Thiên Chúa....

ĐỘNG TỪ : có nghĩa là NÓI, Nói Rằng.

NGŨ : là Lời nói. Chơn Ngữ : là Lời nói thật.

TÍN : là Tin. Bất Tín là Không tin.

DIÊN : là Tiệc. Diên Yển là Tiệc Tùng.

KHUYẾN : là Khuyên, là Mời. Khuyển Tửu : là Mời rượu.

NGHĨA 4 CÂU TRÊN :

Có tiền thì nói gì người ta cũng cho là thật, tin là thiệt. Còn không có tiền thì lời nói sẽ không thật, chẳng ai tin, không ai thềm nghe. Không tin, thì bạn hãy cứ nhìn vào trong tiệc rượu mà xem, ly nào ly nấy người ta cũng mời những người có tiền uống trước mà thôi !.

Bi quan và mĩa mai quá !. Nhưng cuộc đời quả đúng như thế, người ta chỉ tôn trọng và lắng nghe những người có tiền nói chuyện mà thôi, không có tiền thì đứng qua một bên !. Xã hội nào cũng thế, ca dao tục ngữ của VN ta cũng có câu :

*Tay ôm túi bạc kè kè,
Nói quấy nói quá chúng nghe rần rần !*



31. 鬧裏有錢，靜處安身。

Náo lý hữu tiền, Tĩnh xứ an thân.

NÁO LÝ : là Ở trong chốn náo nhiệt ồn ào, chỉ nơi Chợ búa. Thị thành.

TỊNH XỨ : Tĩnh là Thanh Tĩnh, vắng vẻ yên lặng.

Xứ là Chỗ, Nơi, Nơi Chốn.

NGHĨA CẢ CÂU :

Ở trong chốn náo nhiệt ồn ào như chợ búa thị thành thì dễ kiếm được tiền, còn ở nơi vắng vẻ thanh tịnh thì được yên thân, không có ngựa xe phiến toái. Được cái này thì mất cái kia, muốn kiếm tiền thì phải chịu ồn ào phiến toái, còn muốn thanh tịnh nhàn nhã yên thân thì sẽ không kiếm được tiền !

32. 來如風雨，去似微塵。

Lai như phong vũ, Khứ tự vi trần.

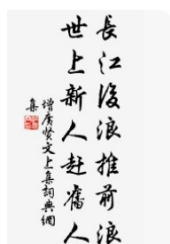
PHONG VŨ : là Mưa Gió. Mưa gió thì ầm ầm ào ào.

TỰ : là Tợ, Tợ như. NHƯ là thanh BẰNG. TỰ là thanh TRẮC, hai chữ này nghĩa như nhau, nên thường được dùng để Đối Nhau trong câu đối.

VI TRẦN : Vi là Nhỏ, Nhẹ. Trần là Bụi bặm. VI TRẦN là làn bụi nhẹ, làn bụi mỏng.

NGHĨA CẢ CÂU :

Đến thì rầm rờ rộ rộ như mưa như gió, còn đi thì yên lặng nhẹ nhàng như làn bụi mỏng. Quả là đầu voi đuôi chuột, hổ đầu xà vĩ. Có nhiều người khi đắc thế thì phô trương rầm rộ ồn ào, đến khi hết thời rồi thì cụp đuôi cuốn gói chuồn êm !



33. 長江後浪推前浪，世上新人趕舊人。

Trường giang hậu lãng thôi tiền lãng, Thế thượng tân nhân toán cựu nhân.

TRƯỜNG GIANG : là Con sông dài. Từ này lại trùng với tên một con sông dài quan trọng của miền Nam Trung Hoa là Sông Trường Giang, nên ta hiểu theo ý nào cũng được.

LÃNG : là Sóng. Hậu lãng là Sóng sau, Tiền Lãng là Sóng trước.

THÔI : là Xô, đẩy.

TOÁN : là Chạy mau cho kịp. Ý trong câu là Chạy qua mặt luôn.

NGHĨA CẢ CÂU :

Trên con sông dài thì các đợt sóng sau xô các đợt sóng trước, còn ở trên đời thì người mới sẽ lấn lướt và qua mặt người cũ. Điều này cũng hợp với lẽ tự nhiên thôi, ở đời hễ tre tàn thì măng mọc, tốp sau thay thế cho tốp trước, người mới thay cho người cũ là chuyện thường tình trên đời !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 5 .



34. 近水樓台先得月，向陽花木早逢春。

Cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt, Hướng dương hoa mộc tảo phùng xuân.

NGHĨA CÂU :

Những lâu đài được xây gần bờ nước (sông hồ biển cả), sẽ ngắm được cảnh trăng mọc sớm hơn những nơi khác. Còn những hoa cỏ mà hướng về ánh thái dương, sẽ đón nhận được ánh nắng mùa xuân trước hơn là những hoa cỏ khác. Đây là bài thơ ngắn nhất trong văn học cổ Trung Hoa theo tích sau đây :

PHẠM TRỌNG YÊM 范仲淹 (989—1052) tự là Hi Văn. Tổ tịch ở Phần Châu, sau di cư qua Ngô huyện của Tô Châu. Ông là một nhà chính trị kiệt xuất, đồng thời cũng là một nhà văn học nổi tiếng với câu nói bất hủ trong bài phú "Nhạc Dương Lầu Ký 岳陽樓記" là : "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu; Hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc 先天下之憂而憂，後天下之樂而樂". Có nghĩa là : Làm quan thì phải "Lo cái lo trước hơn cái lo của thiên hạ, và Vui cái vui sau cái vui của thiên hạ". Ông nổi tiếng thanh liêm chính trực và luôn luôn đề ý đề bạt cất nhắc những quan viên nhỏ bên dưới của mình để cho họ được đỡ ngộ xứng đáng với chức trách và cống hiến của bản thân họ, nên rất được mọi người thương yêu kính trọng. Khi ông phát động cải cách tân chính không thành bị biếm làm Tri phủ Hàng Châu, thì tất cả quan viên lớn nhỏ ở Hàng Châu đều được ông đề bạt cất nhắc giúp đỡ, duy chỉ có một người giữ chức Tuần Kiểm 巡檢 là Tô Lân thì bị lãng quên.

TÔ LÂN 蘇麟 (969 - 1052) Ông là người kín tiếng chất phác hiền lành. Sau khi đậu Cử nhân thì giữ chức Tuần Kiểm cho một huyện nhỏ trong phủ Hàng Châu, Do chức vụ Tuần Kiểm luôn luôn di chuyển nên ít khi diện kiến quan Tri Phủ Phạm

Trọng Yên, nên không được chiếu cố để bạt lên chức vụ mới. Dần dà ngày tháng, ông cũng cảm thấy mình như bị lãng quên một cách thiệt thòi, trong khi mình cũng luôn luôn hoàn thành chức trách được giao phó, nên trong một lần đến trình báo công vụ với quan Phủ Phạm Trọng Yên, ông đã trình lên hai câu thơ "khiếu nại" một cách nhẹ nhàng và... vu vơ như sau :

近水樓台先得月, Cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt,
向陽花木易為春. Hướng dương hoa mộc dị vi xuân.

Có nghĩa :

- Những lâu đài được cất gần nước (sông hồ biển cả) sẽ thấy được ánh trăng mọc trước hơn là những nơi khác. Và ...
- Những hoa cỏ cây cối hướng về ánh mặt trời thì sẽ dễ dàng đón nhận mùa xuân hơn là những cỏ cây hoa lá khác.

Gần nước lâu đài trăng ngằm trước,
Hướng dương cây cỏ dễ chào xuân !



Phạm Trọng Yên và Tô Lâm

Ý bóng gió là : Những người làm việc gần gũi với quan lớn thì dễ được chiếu cố cất nhắc hơn là những người làm việc di động ở xa. Người ở trên lâu đài gần bên nước thì sẽ thấy trăng mọc trước. Còn những người làm việc ở xa, tuy vẫn làm việc tích cực nhưng lại hay bị quên lãng vì ít ai nhớ tới, như cây cỏ ở xa ánh nắng mặt trời thì sẽ đón mùa xuân muộn hơn vậy !

Bóng gió vẫn vơ là thế, những lời lẽ như than thân trách phận mình bạc bẽo hơn người khác mà thôi, thế mà ngài quan lớn Phạm Trọng Yên cũng nhận ra được cái tâm tư hoài bão ấp ủ trong lòng của Tô Lâm, nên lần cất nhắc sau cũng đã trình lên triều đình đề cử thăng chức cho Tô Lâm từ Cửu phẩm lên thành quan viên Thất phẩm. Hai câu thơ "khiếu nại" có tác dụng ngay trước mắt và sự tích của Tô Lâm cũng theo hai câu thơ được truyền tụng rộng rãi trong dân gian như một giai thoại mãi cho đến hiện nay.

Câu thơ "Cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt 近水樓台先得月" được rút ngắn lại thành một thành ngữ bốn chữ là CẬN THỦY LÂU ĐÀI 近水樓台 để chỉ những ưu tiên của người có vị trí gần gũi với những người hay sự vật mà mình mong mỗi hay muốn có được. Ví dụ như : "Vì nó là thư ký của xếp, cận thủy lâu đài, nên được tăng lương sớm hơn là những nhân viên khác". Một ví dụ khác...

Hai chàng theo đuổi một nàng, chàng nào ở gần nhà nàng là "Cận thủy lâu đài" sẽ có nhiều cơ hội và sẽ dễ dàng chiếm được quả tim vàng của người đẹp hơn. Ở một tình huống nào đó thì "Cận thủy lâu đài" tức là cái tiện nghi của "Địa lợi" đó. Ngoài ra...

CẬN THỦY LÂU ĐÀI cũng có mặt tiêu cực của nó, khi dùng để chỉ những người hay dựa vào sự gần gũi với người có quyền thế để ức hiếp người khác. Ví dụ như : Nó ý mình là phụ tá của xếp, cận thủy lâu đài, nên hay bắt nạt hiếp đáp những nhân viên khác.

Bài thơ "Hai câu" của Tô Lâm nêu trên đến năm Vạn Lịch đời Minh được các Nho gia biên tập vào quyển "Tăng Quảng Hiền Văn 增廣賢文" với dị bản như sau đây :

近水樓台先得月, Cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt,
向陽花木早逢春. Hưởng dương hoa mộc TẢO PHÙNG xuân.

Câu sau có nghĩa :

- Hoa cỏ hưởng dương, tức là hưởng về ánh mặt trời thì sẽ ĐÓN NHẬN mùa xuân ngay từ ánh nắng ban đầu SỚM HƠN là những hoa cỏ khác không... hưởng dương !

*Gần nước lâu đài trăng ngả trước,
Hưởng dương cây cỏ **sớm** chào xuân !*

TĂNG QUẢNG HIỀN VĂN 6 .



35. 古人不見今時月，今月曾經照古人。

Cổ nhân bất kiến kim thời nguyệt, Kim nguyệt tăng kinh chiếu cổ nhân.

KIM THỜI : là Thời buổi này, có nghĩa là Hiện nay.

TĂNG KINH : là Từng trải, ở đây có nghĩa là Đã Từng.

NGHĨA CỦA CÂU :

Người xưa không thấy được vàng trắng của ngày nay, chớ Vàng trắng của ngày nay đã từng chiếu rọi người xưa rồi ! Đọc câu này, lại nhớ đến bài Hát nói Hưởng Nhân của Nguyễn Công Trứ :

" Ngã kim nhật tại tọa chi địa, cô chi nhân tăng tiên ngã tọa chi "

我今日在坐之地，古之人曾先我坐之。

(Cái chỗ mà ta đang ngồi ngày hôm nay, thì người xưa đã từng ngồi đây trước ta rồi !)

36. 莫道君行早，更有早行人。

Mạc đạo quân hành tảo, Cánh hữu tảo hành nhân.

MẠC ĐẠO : là Đừng nói rằng, Ở đây có nghĩa : Đừng tưởng rằng.

QUÂN : Quân ở đây không phải là VUA, mà là Ngôi thứ 2 trong danh xưng Đại từ, nên có thể là Nam, có thể là Nữ.

CÁNH HỮU : là Càng có..., Ở đây có nghĩa : Còn có.

NGHĨA CẢ CÂU :

Đừng tưởng rằng bạn là người đi sớm, đến sớm đâu, còn có người đi sớm, đến sớm hơn nữa. Câu trước nói về lợi thế của Địa lý, hoàn cảnh... " Cận thủy lâu đài ". Câu này nêu lên lợi thế về cố gắng, tích cực, người nào tích cực hơn (đi sớm), thì người đó sẽ dễ dàng đạt mục đích hơn.

Đây là bản TQHV bằng điện tử trên mạng, theo bản xưa mà hồi nhỏ Ba tôi thường lấy ra đọc để rằng dạy chúng tôi, thì trước 2 câu trên còn có 2 câu như thế này :

先到爲君，後到爲臣。

Tiên đáo vi quân, Hậu đáo vi thần.

莫道君行早，更有早行人。

Mạc đạo quân hành tảo, Cánh hữu tảo hành nhân.

Nghĩa là :

Ai đến trước thì làm vua, Ai đến sau thì làm tôi. Đừng tưởng bạn là người đến trước, còn có người đến sớm hơn bạn nữa !

37. 莫信直中直，須防仁不仁。

Mạc tín trực trung trực, Tu phòng nhơn bất nhơn.

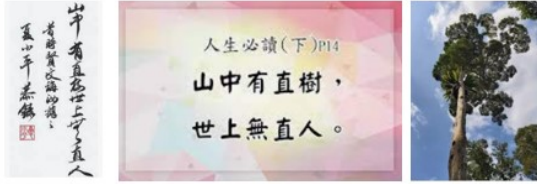
MẠC TÍN : là Chớ tin.

TU PHÒNG : là Nên đề phòng.

NGHĨA CẢ CÂU :

Chớ vội tin (người nào đó) là rất thẳng thẳng (thẳng thẳng trong thẳng thẳng), mà phải nên đề phòng những người bất nhơn làm bộ nhơn nghĩa (không nhơn nghĩa mà làm như nhơn nghĩa)

. Câu này dùng để khuyên những người trẻ mới ra đời, chưa có kinh nghiệm sống, dễ tin người nên dễ bị người lừa bịp.



38. 山中有直樹，世上無直人。

Son trung hữu trực thụ, Thế thượng vô trực nhân.

TRỰC : là Thẳng, là Ngay. Vừa nghĩa đen vừa nghĩa bóng.

NGHĨA CÂU :

Trong núi rừng còn có cây ngay thẳng, chớ ở trên đời này không có người ngay thẳng đâu !. Câu nói bi quan quá ! Nặng tính cảnh giác để giáo dục những người trẻ mới ra đời chưa có kinh nghiệm nhận xét đánh giá người khác. Nó hô ứng với câu trước nó là : " Mặc tín trực trung trực, Tu phòng nhân bất nhân ". Nhưng dù sao thì cần thận vẫn hơn, " Cần tắc vô ưu " mà !.

39. 自恨枝無葉，莫怨太陽偏。

Tự hận chi vô diệp, Mạc oán thái dương thiên.

TỰ HẬN : là Tự mình oán trách mình.

CHI VÔ DIỆP : Chi là Cành, là Nhánh. Vô là không, không có. Diệp là LÁ. CHI VÔ DIỆP là Cành không lá. Ta có thành ngữ : " Kim CHI ngọc DIỆP " là " CÀNH vàng LÁ ngọc " để chỉ những người quý phái.

MẠC OÁN : là Đùng oán hận.

THIÊN 偏 : là Chệch một bên, Nghiêng về một phía. Chớ không phải THIÊN 天 là Trời.

NGHĨA CẢ CÂU :

Nên tự mình oán trách là tại cành nhánh của mình không có lá, chớ đùng oán trách là tại ánh nắng thiên lệch chiếu về chỗ của mình ít hơn chỗ khác. Phải biết chấp nhận thực tế và phải tự biết là tại khả năng của mình không có, hoặc chưa tới, chớ đùng oán trách là tại sao " xếp " không trọng dụng mình mà trọng dụng người khác. Thường thì con người ta chỉ biết " phân bì " mà không biết " tự lượng ".

40. 大家都是命，半點不由人。

Đại gia đô thị mệnh, Bán điểm bất do nhân.

ĐẠI GIA : là Tất cả , là Mọi người. Khác với Đại Gia 大爺 là Ông Lớn.

ĐÔ : là Đều. Đô Thị : Đều Là. Khác với Đô Thị 都市 là Chợ Búa.

MỆNH : là Mạng số, Số mạng.

BÁN ĐIỂM : là Nửa chấm. Có nghĩa như : Một chút, " Nửa chút " của ta vậy.

NGHĨA CÂU :

Tất cả mọi người đều là do số mệnh an bài cả rồi, không có " nửa chút " nào là do người quyết định được cả !. Câu này quá Duy Tâm, nhưng chủ ý là khuyên ta nên an phận thủ thường, chấp nhận hiện tại, đừng quá bon chen, chớ không phải bảo ta buông xuôi tất cả cho số mạng một cách dị đoan. Câu này còn dùng để an ủi người khác khi thất bại để đừng chán nản quá mà hãy chấp nhận thực tại hân cố gắng " bày lại keo khác " !



41. 一年之計在於春，一日之計在於寅，
Nhất niên chi kế tại ư xuân, Nhất nhật chi kế tại ư dần,
一家之計在於和，一生之計在於勤。
Nhất gia chi kế tại ư hòa, Nhất sinh chi kế tại ư cần.

KẾ : là Tính toán : KẾ TOÁN.

là Mưu Lược : TAM THẬP LƯỢC KẾ .

là Hoạch Định, Chương Trình : KẾ HOẠCH : Đây chính là nghĩa trong câu nói trên.

CHI : ở đây là Hình Dung từ chỉ Sở Hữu : CỦA.

NGHĨA CỦA NHỮNG CÂU TRÊN :

Những chương trình hoạch định cho một năm phải bắt đầu từ mùa XUÂN, Những tính toán dự định trong một ngày phải bắt đầu từ giờ DẦN (từ 3 đến 5 giờ sáng). Những kế hoạch để xây dựng gia đình cho êm ấm là chỉ ở một chữ HÒA (trên thuận dưới hòa). Còn những hoạch định tính toán dự trù cho cả một đời người là chỉ một chữ CẦN mà thôi ! (Nếu chịu khó siêng năng cần cù, thì trong cuộc đời dù không thành công lớn, cũng thành công nhỏ và có tệ nhất thì cũng... đủ ăn đủ mặc, không đến nỗi đói rách lang thang.).

" Thiên hữu tứ thời XUÂN tại thủ " 天有四時春在首. Trời có 4 mùa thì mùa XUÂN là mùa đầu tiên, tiết trời đã ấm áp trở lại sau mùa đông giá rét , cây cỏ đâm chồi nẩy lộc, vạn vật đều tái sinh, khí thế đang lên, nên các kế sách dự định trong năm cũng nên bắt đầu ở thời điểm này... hơn nữa, nếu có gì trục trặc thì cũng có đủ thời gian để... điều chỉnh lại ! Kế hoạch trong năm bắt đầu ngay được từ mùa Xuân, thì xem như đã thành công một nửa rồi !

" Thiên quang DẦN, nhật xuất MÃO " 天光寅，日出卯 . Trời sáng ở giờ Dần, mặt trời mọc ở giờ Mão, nên công việc dự định trong ngày nên bắt đầu ngay từ giờ DẦN, Nông dân làm ruộng cũng thế, muốn gieo mạ, cấy lúa, gặt lúa...đều phải thức giấc lúc giờ Dần để bắt đầu cho công việc đồng áng. Ngày xưa, phương tiện giao thông khó khăn, nên định đi đâu để làm gì thì cũng phải thức giấc lúc giờ DẦN.

" HÒA khí sinh tài " 和氣生財 . Có Hòa Thuận để làm ăn thì mới phát sinh tài lộc được, gia đình xáo xáo, mỗi người một ý , thì làm ăn làm sao lên cho được ! Ông bà cũng đã dạy " Gia HÒA thì Vạn sự Hanh 亨 ". Có nghĩa : Gia đình Hòa Thuận thì muôn việc đều suông sẻ.(Hanh thông 亨通 là Suông sẻ). Câu này thường bị đọc lệch đi là " Gia Hòa vạn sự HUNG 興 (Hưng là Hưng Vượng 興旺) , ý nghĩa cũng tương tự mà thôi.

Cuối quyển Tam Tự Kinh có câu : " CẦN hữu công, Hí vô ích " 勤有功，戲無益. Nghĩa đã rõ : Chơi bời lêu lổng không đem lại lợi ích gì cả, còn Siêng Năng cần cù thì sẽ gặt hái được thành công trong mọi mặt, nên trong cuộc đời của một người, yếu tố " CẦN " không thể thiếu trong việc tạo dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc cho gia đình được !.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 7 .



42. 責人之心責己，恕己之心恕人。

Trách nhân chi tâm trách kỷ, Thứ kỷ chi tâm thứ nhân.

TRÁCH : là Trách móc, Rầy rà.

THỨ : là Tha thứ, Xí xóa.

CHI 之 : là Liên Quan Đại Từ (Relative Pronoun), có nghĩa là CÁI...MÀ, như câu nói trên " Trách nhân CHI tâm " là " Cái lòng MÀ ta trách người (khác).

CHI 之 : là Phiêm Chỉ Đại Từ (Indefinite Pronoun), có nghĩa NÀO, ĐÓ.
Vd :..." Cổ **chi** nhân tăng tiên ngã tọa CHI " là Người của thuở xưa đã ngồi ĐÓ (nơi ĐÓ ĐÓ) trước ta rồi. (chữ CHI màu đỏ là Sở hữu Tính Từ)

CHI 之 : là Sở Hữu Tính Từ (Adjective Possessive), có nghĩa là CỦA,
Vd : Câu ... " Cổ CHI nhân " ở trên là " Người CỦA thời xưa ". Tương tự : " Ngã CHI huynh đệ " là " Anh em CỦA tôi ".

CHI 之 : là Động Từ (Verb), có nghĩa là ĐI, ĐẾN, VỀ , Vd :..." đào hoa lưu thủy tử hà CHI ? " là...Hoa trôi nước cuốn bác VỀ đâu ?.

NGHĨA CÂU TRÊN :

Lấy cái lòng mà mình trách người ta để trách mình, và hãy lấy cái lòng mà mình tha thứ mình để tha thứ cho người khác.

Thường thì người ta làm điều sai quấy, hoặc có lỗi với mình, thì mình hay trách móc, giận hờn, thậm chí còn muốn trả thù, trả đũa lại..., nhưng đến khi mình lầm lỗi hay sai quấy, thì mình chỉ tự nhủ lần sau nhớ để ý để khỏi làm sai, rồi mình tha thứ... mình ! Chớ không có giận hờn trừng phạt gì cả !

Sao ta không lấy cái lòng tha thứ mình để tha thứ cho người khác, cho...thế giới đại đồng, cho... cõi lòng mở rộng, cho... xóa bỏ hận thù, và cho... tình người được nồng ấm hơn lên !?.

43. 守口如瓶，防意如城。

Thủ khẩu như bình, phòng ý như thành.

THỦ : là Giữ, là Canh chừng.

BÌNH : là Cái Bình (bằng gốm sứ, pha lê ...).

PHÒNG : là Hờ, là Phòng thủ, là Đề phòng.

THÀNH 城 : Thành này có bộ Thổ một bên, là Thành được xây đắp bằng đất, là Thành Trì. Ta phân biệt với 2 chữ Thành sau đây :

THÀNH 誠 : có bộ Ngôn, là lời nói Thật, là Thành Thật.

THÀNH 成 : là Đạt được, là Thành Công.

NGHĨA CÂU :

Giữ cái miệng của mình như giữ cái bình quý, coi chừng bề (cần thiết lắm mới nói), và phải luôn luôn có ý đề phòng bất trắc, thì sẽ vững chãi như là thành trì. Về sau này còn có nghĩa là phải luôn luôn có ý đề phòng như đang thủ thành

vậy (lúc nào cũng phải đề phòng kẻ địch tấn công).

Câu nói trên hình thành một thành ngữ rất thông dụng " THỦ KHẨU NHƯ BÌNH " với nghĩa rộng rãi ngoài nghĩa giữ mồm miệng cho cẩn thận, còn để chỉ những ai ít nói. Vd : Họp mặt suốt buổi không thấy chị nói gì hết, sao hôm nay lại " Thủ khẩu như bình " vậy ?. Tới đây làm cho ta lại nhớ đến một câu trong Truyện Kiều, tả lúc Thúc Sinh về gặp Hoạn Thư theo lời khuyên của cô Kiều là :

... Nghĩ đà BUNG KÍN MIỆNG BÌNH,
Nào ai có khẩu mà mình lại cung !?.

Theo quyển Minh Tâm Bửu Giám mà tôi học hồi nhỏ, thì sau 2 câu trên còn có 2 câu nữa, như thế này :

Thủ khẩu như bình, Phòng ý như thành,

守口如瓶，防意如城。

Thị phi chỉ vị đa khai khẩu,

是非只爲多開口，

Phiền não giai nhân cường xuất đầu.

煩惱皆因強出頭。

Có nghĩa :

Giữ miệng như giữ bình quý, Giữ ý đề phòng như đang thủ thành. Chuyện thị phi mà có được là do nói quá nhiều (đa khai khẩu), và phiền não mà có được đều do (giai nhân 皆因) đòi hỏi quá đáng, cố chấp quá đáng, bướng bỉnh quá lố (cường xuất đầu).



44. 寧可人負我，切莫我負人。

Ninh khả nhân phụ ngã, Thiết mạc ngã phụ nhân.

NINH KHẢ : là Thà rằng, Thà là.

PHỤ : là Cồng trên lưng, là Quay lưng lại với ai đó.(để cồng), nhưng lâu dần được sử dụng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. nên nghĩa phát sinh là : Phụ rẫy ai đó, vì vậy ta có thành ngữ :

" Phụ Tâm Nhân 負心人 " là Kẻ phụ tình, Kẻ bạc tình.

THIỆT MẠC : là Đừng bao giờ, là Chớ nên.

NGHĨA CẢ CÂU :

Thà là để người ta phụ mình, chớ mình đừng bao giờ phụ người. Nói thì nghe dễ, nhưng thực tế lại rất khó. Đức tính nhẫn nhục, cam chịu thật cao quý vô cùng, nhưng cũng thiết thòi vô cùng và cũng dễ làm xúc động , cảm hóa đối phương... vô cùng ! . Câu nói này ngược hẳn lại với câu nói của Tào Tháo khi giết Lã Bố Xa là người ơn nghĩa của mình, bị Trần Cung trách vấn tại sao, thì Tào Tháo bảo rằng : " Thà là mình phụ người ta, chớ không để cho người ta phụ mình, Thà rằng mình phụ thiên hạ, chớ không để thiên hạ phụ mình. ". Quả là tay gian hùng và là tay thủ đoạn chính trị tầm cỡ, và cũng chính vì vậy mà Tào Tháo mới soán ngôi nhà Hán để lập nên nhà Ngụy của riêng mình !

Câu nói này còn được nói gọn lại như sau :

NINH KHẢ PHỤ NGÃ, THIẾT MẠC PHỤ NHÂN.

寧可負我，切莫負人。

45. 再三須重事，第一莫欺心。

Tái tam tu trọng sự, Đệ nhất mạc khi tâm.

TÁI TAM : Tái là Lần nữa, Lần thứ 2. Tam là Lần thứ 3. Tái Tam : là cân nhắc 2, 3 lần, lấy ý của một câu trong Luận Ngữ : " Tam tư nhi hành, Tái tư khả hĩ ! 三思而行，再思可矣 " (Suy nghĩ ba lần trước khi muốn làm một việc gì đó, đến khi muốn bắt đầu làm còn có thể suy nghĩ lại một lần nữa cho chắc ăn !). Chỉ sự cẩn thận, Cân nhắc.

TU : là Phải, Nên. Khác với Tu 修 : là Sửa.

TRỌNG SỰ : là Xem trọng sự việc.

MẠC : là Đừng, là Chớ.

KHI TÂM : là Lòng khinh rẻ, Xem nhẹ hoặc hời hợt với chuyện gì, điều gì đó.

NGHĨA CẢ CÂU :

Muốn làm hoặc quyết định một việc gì đó, phải xem trọng việc đó và phải suy nghĩ cân nhắc tới lui 2, 3 lần rồi mới làm hoặc quyết định, Hạng nhất là không được có lòng khinh rẻ hoặc xem thường việc đó. Câu này khuyên ta không nên quyết định vội vàng hấp tấp bất cứ một sự việc nào đó, để khỏi phải hối tiếc hoặc ân hận về sau.

46. 虎生猶可近，人熟不堪親。

Hổ sanh do khả cận, nhân thực bất kham thân.

DO KHẢ : là Còn có thể. Vẫn có thể.

THỰC : là Quen biết. Thực còn có nghĩa Chín (trái với Sống).

BẤT KHAM : là không nên, Không ổn, Không Kham.

NGHĨA CÂU :

Con cọp dữ (hay bất cứ con thú nào dữ đều rất dữ dằn, do bản năng làm mẹ để bảo vệ các con của chúng), vẫn còn có thể gần gũi được, chứ những người mà ta quen biết thì không nên gần gũi thân thiết bao giờ !.

Tại sao ? Sao lại phải bị quan thế kia ? Đây chỉ là lời khuyên nên cẩn thận đề phòng lòng người nham hiểm vô chừng mà thôi ! Những người mà ta quen biết thân thiết với họ, kể hết cho họ nghe những ưu khuyết điểm, những thói hư tật xấu, những bí ẩn đời tư với họ, đến khi có chuyện không hay xảy ra, thì chính họ sẽ là những người tố cáo ta mạnh mẽ nhất, chính xác nhất mà ta vô phương chạy chối, chừng đó ta sẽ thấy họ còn dữ hơn là con cọp đang dữ nữa !. Câu nói tuy bị quan nhưng rất thực tế : " Nhân thực bất kham thân " là thế !

47. 來說是非者，便是是非人。

Lai thuyết thị phi giả, Tiệt thị thị phi nhân.

THỊ PHI : Thị là Đúng, Phi là Sai. Thị là Phải, Phi là Trái. Nên THỊ PHI là những Đúng sai, phải trái, tốt xấu... ở đời.

GIẢ : là Người, dùng để đối với chữ NHÂN ở phía sau.

TIỆN THỊ : là Chính là, Tức là.

NGHĨA CÂU :

Cái người đến nói chuyện Thị Phi, chính là con người Thị Phi đó.

Câu này muốn thức tỉnh ta về nhân cách của những người hay nói về người này, người khác, chuyện này chuyện nọ...Đó không phải là những người tốt, đó chính là những con Người Thị Phi đó. Rất nhiều chuyện mịch lòng nhau, nghi ngờ nhau, ghét bỏ nhau... đều là do NHỮNG CON NGƯỜI THỊ PHI này mà ra cả ! Trong cuộc sống ta gặp rất nhiều người như thế này, nên chuyện THỊ PHI chỉ nghe chơi rồi bỏ, là chắc ăn nhất !



48. 遠水難救近火，遠親不如近鄰。

Viễn thủy nan cứu cận hỏa, Viễn thân bất như cận lân.

NGHĨA CỦA CÂU :

Nước xa khó cứu được lửa gần, Bà con xa không bằng xóm giềng gần. Câu nói nêu lên tầm quan trọng của bà con chòm xóm khi tắt lửa tối đèn, người láng giềng gần sẽ là người thân cùng chia sẻ với ta tất cả những không may khi xảy đến. Nhưng câu nói này chỉ đúng với chòm xóm ở VN ta mà thôi, còn ở Mỹ thì... nhà hàng xóm người Việt ngang mặt nhà tôi đã 20 năm nay, ông ta đâu có biết tôi là ai, và tôi cũng không biết ông ta ... tên là gì nữa ! Một chiếc xe trước cửa nhà ông ta " ve " như thế nào đó mà đựng xập thùng thơ xây bằng gạch trước cửa nhà tôi. Ông Mỹ ở kế nhà tôi kêu và mách cho tôi biết, tôi sang tìm hỏi ông ta, thăm tính sẵn dịp để làm quen, chớ cũng chả cần phải thường bồi gì cả. Nhưng khi gặp mặt hỏi thăm, thì ông ta chối bầy bầy, bảo là thằng Mỹ nói bầy... thế là... hòa cả làng, và tôi với ông ta lại tiếp tục... không biết nhau luôn ! Thật chán thay " láng giềng gần "... ở Mỹ !!! .

49. 有茶有酒多兄弟，急難何曾見一人。

Hữu trà hữu tửu đa huynh đệ, Cấp nạn hà tăng kiến nhất nhân.

CẤP : là Gấp rút. Mau lẹ, Vội vàng.

NẠN : là Danh Từ chỉ Tai nạn, Hoạn nạn. Khi đọc là NAN (không có dấu nặng) thì là Hình Dung Từ chỉ Khó, khó khăn.

HÀ TĂNG : là Chẳng từng, Chẳng hề.

NGHĨA CÂU :

Khi có trà có rượu thì nhiều anh nhiều em lắm (anh em ở đây chỉ Bạn bè của " Trà Tam Tửu Tứ "), nhưng đến khi gặp nạn gấp rút cần người giúp đỡ, thì chẳng hề thấy người nào vác mặt đến để giúp đỡ cả !

Lúc hoạn nạn, người nào " mò " đến, người đó mới chính là " Bạn bè " thực sự !

50. 人情似紙張張薄，世事如棋局局新。

Nhân tình tựa giấy tờ mỏng, Thế sự như kỳ cuộc cuộc tân.

TRƯỜNG : Ta đọc trại thành Trang, là Mạo từ : TRANG giấy. Họ Trương cũng chữ Trương này. Gốc của chữ này do bộ Cung 弓 lấy Ý, và chữ Trường 長 lấy Âm, ghép lại mà thành, nên nghĩa chính là GIƯỜNG. Trương Cung là Giường Cung đó. KHAI TRƯỜNG : là Mở rộng cửa ra để đón khách vào.

CUỘC : Còn đọc là CỤC , cũng là Mạo từ, Một Cuộc Cờ là Một ván cờ. Danh từ chỉ : Một đơn vị hành chánh, như Cảnh Sát Cuộc, Cục An Ninh...

NGHĨA CÂU :

Tình người như giấy, tờ nào tờ nấy mỏng te. Còn chuyện đời thì như cờ vậy, mỗi ván một mới thay đổi luôn luôn.

Ta cũng có câu : " Nghĩa nhân mỏng vánh tựa cánh con chuồn chuồn, khi vui nó đậu khi buồn nó bay ! ". Thế thôi !



51. 山中也有千年樹，世上難逢百歲人。

Sơn trung dã hữu thiên niên thụ, Thế thượng nan phùng bách tuế nhân.

DÃ HỮU : là Cũng có, Còn có.

NAN PHÙNG : là Khó gặp.

NGHĨA CÂU :

Trong núi còn có cây sống cả ngàn năm, chớ trên đời rất khó mà gặp được người sống đến một trăm tuổi.

Câu nói này bị " phá sản " hoàn toàn trong xã hội ngày nay ! Nạn phá rừng tràn lan, muốn kiếm cây sống trăm năm còn khó, nói gì đến ngàn năm. Còn con người , thì ôi thôi, Y học, khoa học tiến bộ, nhan nhản khắp mọi nơi trên trái đất ở đâu cũng có người sống hơn một trăm tuổi cả !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 8 .



52. 力微休負重，言輕莫勸人。

Lực vi hưu phụ trọng, Ngôn khinh mạc khuyên nhân.

VI : là Nhỏ, là Mỏng, là Yếu.

HUU : là Nghỉ, (Hưu trí). là Đứng.

PHỤ : là Vác, là Cồng, nghĩa bóng là Gánh vác : Phụ trách.

KHINH : là Nhẹ, là Mau, là Không có trọng lượng.

KHUYẾN : là Khuyên, là Khích lệ.

NGHĨA CÂU :

Sức yếu thì đừng vác nặng, Lời nói nhẹ thì đừng khuyên người. Cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Không đủ năng lực thì đừng gánh lấy trách nhiệm lớn lao, dễ làm hư việc lớn. Lời nói không có " Kí Lô ", không có trọng lượng, thì đừng nên khuyên người, chẳng những người ta không nghe, mà lắm khi còn bị lảng nhục, ngỡ ngàng. Nói chung là phải biết tự lượng sức mình, biết người biết ta thì sự việc mới có hiệu quả tốt.

53. 無錢休入眾，遭難莫尋親。

Vô tiền hưu nhập chúng, Tao nạn mạc tìm thân.

HUU : là Nghỉ ngơi. Ở đây là Phó từ có nghĩa là Đứng.

NHẬP CHUNG : là Vào chỗ đông người, Tham gia vào các Cộng đồng.

TAO : là Gặp gỡ, Gặp phải. TAO NẠN. : là Gặp nạn.

TÂM THÂN : là Tìm người thân, Tìm Thân nhân.

NGHĨA CÂU :

Không có tiền, Nghèo thì đừng tham gia vào các cộng đồng (chỗ đông người). Còn khi gặp tai nạn, cần đi lánh nạn, thì đừng tìm Bà con. Tại sao ?. Tại vì Bà con thân nhân cũng sợ trách nhiệm, sợ bị vạ lây, mà không dám chứa ta đâu, hay có chứa thì cũng tỏ ra lạnh nhạt bức bối, khó chịu ra mặt... ta cũng khó sống lắm ! Chưa nói đến chuyện còn đi đầu thú, báo cáo để hại ta nữa !.

Còn nghèo hã ? Cứ nằm nhà đi cho yên thân, tham gia cộng đồng chỉ tổ

cho người khinh rẻ mà thôi !. Ở đây cần nói rõ, các Tổ chức Cộng đồng người Hoa, hễ ai nhiệt tâm chịu ra tiền nhiều cho Cộng đồng, thì người đó được trọng vọng và có Chức sắc trong tổ chức cộng đồng, nếu không thì chỉ đến đó làm lon ton mà thôi. Xưa cũng vậy mà nay cũng vậy, ở VN cũng vậy mà ở Mỹ cũng vậy, nên những Tổ Chức Cộng Đồng người Hoa rất giàu. Còn Tổ chức Cộng đồng người Việt của mình thì trái ngược lại, vì có tài trợ của Chính quyền Mỹ ở địa phương, nên ai tham gia và tích cực với Cộng đồng thì có thể có quyền lợi gì đó, có thể... kiếm chút cháo được !. Xin lỗi đã nói thẳng nói thật những gì thấy được. Xin góp ý để sửa sai. Cảm ơn trước.

54. 平生莫作皺眉事，世上應無切齒人。

Bình sinh mạc tác trứu mi sự, Thế thượng ưng vô thiết xỉ nhân.

BÌNH SINH : là Cuộc sống Bình thường, tức là Cuộc đời đó.

MẠC TÁC : là Đừng làm, là Chớ nên làm.

TRỨU MI : Trứu là Nhăn, Mi là Mày. Trứu Mi : là Nhăn mày, là Cau mày.

ƯNG VÔ : Đáng lý là Không, là Sẽ Không có.

THIỆT XỈ : Thiết là Xắt, là Theo, là Cọ xát. Xỉ là Răng.

Thiết Xỉ là Nghiến Răng trong thành ngữ " Giáo

Nha Thiết Xỉ 咬牙切齒 " là Nghiến Răng Nghiến

Lợi, chỉ sự cắn hờn hoặc tức giận đến cực điểm.

NGHĨA CÂU :

Trong cuộc đời, đừng làm những việc gì khiến người ta phải nhăn mày, thì trên đời này sẽ không có ai nghiến răng nghiến lợi cả !

Trong đời ta không làm những việc ác nhân sát đức để hại người, khiến người ta phải nhăn mặt nhú mày đau thương hờn oán, thì làm gì còn có người phải cắn hờn oán giận đến nỗi phải nghiến lợi nghiến răng !?.

55. 士者國之寶，儒為席上珍。

Sĩ giả quốc chi bảo, Nho vi tịch thượng trân.

SĨ : là Kẻ sĩ, là Học trò, là người ra làm quan (xuất sĩ).

Sĩ là giai cấp đứng đầu trong xã hội nông nghiệp

ngày xưa : Sĩ Nông Công Thương Binh.

GIẢ : là Người. Nhưng ở đây Nó là Đại từ Liên Quan

dùng để nhấn mạnh từ đứng trước nó, có nghĩa là
Đó, Cái Đó Đó. SĨ GIẢ : là Kẻ Sĩ Đó (đó).

BẢO : là Cửa Báu, là Báu Vật, là Đồ Quý Giá.

NHO : là Nho Giáo, Ở đây chỉ Người theo đạo Nho.

TỊCH : là Chiếu, Vd : Chủ Tịch là người ngồi đầu chiếu.

Ta lại đọc trại thành Tiệc : Yến Tịch là Yến Tiệc.

TRÂN : là Cửa Quý như Trân Châu.

là Món Ngon như Sơn Trân Hải Vị.

Ở đây dùng để đối với chữ BẢO ở trên.

NGHĨA CÂU :

Người có học, người ra làm quan là bảo vật của quốc gia. Người học theo đạo Nho, Nho sinh, Nho sĩ là những người được trân quý trên bàn tiệc (trên chiếu).

Câu này đề cao người có học, người theo Nho học để an bang tế thế (của xã hội Phong Kiến ngày xưa) luôn luôn được coi trọng ở mọi nơi mọi chốn, từ bàn tiệc nhỏ nhoi cho đến quốc gia đại sự. Mặc dù ngày nay đạo Nho không còn được trọng vọng như ngày xưa nữa, nhưng câu này vẫn còn tác dụng dùng để khuyên răn con cháu cố gắng học hành cho thành đạt, vẫn hơn là đốt nát phải lao động chân tay. Ở bất cứ xã hội nào, chế độ nào, thời buổi nào, người có trí thức vẫn được trọng vọng hơn.

56. 若要斷酒法，醒眼看醉人。

Nhược yếu đoạn tửu pháp, Tỉnh nhơn khán túy nhơn.

NHUỘC : là Nếu, ta có từ Nhược bằng là Nếu Như.

Trong kinh Phật đọc là NHÃ khi đi với chữ BAN ở
phía trước BAN NHUỘC 般若 : đọc là BÁT NHÃ.

YẾU : Tỉnh Từ có nghĩa là Quan Trọng, như YẾU NHÂN.

Động Từ có nghĩa là Muốn, là Cần.

ĐOẠN : Tỉnh từ, có nghĩa là Đứt, là Dứt. Vd : Đoạn Tình.

Động Từ, có nghĩa là Cắt Đứt, Đoạn Tuyệt là Cắt
đứt hẳn.

PHÁP : là Phép, là Cái Cách.

TỈNH : là Tỉnh Táo, Tỉnh rượu, là Ngủ dậy : Tỉnh Giác.

NGHĨA CÂU :

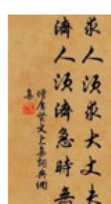
Nếu như muốn cai rượu, cách tốt nhất là hãy nhìn cái thằng say lúc
mình đang tỉnh rượu.

Dùng con mắt tỉnh táo để nhìn cái thằng say, coi nó " quây " như thế nào, thì sẽ biết rằng lúc mình say mình cũng quây như thế đó, thấy được những chuyện xấu làm lúc say để xấu hổ mà " Cai Rượu " !. Nhưng có Cai được không lại là một chuyện khác, thấy thì thấy vậy, chớ tới chừng uống thì vẫn cứ " Vô " như thường !. Ông bà mình nói : " Tửu nhập tâm như cầu cuồng tại thị 酒入心如火狂在市 " Rượu đã vào bụng rồi thì như con chó chạy vòng vòng ngoài chợ không còn úy kỵ gì nữa hết !

GHI CHÚ THÊM :

*(Cầu) cuồng tại thị : là (Chó) chạy lòng vòng ngoài chợ.

* Cuồng Cầu 狂狗 : là Chó điên.



57. 求人須求英雄漢，濟人須濟急時無。

Cầu nhân tu cầu anh hùng hán, Tế nhân tu tế cấp thời vô.

Thất thời nhất trích như cam lộ, Túy hậu thêm bôi bất như vô.

Khát thời nhất trích như Cam lộ, Túy hậu thêm bôi bất như vô.

TU : là Phải, là Cần phải.

ANH HÙNG HÁN, ĐẠI TRƯỞNG PHU là mẫu người lý tưởng, hay cứu khốn phò nguy của xã hội ngày xưa.

TẾ : là Cứu Giúp, như Cứu Tế, Tế bản.

CẤP THỜI : là Lúc gấp rút, lúc Cần thiết nhất.

NHẤT TRÍCH : là Một giọt, Một Nhều.

CAM LỘ : Nước ngọt lịm có thể xoa dịu đau khổ và cải tử hồi sinh trong Tịnh bình có cắm nhánh liễu của Quan Thế Âm Bồ Tát.

THÊM : Ta đọc trại thành THÊM.

NGHĨA 4 CÂU THƠ TRÊN :

Cầu người thì phải cầu người Anh hùng Hào hán (những người đó mới giúp đỡ mình được, mới xứng đáng để mình cầu xin giúp đỡ.). Còn tiếp giúp người ta thì phải giúp lúc người ta không có mà cần được giúp đỡ nhất, tức là cứu giúp người ta trong lúc túng ngặt nhất, cần thiết nhất thì mới đáng quý, việc cứu giúp mới có giá trị. Cũng như khi người ta khát mình chỉ cho một giọt nước thôi,

thì cũng quý giá như là giọt nước Cam lộ trong Tịnh bình của Quan Thế Âm Bồ Tát vậy, còn khi người ta đã say sưa rồi (tức là đã uống tràn hống rồi !) mà còn mời uống thêm một ly nữa, thì ly đó uống cũng như không, không có giá trị gì cả !

58. 久住令人賤，貧來親也疏。

Cửu trú lệnh nhân tiện, Bần lai thân dã sơ.

LỆNH : Danh từ là Mệnh lệnh.

Động từ là Ra lệnh.

Phó từ là Làm cho, Khiến cho.

TIỆN : là Hèn hạ. Bần Tiện là Nghèo hèn.

SƠ : là Thừa thốt, là hơi hợt, là lợt lạt.

NGHĨA CÂU :

Ở lâu khiến cho người trở nên hèn mọn, Nghèo mà đến thăm thì thân thích cũng trở nên lợt lạt.

Câu nói này rất thực tế trong tình đời mà ta phải biết để tránh cho đừng xảy ra. Đi nhờ cậy để ăn nhờ ở đậu nhà của ai đó , dù là bạn bè thân thiết cách mấy đi nữa, mà nhờ cậy trường kỳ, lâu dài , đừng nói là người ta sẽ nhìn mình bằng con mắt bần tiện, mà chính bản thân mình cũng thấy mình trở nên hèn mọn. Bà con thân thích ruột rà cũng vậy, nếu mình nghèo mà có thật lòng đến thăm, thì cũng ít khi được sự tiếp đãi nhiệt tình, không khéo bà con còn sợ mình đến để nhờ cậy gì đây mà mĩa mai hắt hủi nữa là đằng khác !.



59. 酒中不語真君子，財上分明大丈夫。

Tửu trung bất ngữ chơn quân tử, Tài thượng phân minh đại trượng phu.

TỬU TRUNG : là Trong lúc uống rượu.

BẤT NGỮ : là Chẳng nói chẳng rằng.

CHƠN QUÂN TỬ : là Người Quân tử thật sự, để đối lại với người làm bộ ra vẻ quân tử là NGUY QUÂN TỬ.

TÀI THƯỢNG : là Trên mặt tiền bạc, là Về mặt tiền tài.

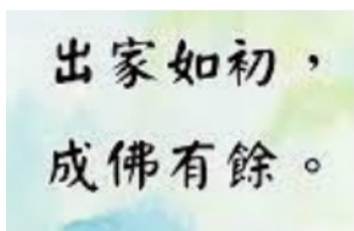
PHÂN MINH : là Phân biệt một cách minh bạch, là Rõ ràng.

ĐẠI TRƯỞNG PHU : Nghĩa đen là Người đàn ông cao lớn, hiên ngang.
Nghĩa phát sinh là Người đàn ông đứng đắn, đáng hoàng, đáng mặt đàn ông.

NGHĨA CÂU :

Trong lúc nhậu nhẹt mà không mượn hơi rượu để làm nư, để nói hưu nói vượn, là người chánh nhân quân tử thật sự. Về mặt tiền tài luôn luôn minh bạch rõ ràng từng xu từng cắc một, là người đàn ông đứng đắn đáng hoàng, đáng mặt đại trượng phu.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 9 .



60. 出家如初，成佛有餘。

Xuất gia như sơ, Thành Phật hữu dư.

XUẤT GIA : là Ra khỏi nhà, là Đi Tu.

SƠ : là Lúc ban đầu. là Ban Sơ. Sơ Sinh là Mới đẻ. Mồng,

Mùng : Sơ tam Sơ Tứ là Mùng 3 mùng bốn.

DƯ : là Thừa. Hữu Dư là Có thừa.

NGHĨA CÂU :

Đi tu mà được như lúc ban đầu mới sơ sinh, (Nhân chi sơ, tánh bản thiện), thì thành Phật có thừa, là dư sức để thành Phật.

Con người ta lớn lên trong gia đình và xã hội bị nhiễm đủ thứ tham sân si... Nếu giữ cho lòng được thánh thiện như lúc mới sinh ra, thì thành Phật là cái chắc ! Nhưng tờ giấy trắng đã nhuộm đủ thứ màu sắc rồi, muốn trắng lại thật khó lắm thay !!!

61. 積金千兩，不如明解經書。

Tích kim thiên lượng, bất như minh giải kinh thư.

TÍCH : là Để dành. Tích Kim là để dành Vàng.

MINH GIẢI : là Minh bạch lý Giải, là Hiểu một cách rõ

ràng, tường tận.

KINH THƯ : là Sách Vở. Ở đây chỉ sách vở của các học trò ngày xưa là Tứ Thư Ngũ Kinh.

NGHĨA CÂU :

Để dành được một ngàn lượng vàng, không bằng hiểu thấu nghĩa lý của sách vở, của Tứ Thư Ngũ Kinh.

Ý câu này là khi hiểu thấu ý nghĩa của Kinh Thư, đi thi đậu làm quan, thì số tiền kiếm được còn hơn một ngàn lượng vàng nữa, và một lý giải cao hơn nữa là, khi thấu hiểu nghĩa lý của kinh thư, biết phải làm sao làm người cho tốt, có ích cho nhân quần xã hội... thì cái Giá Trị con người đó còn quý hơn là có được một ngàn lượng vàng mà... chỉ để trong kho cho...dán ngắt mà thôi !

62. 養子不教如養驢，養女不教如養豬。

Dưỡng tử bất giáo như dưỡng la, Dưỡng nữ bất giáo như dưỡng trư.

DUỠNG : là Nuôi, ta có từ kép vừa Hán vừa Việt là Nuôi Dưỡng.

LA : là Con Lừa.

NGHĨA CÂU :

Nuôi con trai mà không biết dạy thì như nuôi con Lừa. Còn nuôi con gái mà không biết dạy thì như nuôi con Heo.

Lừa là con vật chỉ biết kéo xe hoặc để cỡi lòng vòng ở địa phương. chứ không có chí lớn để vượt ngàn trùng như Kỳ Kỳ, hay Thiên lý Mã. Còn Heo thì chỉ có nước vỗ béo để tìm nơi gả bán mà thôi ! Nghĩa đã rõ, ai muốn hiểu thêm thế nào cũng được !

63. 有田不耕倉廩虛，有書不讀子孫愚。

Hữu điền bất canh thương lẫm hư, Hữu thư bất độc tử tôn ngu.

倉廩虛兮歲月乏，子孫愚兮禮義疏。

Thương lẫm hư hề tuế nguyệt phạp, Tử tôn ngu hề lễ nghĩa sơ.

Chú thích :

THƯƠNG LẨM : Thương là KHO, LẨM là VỰA , Thương lẫm là Nhà Kho. Ở đây chỉ Cái Bô Lúa trong nhà ngày xưa.

HƯ : là Trống không, là Vơi đi. Doanh Hư : là Đầy Vơi.

ĐỘC : Xin nhắc lại, ngoài nghĩa Đọc, **ĐỘC** còn có nghĩa là **HỌC**. **Độc** Thư : là Học tập, Học hành.

PHẠP : là Thiếu, là Mẻ. **Khuyết Phạp** : là Thiếu thốn.

SƠ : là Thừa thớt, là Hời hợt.

Nghĩa câu :

Có ruộng mà không chịu cày, thì bờ lúa sẽ trống không, Có sách vở mà không biết học, thì con cháu sẽ ngu dốt. Bờ lúa trống không thì ngày tháng tới sẽ thiếu ăn, Con cháu ngu dốt thì sẽ không biết gì là lẽ nghĩa .



64. 同君一夜話，勝讀十年書。

Đồng quân nhất dạ thoại, Thắng độc thập niên thư.

Chú Thích :

THOẠI : là Lời nói. Động từ là Nói Chuyện : Đàm Thoại.

THẮNG : là Được (trái với Thua). Ở đây có nghĩa là **HƠN**.

Nghĩa Câu :

Nói chuyện với anh một đêm còn hơn là đọc sách mười năm. Đây là cách Nói Nhân dùng để chỉ người có kiến thức uyên bác, học nhiều hiểu rộng, nói chuyện với những người này một đêm, cái thu hoạch còn hơn cả mười năm đèn sách .

65. 人不通今古，馬牛而襟裾。

Nhân bất thông kim cổ, Mã ngưu nhi khâm cừ.

Chú Thích :

KHÂM CỪ : Khâm là 2 vạt áo đối xứng 2 bên, nên **KHÂM HUYNH ĐỆ** là Anh em Cột Chèo. Cừ là 2 vạt áo lớn trước và sau của loại áo dài xưa, nên **KHÂM CỪ** : là Phiếm chỉ Quần áo của con người mặc.

Nghĩa Câu :

Người mà không thông chuyện kim cổ,(Chuyện xưa không biết, chuyện nay cũng không thông, ý chỉ không chịu học hành, không hiểu biết gì cả !), thì như ngựa trâu mà mặc quần áo vậy.(ý chỉ không biết gì là lẽ nghĩa ở đời.).

Đây là 2 câu thơ trong bài thơ " Phù Độc Thư Thành Nam " của Hàn Dũ

韓愈 (Một trong Đường Tống Bát Đại Gia) đời Đường. Ông chỉ muốn nói là nếu không chịu học thì không hiểu gì về cách xử thế ở đời mà thôi, nhưng về sau khi hình thành Thành Ngữ " KHÂM CỪ MÃ NGƯU 襟裾馬牛"(Ngựa trâu mặc quần áo) thì nghe nặng nề như đang " xài xê " ai vậy !. Trong khi đó thì TAM TỰ KINH lại nói một cách rất nhẹ nhàng là : " Ngọc bất trác, bất thành khí. Nhân bất học, bất tri lý " mà thôi !

66. 茫茫四海人無數，哪個男兒是丈夫。

Mang mang tứ hải nhân vô số, Nả cá nam nhi thị trượng phu.

Chú Thích :

MANG MANG : là Mênh mông , bao la.

NẢ CÁ : là Cái Nào, Người Nào.

TRƯỢNG PHU : là Đàn Ông, là Đại Trượng Phu, là CHỒNG. Xin được chiết tự chữ Trượng Phu như sau : Trượng là 10 thước, Phu là Người Đàn ông mạnh khỏe. Trượng Phu : Người đàn ông cao lớn và mạnh mẽ, nghĩa bóng là Người đàn ông có chí lớn, đáng mặt đàn ông, và... Bất cứ người phụ nữ nào cũng muốn có được một người phối ngẫu như thế, nên... nghĩa phát sinh và lại rất thông dụng của từ Trượng Phu là : CHỒNG.

Nghĩa Câu :

Mênh mông bốn biển đầy rẫy cả người là người , không biết ai mới là bậc đại trượng phu đây (... người đàn ông nào mới đáng mặt đàn ông đây ?). và cũng có nghĩa : Người đàn ông nào mới (đáng mặt) là chồng của mình đây ?!.

Xin được giải thích thêm về từ BỐN BIỂN, là 4 biển nào ?. Ta thường nghe câu " Tứ Hải giai Huynh đệ 四海皆兄弟" (4 biển đều là anh em), hoặc " Đại trượng phu Tứ Hải vi gia 大丈夫四海為家 " (Người Đại trượng phu thì 4 biển đều là nhà cả !). Theo quan niệm xưa của Trung Hoa, thì " Thiên Hạ " tức " Thế giới " chỉ có nước TH mà thôi, và vì Môn học Địa lý chưa phát triển, nên họ nghĩ xung quanh nước TH đều là biển, Bốn Biển tức là chỉ Cả Nước đó. Một giải thích khác thì căn cứ vào Bản đồ Địa lý hiện nay, có 4 biển dọc theo bờ biển của nước TH tính từ Bắc đến Nam như sau : Bột Hải, Hoàng Hải, Đông Hải và Nam Hải. Bốn Bể bây giờ còn dùng để chỉ khắp Thế Giới trong từ : " Bốn bể Năm châu ". Tại ta xài quen chữ " Bốn Bể " chớ Địa Lý Thế giới tới " Ngũ Đại Dương " lận !.

67. 白酒釀成延好客，黃金散盡為收書。

Bạch tửu nưong thành diên hảo khách, Hoàng kim tán tận vị thu thư.

Chú Thích :

NHUỠNG : là Ủ , là Cát. Nhưỡng Tửu là Ủ rượu, Cát rượu.

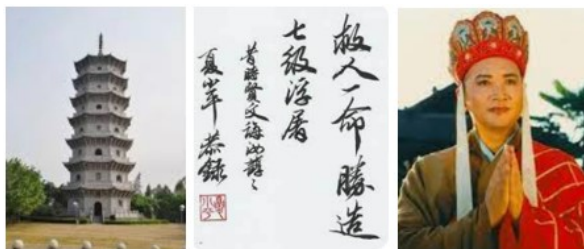
DIÊN : là Đãi. Diên Yến là Đãi tiệc.

Nghĩa Câu :

Rượu trắng nguyên chất cất thành là để đãi khách quý , Còn Vàng ròng tiêu xài hết là để thu gom sách vở mà thôi.

Ý chỉ : Làm những việc xứng đáng phải làm. Bỏ công cất rượu ngon chỉ vì muốn đãi khách quý, tiêu hết gia tài là chỉ để thu mua hết sách quý trong thiên hạ mà thôi. Sách vở còn tượng trưng cho Kiến Thức quý giá của con người nữa. Giá trị sách vở ngày xưa quý là thế, nhưng bây giờ lại bị Internet giết chết queo ! Muốn tìm tài liệu gì thì cứ " Google " một cái là xong ngay, khỏi lật sách làm chi cho lâu lắt, mất công, nhiều khi lại toàn là kiến thức cũ chưa được cập nhật hóa nữa !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 10.



68. 救人一命，胜造七级浮屠。

Cứu nhân nhất mệnh, thắng tạo thất cấp phù đồ.

Chú Thích :

CẤP : là Cái Bực thêm, nghĩa rộng là Thứ Bạc : Cấp Bạc.

PHÙ ĐỒ : là Phiên âm của chữ Phật Đà, chỉ Đạo Phật và Phật giáo đồ, nghĩa phát sinh : là Cái Tháp để thờ Phật.

Nghĩa Câu :

Cứu một mạng người, còn hơn xây bảy tầng tháp để thờ Phật. Ta thường nói trại đi là : " Cứu một mạng người, còn hơn lập bảy kiềng chùa ". Dù nói như thế nào đi nữa thì ý của câu này cũng nhấn mạnh Mạng Người là hệ trọng nhất. Trong phần Thiên Lý của Nho Giáo cũng dạy là " Nhân Mệnh Quan Thiên " 人命關

天.(Mạng người có quan hệ với Trời, Trời đã đặt để sẵn cả rồi), để khuyên các vị Vương Hầu không nên sát hại người một cách bừa bãi.

69. 城門失火，殃及池魚。

Thành môn thất hỏa, Ương cập trì ngư.

Chú Thích :

THẤT HỎA : là Bị Hỏa Hoạn, Bị Cháy.

ƯƠNG : là Tai Ương, Tai Họa.

ƯƠNG CẬP : là Tai họa lây lan TỐI...Cái gì đó, Ai đó.

Nghĩa Câu :

Cửa thành bị cháy, làm " văng miếng " đến mấy con cá dưới ao cũng bị họa lây. Tại sao ? Vì lửa mà cháy được công thành là lửa lớn, phải vét hết nước dưới ao để tưới cho tắt lửa. Ao hết nước thì cá làm sao mà sống ?. Ở đời có rất nhiều chuyện dây chuyền như thế, ông hàng xóm cháy nhà, không phải chỉ mình ông xui thôi, mà những nhà chung quanh cũng bị xui lây...

70. 庭前生瑞草，好事不如無。

Đình tiền sanh thoại thảo, Hảo sự bất như vô.

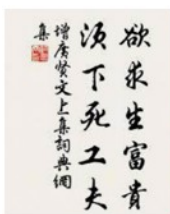
Chú Thích :

THOẠI : là Điềm lành.

THOẠI THẢO : Loại cỏ quý hiếm báo hiệu có điềm lành.

Nghĩa Câu :

Trước sân mọc cỏ lành, chuyện tốt cũng bằng không. Trước sân bỗng mọc được loại cỏ quý hiếm, ai thấy cũng bảo đó là điềm lành điềm tốt, nhưng chỉ được tiếng thôi, chuyện tốt đó có cũng như không. Có điềm tốt, bà con kéo đến đầy nhà để chúc mừng, tốt đâu chưa thấy, trước mắt phải tốn hao trà nước và phải mất thời gian để tiếp khách... cho nên bảo " Hảo sự bất như vô " , chẳng bằng không có chuyện tốt đó còn hơn.



71. 欲求生富貴，須下死工夫。

Dục cầu sanh phú quý, Tu hạ tử công phu.

Chú Thích :

DỤC CẦU : Là Muốn cầu xin, Muốn có được.

TU HẠ : là Phải bỏ ra, Phải trả giá.

CÔNG PHU : là Công sức (bỏ ra để làm việc gì đó).

Nghĩa Câu :

Muốn có được cuộc sống giàu sang, thì phải bỏ công sức ra làm chết bỏ mới có được.

Ông bà ta dạy " Đại phú do Thiên, Tiểu phú do Cần ". Muốn có đời sống giàu sang phú quý, phải siêng năng và làm việc cật lực thì mới có được. Của cải không ở trên trời rớt xuống, cũng không phải tự dung đi đường đá phải cục vàng mà làm giàu được. Trúng số chỉ là một phần triệu triệu mà thôi !

72. 百年成之不足，一旦敗之有餘。

Bách niên thành chi bất túc, Nhất đán bại chi hữu dư.

Chú Thích :

CHI : Ở đây là Phiếm chỉ Đại từ, có nghĩa : Cái Mà...

THÀNH BẠI : Còn được hiểu là : Được Mất, Hơn Thua .

Nghĩa Câu :

Cái thành, cái được của một trăm năm còn chưa đủ, nhưng cái bại, cái mất của một ngày đã có thừa.

Ý chỉ, Cái thành quả tích lũy được rất khó khăn, ta phải biết trân trọng nó. Nếu phá tán thì chỉ trong một ngày, thành tích của một trăm năm sẽ tiêu tan tất cả ! Những người đam mê cờ bạc cần phải biết câu nói này ! . Đệ nhất Cộng Hòa 9 năm xây dựng , Đệ nhị Cộng Hòa 12 năm duy trì phát triển, chỉ thua một trận Ban Mê Thuộc là mất sạch tất cả thành tích của 21 năm trước đây cố gắng gian khổ hy sinh...

73. 人心似鐵，國法如爐。

Nhân tâm tự thiết, Quốc pháp như lô.

Chú Thích :

THIỆT : là Sắt.

LÔ : là Lò.

Nghĩa Câu :

Lòng người như sắt, còn Phép nước như lò.

Ý muốn nói, lòng người có cứng rắn tới đâu, có ngoan cố tới đâu, thì cũng phải chịu phép, vì Phép nước sẽ nung chảy tất cả giống như là cái lò luyện kim vậy .



74. 善化不足，惡化有餘。

Thiện hóa bất túc, Ác hóa hữu dư.

Chú Thích :

HÓA : Làm cho trở nên. Như : Biến Hóa, Hóa Học.

Nghĩa Câu :

(Ở trên đời này), Cái làm cho trở nên thiện thì chưa đủ, nhưng Cái mà làm cho trở nên ác thì có thừa. Xã hội đầy rẫy những cám dỗ để tha hóa con người, những cái làm cho con người biết hướng thiện thì rất ít.

75. 水太清則無魚，人太緊則無智。

Thủy thái thanh tắc vô ngư, Nhân thái khẩn tắc vô trí.

Nghĩa Câu :

(Nơi nào đó), Nước trong quá thì không có cá, còn Con người lúc gấp rút quá, khẩn trương quá, thì thiếu trí sáng suốt, không biết phải xử lý , tính toán làm sao !

76. 知者減半，省者全無。

Tri giả giảm bán, Tỉnh giả toàn vô.

Nghĩa Câu :

Người hiểu biết thì giảm được một nửa, Người tỉnh ngộ thì hoàn toàn không có gì cả !

77. 在家由父，出嫁從夫。

Tại gia do phụ, Xuất giá tòng phu.

Nghĩa Câu :

Ở nhà thì mọi việc do cha quyết định, Còn lấy chồng thì phải theo ý của chồng.

Đây là câu nói trong Luận Ngữ được sửa lại theo lối nói bình dân. Nguyên Văn là : " Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử ". Hồi nhỏ, ở trong chợ Cái Chanh, tôi nghe những người lớn nói chơi như thế này : " Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, đây ghe vô ụ, sút bánh lái chồng khu ! ".

78. 痴人畏婦，賢女敬夫。

Si nhân úy phụ, Hiền nữ kính phu.

Chú Thích :

ÚY : là Sợ, Nể. Như : Hậu sinh khả úy.

HIỀN : là Hiền Thục. Ngoài nghĩa KHÔNG DỮ ra, HIỀN còn có nghĩa là GIỎI GIANG. Ví dụ : Hiền Thần : là Bề tôi giỏi . Hiền Tài : là Người Tài giỏi, đây còn là một Chức Sắc trong Cao Đài Giáo.

Nghĩa Câu :

Người đàn ông chẳng ra gì thì (si ngây, ngờ nghệch) sợ vợ, còn người đàn bà hiền thực thì kính trọng chồng. (Chớ không có ăn hiếp chồng, và phải biết suy nghĩ như Hoạn Thư trong Truyện Kiều vậy : "*Xấu chàng mà có ai khen chi mình !*").

不 是
聽 非
自 終
然 日
無 有



79. 是非終日有，不聽自然無。

Thị phi chung nhật hữu, Bất thính tự nhiên vô.

Chú Thích :

CHUNG : là Hết, Kết Thúc, Cuối Cùng, là Đuôi. Ví dụ : Cáo Chung là Chấm hết. Chung Thủy là Đuôi Đầu, " Hữu Thủy Vô Chung " là Có Đầu không Đuôi, Có mở đầu mà không có kết thúc.

CHUNG NHẬT : là Suốt ngày. CHUNG THÂN là Suốt đời.

Nghĩa Câu :

Chuyện thị phi có suốt ngày, nếu không nghe, thì tự nhiên sẽ không có gì hết !.
Nói thì dễ, chớ làm sao không nghe cho được !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 11 .



80. 寧可正而不足，不可邪而有餘。

Ninh khả chánh nhi bất túc, Bất khả tà nhi ữ dư.

Chú Thích :

NINH KHẢ : Thà là, Thà đành, Thà cam.

BẤT KHẢ : Không thể, Không được, Không nên.

Nghĩa Câu :

Thà cam chánh trực mà không đủ, chớ không nên tà ác để có dư. Thà là ngay thẳng mà thiếu thốn, còn hơn gian ác để làm giàu.

Câu nói này hiện đang đi ngược lại với xã hội VN trước mắt. Thà là mảnh mung để làm giàu, chớ không chịu ngay thẳng đảng hoàng để chết đói.

Câu nói phải được sửa lại một cách mỉa mai như sau :

"Bất khả chánh nhi bất túc, Ninh khả tà nhi ữ dư" !

(Không nên chính trực để thiếu thốn, Thà đành tà ác để có dư !)

81. 寧可信其有，不可信其無。

Ninh khả tín kỳ hữu, Bất khả tín kỳ vô.

Chú Thích :

KỲ : là Phiếm Chỉ Đại từ , có nghĩa : Cái, Cái Mà.

Nghĩa Câu :

Thà là tin cái có , chớ không nên tin cái không có. Cái có, ý chỉ nghe thấy và có chứng cứ đảng hoàng. Cái Không có, là Cái mà chỉ nghe nói hoặc chỉ là tin đồn. Chuyện gì cũng phải tỉnh táo, không nên nghe theo những lời đồn thất thiệt.

82. 竹籬茅舍風光好，道院僧房總不如。

Trúc ly mao xá phong quang hảo, Đạo viện tăng phòng tổng bất như.

Chú Thích :

TRÚC LY : là Hàng rào bằng tre.

MAO XÁ : là Nhà lá.

ĐẠO VIỆN : là Nơi Đạo sĩ tu hành. (tu Tiên).

TĂNG PHÒNG : là Nơi Hòa Thượng tu hành. (tu Phật).

TỔNG : là Tất cả. Ở đây có nghĩa là Đều.

Nghĩa Câu :

Thà ở nhà lá rào tre mà phong cảnh đẹp để nhàn nhã, Chùa chiền Đạo viện tất cả đều không bằng hết !.Giữ cuộc sống cho thanh bần giản dị, yên thân với sự nhàn nhã thanh thoi, còn hơn là đi tu phật tu tiên gì đều không bằng được cả !

83. 命裡有時終須有，命裡無時莫強求。

Mệnh lý hữu thời chung tu hữu, Mệnh lý vô thời mạc cường cầu.

Chú Thích :

CHUNG TU : là Rót cuộc phải..., Cuối cùng cũng....

CUỒNG : Danh từ đọc là CUỒNG : Mạnh, chỉ Sức Mạnh.

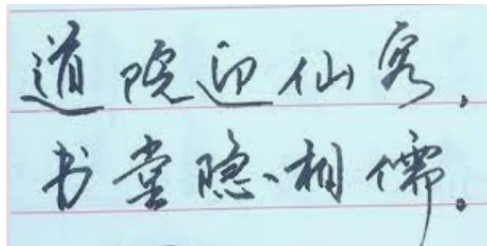
Cường là Động Từ : Dùng sức mạnh để chiếm hữu cái gì đó. Vd : Cường Đoạt là Giựt ngang.

CUỒNG CẦU : là Ráng cầu cho có... cái gì đó.

Nghĩa Câu :

Trong số mệnh của mình sẽ có được cái gì đó, thì rút cuộc cũng có mà thôi. Còn số mệnh đã không có rồi thì đừng có ráng mà cầu cho có.

Hãy yên phận với cái gì mà mình có trước mắt, đừng đòi hỏi, đeo bòng những thứ mà mình khó thể có được. Ví dụ, thấy người ta trúng số, rồi cũng bắt chước mua số, ráng mua nhiều cho trúng, cuối cùng tiền mất tật mang, ghiền mua vé số đến táng gia bại sản cũng không trúng được Độc Đắc. Cho nên, ta phải luôn luôn nhớ là... " Mệnh lý vô thời mạc cường cầu " ! là thế. " Chấp nhận hiện tại là Hạnh Phúc " !.



84. 道院迎仙客，書堂隱相儒。

Đạo viện nghinh tiên khách, Thơ đường ẩn tướng nho.

Chú Thích :

ĐẠO VIỆN : Còn gọi là Đạo Quan, nơi các đạo sĩ, đạo cô tu tiên.

THƠ ĐƯỜNG : Còn gọi là Thơ Phòng (Thư Phòng) nơi các Nho sinh học tập để thi đỗ làm quan.

TUỐNG : là Tướng bên Văn. Học văn mà làm đến Tướng thì lớn hơn Tướng bên Võ. Ví dụ như : Thừa Tướng, Tể Tướng...

Cũng chữ này, khi đọc là TUÔNG, thì có nghĩa : Với nhau. Như : Tương thân tương ái, Tương phùng, Tương Tư....

Nghĩa Câu :

Đạo viện thì đón khách tiên, (vì toàn là những người tu để thành tiên cả, có vẻ râm rộ bên ngoài !). Thơ phòng còn ẩn các danh Nho Thừa tướng. (Có vẻ yên tĩnh vắng vẻ, nhưng thành đạt thì cũng hiển hách vô cùng).

85. 庭栽棲鳳竹，池養化龍魚。

Đình tài thê phụng trúc, Trì dưỡng hóa long ngư.

Chú Thích :

THÊ : là Đậu , là Nương Náo. Thê Phụng : Chim phụng đậu.

Nghĩa Câu :

Trong sân trồng tre để cho chim phụng đậu. Trong ao thì nuôi cá để hóa rồng (chỉ cá Chép').

Cũng như câu trên, chỉ những chỗ tầm thường nhưng có thể ẩn chứa những nhân vật sự vật không tầm thường chút nào ! Trồng tre cho vua các loài chim đậu, ao thì nuôi cá hóa rồng, thư phòng thì có Thừa tướng tương lai, đạo viện thì có khách tiên lui tới !

86. 結交須勝己，似我不如無。

Kết giao tu thắng kỷ, Tự ngã bất như vô.

Chú Thích :

Kết Giao : Kết bạn và Giao tình, tức là chọn bạn để chơi.

Tu : là Phải, Cần phải.

Tự : Ở đây nghĩa là Tương Tự : là Giống như.

Nghĩa Câu :

Chọn bạn mà chơi, phải tìm người nào hơn mình kia, còn nếu cũng giống như mình thì cũng bằng không .

Chọn người hơn mình để học cái hay, cái tốt, cái giỏi của người ta, còn bạn mà dở hơn mình hoặc bằng mình thì không có gì cho mình học được cả! Khuyến thì nói thế, chớ ai cũng tìm người giỏi hơn mình mới kết bạn, thì còn ai chơi với mình nữa !?



87. 但看三五日，相見不如初。

Đản khan tam ngũ nhật, Tương kiến bất như sơ.

Chú Thích :

Đản Khan : là Chỉ thấy, là Hãy nhìn xem, là Cứ nhìn xem.

Nghĩa Câu :

Chỉ thấy trong vòng năm ba bữa, gặp lại nhau thì đã khác lúc ban đầu rồi ! Chỉ sự thay đổi và tiến bộ một cách nhanh chóng, làm người ta phải nể phục. Ta có câu thành ngữ " Sĩ biệt tam nhật, quát mục tương khan 士別三日，刮目相看。", là : Kẻ sĩ chỉ cách nhau 3 ngày thôi, thì phải nhìn nhau bằng cặp mắt khác rồi ! Lấy tích ở Tam Quốc...

Lữ Mông là tướng giỏi của Đông Ngô, nhưng vì xuất thân bản hàn thất học, chỉ giỏi võ mà không giỏi văn, được sự khuyến khích của chủ tướng Tôn Quyền, nên cố gắng chăm học, chỉ một thời gian rất ngắn đã giỏi cả binh thư đồ trận, kinh luân thao lược, đến nỗi Lỗ Túc khi làm Đô Đốc bàn chuyện binh với Lữ Mông cũng phải vỗ vai khen ngợi, và Lữ Mông đã rất tự hào mà nói lên câu nói bất hủ nêu trên. Và... cũng nhờ vậy mà sau này Lữ Mông mới trở thành Đô Đốc của Đông Ngô.

Ý câu nói khuyên ta không nên xem thường ai cả, có lắm người chỉ trong một thời gian ngắn, với sự phấn đấu vượt bậc, đã trở nên rất xuất sắc và giỏi cả mọi mặt.

88. 人情似水分高下，世事如雲任卷舒。

Nhân tình tự thủy phân cao hạ, Thế sự như vân nhậm quyện thư.

Chú Thích :

Quyện : là Cuốn lại. là Quấn lấy.

Thư : là Thư giãn, là buông thả, là thả lỏng.

Nghĩa Câu :

Tình người cũng phân chia cao thấp như nước vậy, còn Chuyện đời thì như mây trên trời khi quyện lại một nơi, khi thì tản mạn khắp nơi. Đây cũng là lẽ tự nhiên ở đời, Nước trên cao là khe là suối là thác, nước dưới thấp là sông hồ ao biển, còn tình người thì phân biệt đối xử đối với những kẻ giàu nghèo, sang hèn, quý tiện...

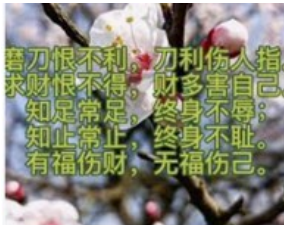
89. 會說說都是，不會說無禮。

Hội thuyết thuyết đô thị, Bất hội thuyết vô lễ.

Nghĩa Câu :

Biết nói thì nói đủ thứ chuyện, nói gì nghe cũng phải cũng đúng cả. Còn không biết nói thì dễ nói những điều mịch lòng, thất lễ với người khác. Không biết nói, nín thinh, lẩm lức cũng là một thái độ vô lễ đối với người đối diện.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 12.



90. 磨刀恨不利，刀利傷人指。

Ma đao hận bất lợi, Đao lợi thương nhân chỉ.

求財恨不得，財多害自己。

Cầu tài hận bất đa, Tài đa hại tự kỷ.

Chú Thích :

Ma : là Mài, là Cọ. Ma Đao : là Mài Dao. Ma Sát là Cọ xát.

Nghĩa Câu :

Mài dao thì tiếc là dao không bén, nhưng dao bén thì dễ đứt tay. Cầu tài thì tiếc là không được nhiều, nhưng tiền của nhiều thì có hại đến bản thân mình.

Có tiền nhiều, đâm ra ăn chơi cờ bạc có hại cho sức khỏe .Có tiền nhiều, sanh tật vợ bé vợ mọn có hại cho hạnh phúc gia đình .Có tiền nhiều,

trộm cướp dòm ngó nguy hiểm đến tính mạng của mình nữa....Có tiền nhiều, có hại là thế !

91. 知足常足，終身不辱。

Tri túc thường túc, Chung thân bất nhục.

知止常止，終身不恥。

Tri chỉ thường chỉ, Chung thân bất sỉ.

Nghĩa Câu :

Thường ta biết đủ thì đủ, (không đòi hỏi quá đáng), thì suốt đời sẽ không bị ai làm nhục (cho mình là tham lam quá đáng).

Biết lúc nào nên dừng thì dừng lại, (không yêu cầu quá lỗ, được voi đòi tiên), thì suốt đời sẽ không ai sỉ nhục mình được.

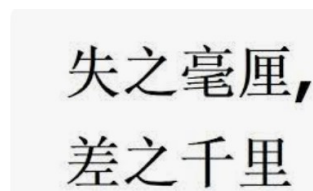
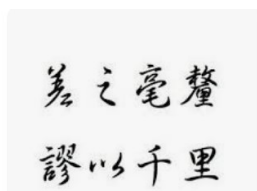
92. 有福傷財，無福傷己。

Hữu phước thương tài, Vô phước thương kỷ.

Nghĩa Câu :

Có phước thì tổn thương tài sản, tiền bạc. Không có phước thì tổn thương đến bản thân mình.

Ông bà ta nói " tán tài thì tiêu tai ", của cải dờ cho con người. Câu này dùng để an ủi người nào đó khi người đó bị mất của... cho đỡ buồn !



93. 差之毫厘，失之千里。

Sai chi hào li, Thất chi thiên lý.

Chú Thích :

Sai : là Kém cỏi, là Không đúng, là Chênh lệch.

Sai số : là Kết quả của toán trừ. là Xê Xít.

Hào Li : là Đơn vị đo lường thật nhỏ. Hào là Cắc trong đơn vị tiền tệ, trong đo lường Hào chỉ khoảng cách bằng 1 sợi lông mà thôi.(Bên dưới chữ Hào có bộ Mao là Lông). Li là 1 phần ngàn của mét.

Thất : là Mất đi, là Thất thoát, là Sai lệch.

Nghĩa Câu :

Chênh lệch chỉ một hào một li thôi, nhưng sai lệch có thể lên đến cả ngàn dặm. Trong tiếng Việt, ta có câu " Sai một li, Đi một dặm " chính là ý này vậy !.

94. 若登高必自卑，若涉遠必自邇。

Nhược đăng cao tất tự ti, Nhược thiệp viễn tất tự nhĩ.

Chú Thích :

Nhược : là Nều. Nhược bằng : là Nều như.

Tự Ti : là Tự thấy mình nhỏ nhoi.

Thiệp Viễn : là Đi xa. Vượt ra xa.

Nhĩ : là Gần, là Thiển cận.

Nghĩa Câu :

Nếu lên cao tất thấy mình nhỏ nhoi, nếu đi xa tất sẽ thấy mình thiển cận. Từ nhỏ đến lớn cứ ru rú ở mãi quê mình, thì sẽ không biết gì là trời cao đất rộng cả !. Có đi đây đi đó mới mở mang được kiến thức. Bài học thuộc lòng của lớp Đồng Ấu ngày xưa có câu :

*Đi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn ?!*

95. 三思而行，再思可矣。

Tam tư nhi hành, Tái tư khả hĩ.

Chú Thích :

Tam Tư : Là Suy nghĩ 3 lần. là Suy nghĩ Cẩn Thận.

Tái Tư : Suy nghĩ lại một lần nữa.

Nghĩa Câu :

Chuyện gì đó, Suy nghĩ kỹ (tam tư) rồi hãy làm, và... trước khi làm nên suy nghĩ lại một lần nữa (cho chắc ăn !). Phàm chuyện gì cũng không nên hấp tấp, vội vàng, mà phải cân nhắc cẩn thận rồi hãy quyết định, để tránh những ân hận, nếu có, về sau.

96. 使口不如自走，求人不如求己。

Sử khẩu bất như tự tẩu, Cầu nhân bất như cầu kỷ.

Chú Thích :

Sử Khẩu : là Sử dụng cái miệng, ý nói Nhờ Cậy hoặc Sai Biểu ai làm việc gì đó.

Tự Tẩu : là Tự mình đi (Tẩu là Đi, chứ không phải Chạy).

Nghĩa Câu :

Nhờ Cậy hoặc Sai Biểu ai làm việc gì đó, không bằng tự mình đi làm việc đó. Cầu cạnh người khác không bằng cầu cạnh chính bản thân mình.

Việc gì tự mình làm được thì nên tự mình làm lấy, nhờ cậy hoặc sai bảo người khác đôi lúc lại lôi thôi, rách việc... Người ta làm không vừa ý mình, làm lấy có, làm trễ nãi, thậm chí làm hư việc của mình !... Thế thì sao ta không tự đi làm lấy cho chắc ăn ?!. Cầu nhân bất như cầu kỷ mà !

Các bậc trưởng thượng nên chiêm nghiệm câu này, vì Quý Vị hay ngồi một chỗ sai bảo người khác lắm, con cháu làm không vừa ý lại quát mắng om sòm ! Xin lỗi đã xúc phạm !

97. 小時是兄弟，長大各鄉里。

Tiểu thời thị Huynh đệ, Trưởng đại các hương lý.

Chú Thích :

Hương Lý : là Làng xóm, Làng Quê, Người cùng Quê.

Nghĩa Câu :

Lúc nhỏ là anh em, lớn lên mỗi người có làng quê riêng của mình. Ý nói mỗi người đều lập nghiệp riêng, đều có thành tựu riêng ở thôn làng nào đó. Thường thì ngày xưa lập nghiệp là đi khẩn hoang, khai phá và mở thêm làng xóm, về hai của câu trên lẽ ra phải nói như thế này : "Trưởng đại các hữu chí" : Lớn lên mỗi người đều có chí riêng của mình !



98. 妒財莫妒食，怨生莫怨死。

Đố tài mạc đố thực, Oán sanh mạc oán tử.

Chú Thích :

Đố : là Đố Kỵ, là Ganh ghét.

Nghĩa Câu :

Ganh nhau về tiền của, chứ đừng ganh nhau về miếng ăn (Có giỏi thì làm giàu như người ta đi !). Oán trách cuộc sống chứ đừng oán trách cái chết (Sanh ký tử quy : Sống gọi thác về mà !).

Cuộc sống mang đến cho con người ta nhiều phiền toái, người ta nói "Rắc rối cuộc đời". Có oán thì oán cuộc đời, chứ chết có gì mà đáng oán sợ đâu ?!, Thì ra, con người... khổ mà sống còn hơn ! Nói thế, lại nhớ đến bài "Thần chết và lão Tiều phu" của Lã Phụng Tiên (La Fontaine) của Pháp.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 13.



99. 人見白頭嘆，我見白頭喜。

Nhân kiến bạch đầu sân, Ngã kiến bạch đầu hỉ.

多少少年亡，不到白頭死。

Đa thiếu thiếu niên vong, Bất đáo bạch đầu tử.

Chú Thích :

Sân : là Thở ra. là Giận. Sân Si : Buồn giận Cầu nhàu.

Thiếu : là It. Đa Thiếu là It Nhiều, có nghĩa là Bao Nhiêu?, là Biết bao nhiêu !.

Thiếu : là Trẻ. Thiếu Niên : là Tuổi trẻ.

Cùng một chữ 少 đọc 2 âm và có 2 nghĩa khác nhau. Đây là cách Giả Tá 假借 (mượn tạm) trong Lục Thư 六書 (6 cách thành lập chữ) của "Chữ Nho... Dễ Học".

Nghĩa Câu :

Người ta thấy đầu bạc thì thở ra (Buồn vì biết mình đã già), Ta thấy đầu bạc thì lại mừng (mừng vì biết mình sống dai). Hãy xem, Biết bao nhiêu người tuổi trẻ chết yểu, chưa thấy đầu bạc đã chết rồi !. Vậy thì, đầu bạc đâu có đáng buồn đâu !

100. 牆有縫，壁有耳。

Tường hữu phùng, Bích hữu nhĩ.

好事不出門，惡事傳千里。

Hào sự bất xuất môn, Ác sự truyền thiên lý.

Chú Thích :

Phùng 縫: là Khe hở, là Mối nối giữa 2 đường chỉ.

Động từ : là May, May Vá.

Bích : là Vách 壁 (có bộ Thổ bên dưới), Nếu là Ngọc

Bích thì có bộ Ngọc bên dưới 璧.

Nghĩa Câu :

Tường có khe hở, Vách có lỗ tai. Chuyện tốt thì không ra khỏi cửa, còn chuyện xấu thì truyền xa đến ngàn dặm.

Tiếng Việt ta cũng có câu : "Rừng có mạch, Vách có tai" để chỉ, chuyện gì không nói ra thì thôi, hễ nói ra rồi thì trước sau gì mọi người đều biết cả !. Đừng tưởng nói lén ở trong Rừng rồi không ai biết, trong phòng kín,

nhưng Vách vẫn có tai mà !. Ở đời, thường thì chuyện tốt ít ai biết tới. Tại sao ?. Tại vì người ta ít khi chịu nói đến cái tốt của người khác ! Còn chuyện xấu thì , Ôi thôi , chỉ chịt một cái là cả xóm cả làng đều hay biết cả !



101. 賊是小人，智過君子。

Tặc thị tiểu nhân, Trí quá quân tử.

君子固窮，小人窮斯濫矣。

Quân tử cố cùng, Tiểu nhân cùng tư lạm hĩ.

Chú Thích :

Tặc : là Giặc, là Trộm, là Cướp.

Cố Cùng : Cố là Chắc, là Cứng. Động tử là Giữ Chắc.

Cố Cùng : là Giữ chắc lấy cái nghèo của mình, là cam phận với cái nghèo của mình, không làm bậy.

Lạm : là Nước tràn bờ. là Quá mức, là Vượt mức.

Nghĩa Câu :

Kẻ trộm cướp là đứa Tiểu nhân, nhưng đôi lúc lại cơ trí hơn người Quân tử . Người Quân tử cam phận với cái nghèo của mình, còn kẻ Tiểu nhân khi nghèo thì làm những việc vượt mức cho phép (làm bậy làm bạ).

Đây là câu nói của Đức Khổng Phu Tử trong Luận Ngữ, được minh họa bởi 2 câu truyện kể sau đây cho câu nói : "Tặc thị tiểu nhân, Trí quá quân tử."...

Có tên trộm lẻn vào nhà kia, trộm lấy cái khánh (một loại nhạc cụ xưa, như cái chuông). Vừa ra khỏi cửa, thì cũng vừa lúc chủ nhân về đến, tên trộm bèn bước tới cúi chào thưa : " Lão gia, ông mua khánh không ?". Chủ nhà bèn đáp : " Nhà tôi có cái khánh rồi, không mua nữa đâu ! ". Tên trộm bèn vác cái khánh đi thẳng. Đến chiều, khi cần dùng đến cái khánh, nhưng tìm không thấy. Chủ nhà mới chợt tỉnh ngộ : Người bán khánh chính là tên trộm khánh !.

Lại kể...

Có một người đi chợ về, mua một cái nồi, dọc đường mắc tiểu, ông ta để cái nồi xuống bên vệ đường, rồi đứng chịch vào bên đường để tiểu. Có tên trộm đi ngang thấy vậy, bèn lấy cái nồi đội lên trên đầu, rồi cũng đứng tiểu ở vệ đường bên kia. Người ấy tiểu xong, thấy mất nồi, còn đang dáo dác, thì tên trộm bên kia cũng tiểu xong , cười nói với ông ta rằng : " Đây là đường cái quan , nhiều người qua lại, ông phải đội cái nồi trên đầu như tôi thế này, thì mới không bị mất, sao lại để nó xuống dưới đường !?.

Truyện kể cho ta thấy rằng : Quân Tử và Tiểu Nhân như nhau cũng là con người, chưa chắc ai đã khôn lanh và cơ trí hơn ai, chẳng qua phẩm chất đạo đức khác nhau mà thôi. Quân Tử thì " cố cùng ", còn Tiểu Nhân thì " cùng tư lạm hỉ " !.



102. 貧窮自在，富貴多憂。

Bần cùng tự tại, Phú quý đa ưu.

Nghĩa Câu :

Nghèo nàn nhưng thoải mái, Giàu sang lại có nhiều lo lắng.

Nghèo, nên không có gì để mất, và vì thế cũng không có gì để giữ, tự do tự tại, sống thoải mái qua ngày. Giàu sang trái lại, phải lo toan đủ thứ, lo giữ của, lo mất tiền, lo người khác đến mượn, lo trộm cướp, lo làm cách nào để có nhiều tiền hơn nữa. v. v... và .v. v...

103. 不以我為德，反以我為仇。

Bất dĩ ngã vi đức, phản dĩ ngã vi cừ.

Nghĩa câu :

Không xem ta là người ân đức, mà ngược lại còn xem ta là kẻ thù. Ở đời, nhiều khi làm ơn mắc oán, hoặc làm ơn không khéo, không tế nhị, chẳng những không được cảm ơn mà còn bị xem như kẻ thù ! Đây là câu nói lấy của người làm ơn : " Chẳng cảm ơn ta thì thôi, mà ngược lại còn xem ta là kẻ thù nữa ! ".

104. 寧向直中取，不可曲中求。

Ninh hướng trực trung thủ, Bất khả khúc trung cầu.

Chú Thích :

Ninh hướng : Thà hướng về, Nên hướng về....

Trực : là Ngay, là Thẳng, là Đàng hoàng.

Khúc : là Cong, là Gãy, là Lương lẹo.

Nghĩa Câu :

Thà hướng về chỗ đàng hoàng mà lấy, chớ không nên xin xỏ cho có được bằng cách lương lẹo. Nói cách khác...

Nên có được bằng cách đàng hoàng, chớ không nên có được bằng cách mờ ám.



105. 人無遠慮，必有近憂。

Nhân vô viễn lự, Tất hữu cận ưu.

Chú Thích :

Lự : là Suy nghĩ vì lo lắng.

Ưu : là Lo lắng vì suy nghĩ.

Nghĩa Câu :

Con người ta không có cái lo xa (những lo lắng cho về lâu về dài), thì tất cũng có cái nghĩ gần (những ưu tư cho cuộc sống trước mắt).

Câu nói này đúng cho tất cả mọi người trong cuộc sống của tất cả thời đại, thời gian, đông tây kim cổ. Câu nói này còn làm ta nhớ lại 4 chữ " CƯ AN TƯ NGUY " 居安思危 trên phù hiệu của Trường Bộ Binh Thủ Đức ngày xưa.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 14 .



106. 知我者謂我心憂，不知我者謂我何求？

Tri ngã giả vị ngã tâm ưu, Bất tri ngã giả vị ngã hà cầu ?

Chú Thích :

Vị : là Nói Rằng. Kêu là. Từ kép là Vị Chi.

Nghĩa Câu :

Hiểu được ta thì bảo là lòng ta đang lo buồn, còn không hiểu được ta thì bảo rằng ta còn đòi hỏi chi đây ?.

Câu này lấy trong Kinh Thi , thiên "Vương Phong", bài "Thử Ly 黍離", nguyên văn như sau :

彼黍離離，彼稷之苗。

Bỉ thử ly ly , Bỉ tắc chi miêu.

行邁靡靡，中心搖搖。

Hành mại phi phi, Trung tâm diêu diêu.

知我者謂我心憂，不知我者謂我何求。

Tri ngã giả vị ngã tâm ưu, Bất tri ngã giả vị ngã hà cầu?

悠悠蒼天！此何人哉？

Du du thương thiên ! Thử hà nhân tai ?

Có nghĩa :

Hàng hàng kê xanh tốt, cao lương đang xanh mạ non.

Ta bước đi chầm chậm, trong lòng hoảng hốt không yên.

Người hiểu ta thì bảo lòng ta đang buồn, người không hiểu ta thì bảo rằng ta còn có đòi hỏi gì đây?

Trời cao xanh thăm trên kia ! Người nào đã tạo nên cảnh này đây ? (chỉ hờn mất nước).

Đây là bài ca dao cuối đời Tây Châu, cách đây hơn 3000 năm, sắp chuyển sang đời Đông Châu Liệt Quốc, nhiều nước Chư Hầu nhỏ bị mất bởi các nước lớn thôn tính.

Vì là Ca Dao xưa của đời Châu, nên xin được tạm diễn nôm bằng Lục Bát như sau :

*Lúa non xanh tốt hàng hàng,
Mạ non mơn mớn dạ càng ngẩn ngơ.
Bâng khuâng cất bước thần thờ,
Trong lòng ngơ ngẩn bơ phờ vì đâu ?
Hiểu ta người bảo ta sầu,
Không hiểu lại tưởng ta cầu chi đây ?
Trời xanh thăm thăm cao dày,
Ai bày chi cảnh đọa đày nước non ?*

107. 晴乾不肯去，直待雨淋頭。

Tình can bất khăng khứ, Trực đãi vũ lâm đầu.

Chú Thích :

Tình Can : là Nắng ráo, là Trời nắng.

Bất khăng : là Không chịu. Không thềm .

Trực Đãi : là Đợi đến lúc.

Vũ Lâm Đầu : là Mưa xối xả, Mưa như trút nước.

Nghĩa Câu ;

Lúc nắng ráo thì không chịu đi, đợi đến lúc mưa trút xuống đầu (rồi mới đi !). Cứ cà kê dê ngỗng mãi không đi, đến lúc phải đi thì mưa đã đổ ào xuống rồi ! Đây là chuyện rất thường xảy ra trong cuộc sống hàng ngày.

108. 成事莫說，覆水難收。

Thành sự mạc thuyết, Phúc thủy nan thân.

Nghĩa Câu :

Thành sự, được việc rồi, nhưng hãy khoan nói đả, vì nước đã đổ thì khó hốt lại lắm !.

Câu này khuyên ta, bất cứ chuyện gì hãy bình tĩnh, chớ quá vội vàng tuyên bố, mặc dù thấy chuyện đã thành (nhưng còn " muôn một " thì sao ?). Lời đã nói ra rồi, khó lấy lại được lắm ! " Phúc thủy nan thân " mà !.

Hai câu trên thường được nối bởi 2 câu sau đây :

是非只為多開口，煩惱皆因強出頭。

Thị phi chỉ vì đa khai khẩu, Phiền não giai nhân cường xuất đầu.

Có nghĩa :

Chuyên thị phi mà có được chỉ vì ta hay nói nhiều (đa khai khẩu). Tất cả những phiền não đều do nơi háo thắng (cường xuất đầu) mà ra !.



109. 忍得一時之氣，免得百日之憂。

Nhẫn đắc nhất thời chi khí, Miễn đắc bách nhật chi ưu.

Chú Thích :

Khí : là Hơi. Cái Hơi trong người bốc lên là Con Giận. nên

Khí : còn có nghĩa là Tức Giận.

Nghĩa Câu :

Dẫn xuống được cái tức giận trong một lúc, có thể miễn trừ được cái ưu phiền lo lắng của cả trăm ngày sau. Ai cũng biết thế cả ! Nhưng, có mấy ai dẫn được cái tức giận đang cuồn cuộn bốc lên trong một lúc đây ?!.

110. 近來學得烏龜法，得縮頭時且縮頭。

Cận lai học đắc ô qui pháp, Đắc xúc đầu thời thả thúc đầu.

Chú Thích :

Cận Lai : là Gần đây, là Dạo này.

Ô Qui : là Rùa đen. Ô Qui Pháp : là Cái Cách của con Rùa đen.

Xúc Đầu : là Rút đầu.

Nghĩa Câu :

Gần đây học được cái cách của con rùa đen, Khi nào cần rút đầu lại thì cứ rút đầu. Ý nói....

... Khi nào cần nhẫn nhục thì hãy nhẫn nhục cho qua chuyện. Trong tiếng Việt ta cũng có câu : "Tránh voi chẳng xấu mặt nào !" ý cũng tương tự như thế ! Lùi một bước cho trời yên biển lặng, thì có gì mà nhục nhả đâu !

111. 懼法朝朝樂，欺公日日憂。

Cụ pháp triều triều lạc, Khi công nhật nhật ưu.

Chú Thích :

Cụ : là Sợ. Một trong Thất Tình : Hỉ, Nộ, Ái , Ố, Ai, Cự, Dục.

Triều Triều : Triều là Buổi. Nghĩa rộng là Ngày. Triều Triều : là ngày ngày, có nghĩa là Bất cứ lúc nào !

Khi : là Coi rẻ, Ăn Hiếp, Gạt Gầm.

Nghĩa Câu :

Biết sợ luật pháp thì lúc nào cũng yên vui. Còn xem thường phép công thì ngày nào cũng phải lo lắng.

Tuân thủ luật pháp thì sống yên vui, không chấp hành luật pháp thì phải lo lắng hàng ngày. Những người trốn thuế, buôn lậu, buôn bán ma túy.... làm ăn bất hợp pháp, thì luôn luôn phải sống trong phập phồng lo lắng sợ hãi không yên.

112. 人生一世，草生一春。

Nhân sanh nhất thế, Thảo sanh nhất xuân.

Nghĩa Câu :

Người thì sống một đời, còn cỏ thì chỉ sống một mùa xuân (chỉ một năm thôi). Ai có phần nấy, nên mạnh ai nấy giữ phận của mình !.

113. 黑髮不知勤學早，看來又是白頭翁。

Hắc phát bất tri cần học tảo, Khán lai hựu thị bạch đầu ông.

Nghĩa Câu :

Tóc còn đen không biết sớm mà siêng học, Nhìn qua nhìn lại thì đã là ông lão đầu bạc rồi ! Thời gian luôn luôn vô tình lặng lẽ trôi, âm thầm nhưng rất tích cực, không chờ đợi ai cả ! Tóc còn xanh tuổi còn trẻ, không biết tranh thủ để học hành , thì cái già sẽ sống sộc đến nơi ngay !

Câu này còn có một dị bản là :

黑髮不知勤學早，

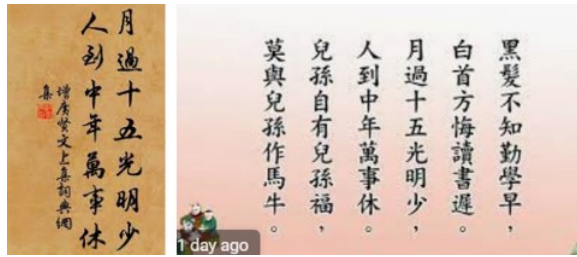
Hắc phát bất tri cần học tảo,

老來方悔讀書遲。

Lão lai phương hối độc thư trì.

Có nghĩa :

Tóc còn đen còn trẻ mà không biết tranh thủ học hành; đến khi già mới hối hận muốn học thì đã trễ quá rồi !



114. 月到十五光明少，人到中年萬事休。

Nguyệt đáo thập ngũ quang minh thiểu, Nhân đáo trung niên vạn sự hưu.

Chú Thích :

Hưu : là Thôi, là Nghỉ ngơi, là chấm dứt. Như : Về Hưu. Hưu Thơ 休書 là Giấy thôi vợ (Giấy ly hôn). Hưu Chiến : là ngừng đánh nhau. Hưu Tưởng : là Đừng hòng, Đừng tưởng bở.

Nghĩa Câu :

Trăng đến ngày 15 (rằm) thì ánh sáng bắt đầu giảm dần. Con người thì đến tuổi trung niên, muôn việc đều ngưng nghỉ chấm dứt hết rồi !. Câu nói này chỉ còn đúng ở về đầu, về thứ hai chỉ còn đúng ở quá khứ mà thôi. Theo tài liệu thống kê thì cuối đời Minh, đầu đời Thanh, tuổi Thọ trung bình của con người chỉ trên dưới 50 tuổi, nên "Nhân đáo trung niên... thì... vạn sự hưu". Còn bây giờ, nhất là ở Mỹ này, 50 tuổi mới là tuổi bắt đầu phát triển mạnh về mọi mặt cho sự nghiệp của mình !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 15.



115. 兒孫自有兒孫福，莫為兒孫作馬牛。

Nhi tôn tự hữu nhi tôn phúc, Mạc vị nhi tôn tác mã ngưu.

Nghĩa Câu :

Con cháu tự có cái phước phần của con cháu, đừng vì con cháu mà phải làm thân trâu ngựa. Ý muốn nói...

Con cháu tự nó biết phải làm ăn sinh sống như thế nào, cha mẹ ông bà không nên chen vào đời sống riêng tư của con cháu, mặc dù với danh

nghĩa là trông nom giúp đỡ, làm mọi không công cho con cháu... cũng không nên. Có mặt những "Người lớn" khác thế hệ, khác tư duy, khác cả về cách thức làm ăn sinh sống... lắm khi lại rách việc hơn, đôi lúc lại là...kỳ đà cản mũi.. phát triển của con cháu. Tốt nhất là hãy mặc cho con cháu tự phát triển lấy... Luôn luôn nên tâm niệm là "Nhi tôn tự hữu nhi tôn PHƯỚC" !. Cứ lo dưỡng già cho... chắc ăn !

116. 人生不滿百，常懷千歲憂。

Nhân sanh bất mãn bách, Thường hoài thiên tuế ưu.

今朝有酒今朝醉，明日愁來明日憂。

Kim triều hữu tửu kim triều túy, Minh nhật sầu lai minh nhật ưu.

Chú Thích :

Hoài : Thuộc bộ Tâm, nên cũng có nghĩa là Lòng, Trong Lòng, Mang trong Lòng. Như : Hoài Bảo là Ôm ấp, Ấp Ủ trong lòng.

Nghĩa Câu :

Đời sống của con người không đầy 100 tuổi, nhưng lại thường hay lo toan những việc của cả ngàn năm sau. Thôi thì, hôm nay có rượu uống, hãy uống cho say đi, ngày mai sầu muộn có đến thì ngày mai hãy lo rầu. Hơi sức đâu mà lo xa cho mệt !

Hai câu sau này lấy trong bài "Tự Khiển" Của La Ẩn, một thi nhân đời Đường, như sau :

自遣

TỰ KHIỂN

羅隱

La Ẩn.

得即高歌失即休，

Đắc tức cao ca thất tức hưu ,

多愁多恨亦悠悠。

Đa sầu đa hận diệc du du .

今朝有酒今朝醉，

Kim triều hữu tửu kim triều túy,

明日愁來明日愁。

Minh nhật sầu lai minh nhật sầu.

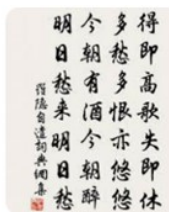
Tạm diễn nôm như sau :

Được vui, thất bại lại buồn so,

Sầu nhiều hận lắm ốm thân cò.

Hôm nay có rượu, hôm nay "xỉn",

Sầu đến ngày mai, đến hãy lo !



117. 路逢險處難回避，事到頭來不自由。

Lộ phùng hiểm xứ nan hồi ty, Sự đáo đầu lai bất tự do.

Chú Thích :

Hồi Ty : là Né Tránh. là Trốn lánh.

Nghĩa Câu :

Trên đường đi và cả trên đường đời nữa, lắm lúc ta phải gặp hoặc phải đương đầu với những chốn hiểm nguy, những điều hung hiểm mà ta không thể nào né tránh được. Sự việc khi đã gặp phải rồi, thì phải đương đầu mà giải quyết, chứ không còn được tự do lựa chọn nữa !

Câu này nêu lên trường hợp chẳngặng đừng mà ta phải đương đầu giải quyết, đòi hỏi ta phải có tâm lý chuẩn bị trước, cũng như phải có bản lĩnh để đương đầu với khó khăn nguy hiểm.

118. 藥能醫假病，酒不解真愁。

Dược năng y giả bệnh, Tửu bất giải chơn sầu.

Nghĩa Câu :

Thuốc có thể trị được bệnh giả, nhưng rượu thì không giải được nỗi sầu thật sự.

Giả bệnh, làm bộ bệnh, nhưng thầy thuốc cho thuốc uống thì phải hết thôi, không lẽ làm bộ mãi được ! Nhưng , nếu có việc buồn thật sự thì không thể uống rượu để tiêu sầu được. "Uống rượu giải sầu" chỉ là cái cớ để uống rượu cho có lý do mà thôi ! Vì tục ngữ cũng có câu : " Tửu nhập sầu trường sầu cánh sầu 酒入愁腸愁更愁 ! ", có nghĩa : Rượu vào trong cái ruột buồn, thì nỗi buồn lại càng thấm thía và càng cảm thấy buồn hơn nữa ! ". Đã nói : Tửu bất giải chơn sầu mà !

119. 人貧不語，水平不流。

Nhân bần bất ngữ, Thủy bình bất lưu.

Nghĩa Câu :

Người nghèo không nói, Nước bằng không chảy.

Lý đương nhiên thôi ! Nước khi đã giữ được mặt bằng thì đứng yên không chảy nữa, còn... Nghèo, nói chẳng ai thèm nghe, nghèo, lo buồn trong bụng, không muốn nói nhiều, nên chi... nghèo, lại đâm ra trầm tư ít nói. "Lòng buồn chẳng thiết nói năng chi" mà ! (Thơ Trần Tế Xương).



120. 一家有女百家求，一馬不行百馬憂。

Nhất gia hữu nữ bách gia cầu, Nhất mã bất hành bách mã ưu.

Nghĩa Câu :

Một nhà có con gái thì trăm nhà đến cầu cạnh xin cưới. Một con ngựa không đi nổi thì cả trăm con ngựa đều buồn rầu.

Về đầu còn có một dị bản là "Nhất gia DƯỠNG 養 nữ bách gia cầu" nghĩa cũng giống như nhau.

Về thứ hai thì giống như câu nói của tiếng Việt ta là : "Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ !". Loài cầm thú còn xót xa thương cảm nhau thế kia, huống chi là con người !...

121. 有花方酌酒，無月不登樓。

Hữu hoa phương chúc tửu, Vô nguyệt bất đăng lầu.

Chú Thích :

Chức : vừa có nghĩa là Rót, lại vừa có nghĩa là Uống.

Châm Chúc : Là Rót rồi bưng uống, vì Châm cũng có nghĩa là Rót, nên có Thành Ngữ : "Tự Châm Tự Chúc" là Một mình rót rượu rồi uống rượu cũng một mình. Vì là tự mình rót tự mình uống nên phải biết rót cỡ nào cho vừa thích. Vì vậy mà từ Châm Chúc còn có nghĩa là CÂN NHẮC. Ví dụ : Đối với công việc mới, nên Châm Chúc rồi mới làm. Có nghĩa là Cân Nhắc trước khi làm.

Đăng : là Lên, là Leo lên. Đăng Lâu là Lên lầu. Đăng Sơn là Lên Núi.

Nghĩa Câu :

Có hoa (để ngắm nhía) thì mới (có hứng) để uống rượu. Không có trăng để ngắm thì không thèm lên lầu.

Bất cứ việc gì, nếu không có lợi lộc thì cũng phải hợp với sở thích nào đó, thì người ta mới làm.



122. 三杯通大道，一醉解千愁。

Tam bôi thông đại đạo, Nhất tửu giải thiên sầu.

Nghĩa Câu :

Ba ly vào bụng thì thông được đạo lớn, Say một cái là giải được ngàn mối sầu.

"Ba ly" ở đây là "nhiều ly", chứ không phải chỉ có Ba Ly, như ta thường nói "Ăn Ba Hột Cơm rồi mới đi làm", Ba Hột Cơm... làm sao nó được ?!. Còn "Đạo Lớn" ở đây là "Đạo lý ở đời", là Đạo Làm Người !. Đây là

giọng điệu của những tay bợm nhậu, cũng như câu "Nhất túy giải thiên sầu" vậy. Nếu sầu thiết thì làm sao mà giải cho nổi ! Bài trước ta đã gặp câu "Tửu bất giải chơn sầu" mà ! .

Câu trên đây có một hỗn hợp xuất xứ rất lớn, này nhé...

Về đầu : "Tam bôi thông đại đạo" là câu thơ trích trong bài "Nguyệt Hạ Độc Chương" của Lý Bạch với 3 câu cuối như sau :

.... Tam bôi thông đại đạo,	三杯通大道
Nhất đấu hợp tự nhiên.	一斗合自然
Đản đắc tửu trung thú,	但得酒中趣
Vật vi tỉnh giả truyền	勿為醒者傳

Có Nghĩa :

*Ba ly thông đạo lớn,
Một đấu hợp tự nhiên
Chỉ muốn vui trong rượu
Mặc kẻ tỉnh huyền truyền .*

Về thứ hai " Nhất Túy Giải Thiên Sầu " xuất xứ từ bài Từ Mộc Lan Hoa Mạn của Ngô Trường đời nhà Tống, với các câu cuối như sau :

一醉解千愁。	Nhất túy giải thiên sầu.
自有壺中勝賞，	Tự hữu hồ trung thắng thưởng,
釀來玉液新篳。	Những lai ngọc dịch tân sư.

Có nghĩa :

*Hễ say thì ngàn sầu đều dứt,
Trong bình rượu tự có nguồn vui riêng,
Với những dung dịch trong như ngọc (ngọc dịch) vừa được lọc
(sư) và cất, ủ (những) mà thành.*



123. 深山畢竟藏猛虎，大海終須納細流。

Thâm sơn tất cánh tàng mãnh hổ, Đại hải chung tu nạp tế lưu.

Chú Thích :

Tất Cánh : là Chắc có, Thế nào cũng...

Tàng : là Cất, Giấu, Ẩn mình. Chứa.

Chung Tu : là Rốt cuộc rồi..., Đều phải...

Nạp : là Nhận, là Đón, là Tiếp nhận.

Tế Lưu : là Những dòng chảy nhỏ.

Nghĩa Câu :

Trong núi sâu thế nào cũng có cộp dữ ẩn mình, và biển lớn là do tiếp nhận những dòng chảy nhỏ kết hợp lại mà thành.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 16.



124. 惜花須檢點，愛月不梳頭。

Tích hoa tu kiểm điểm, Ái nguyệt bất sơ đầu.

Chú Thích :

Kiểm Điểm : là Xem xét lại.

Sơ 梳 : có bộ Mộc bên trái là Cái Lược để chải đầu làm bằng

Cây (gỗ) ngày xưa, nên SƠ (động từ) có nghĩa là Chải.

Sơ Đầu : là Chải Đầu.

Nghĩa Câu :

Thương xót hoa thì nên xem xét lại cách trồng và chăm sóc cho hoa. Cũng như yêu trăng thì (tắm xong) chưa kịp chải đầu đã vội vã lên lầu để ngắm trăng mọc rồi !

Thích thứ nào thì phải chăm chút vào thứ đó !

125. 大抵選他肌骨好，不敷紅粉也風流。

Đại để tuyển tha cơ cốt hảo, Bất phô hồng phấn dã phong lưu.

Chú Thích :

Đại Để : là Đại Khái, là Nói chung.

Cơ Cốt : Cơ là Bắp thịt, Cốt là Xương cốt. Cơ Cốt : chỉ

Hình hài Dáng vẻ bên ngoài.

Phô : là Bôi, Trét, Thoa.

Nghĩa Câu :

Nói chung là chọn những người có hình hài cốt cách đẹp là được, vì những người này không cần đánh phấn trang điểm vẫn thấy được cái dáng vẻ phong lưu.

Câu này giống như câu " Xem mặt mà bắt hình dong " của ta vậy !
Hề bề ngoài đẹp là được rồi !

126. 受恩深處宜先退，得意濃時便可休。

Thọ ân thâm xứ nghi tiên thoái, Đắc ý nồng thời tiện khả hưu.

Chú Thích :

Thọ 受 : Chữ này còn được đọc là THỤ, có nghĩa là Nhận.

授 : Chữ này đọc như chữ trên : THỌ, THỤ. có bộ Thủ

là Tay, nên có nghĩa là Đưa Cho. Đạo Nho có câu :

" Nam nữ thọ thọ bất thân 男女授受不親 " là : " Trai gái cho và nhận không được chạm tay nhau một cách thân thiết ".

Thâm là Sâu. Nồng là Đậm. Hưu là Nghỉ, là Thôi.

Nghĩa Câu :

Chỗ nào mà ta đã nhận ơn sâu nơi đó rồi , thì nên lui bước.(Đừng vác mặt tới đó thường xuyên, làm người ta hiểu lầm là đồ mặt dày, muốn đến để nhờ cậy nữa !). Khi nào mà ta cảm thấy mình đắc ý lắm rồi, thì nên thôi. (cứ thừa thắng xông lên mãi, người ta sẽ nói là mình làm phách, không biết điều, không khiêm tốn !).

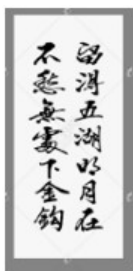
127. 莫待是非來入耳，從前恩愛反為仇。

Mạc đãi thị phi lai nhập nhĩ, Tòng tiền ân ái phản vi cừu.

Nghĩa Câu :

Đừng có để cho chuyện thị phi lọt vào tai, làm cho người ân ái yêu thương trước đây lại trở nên thù địch.

Đây là cái mấu chốt mà các nhà Đạo Diễn phim xã hội khai thác tối đa, để làm cho truyện phim hấp dẫn và gây căng hơn lên.



128. 留得五湖明月在，不愁無處下金鉤。

Lưu đắc ngũ hồ minh nguyệt tại, Bất sầu vô xứ hạ kim câu.

Nghĩa Câu :

Nếu còn chứa lại được vầng trăng sáng của Ngũ Hồ, thì không lo là không có nơi để buông lưới câu vàng.

Đây là câu cách ngôn xưa của Trung Hoa, thường dùng để khuyên những người làm ăn thất bại, thì rút, thất tình....Chỉ cần giữ được sức khỏe

tốt, tinh thần minh mẫn, vững vàng (Lưu đặc Ngũ Hồ minh nguyệt tại), thì không lo là ta không " bày lại keo khác " được !. Ta lại có câu " Nát giò còn bờ tre ", chỉ cần còn được bờ tre, thì lo gì mà không có giò mới ! (Bắt sâu vô xứ hạ kim câu).

129. 休別有魚處，莫戀淺灘頭。

Hưu biệt hữu ngư xứ, Mạc luyện thiển than đầu.

Chú Thích :

Hưu : là Nghỉ, ở đây là Phó từ, có nghĩa là Đừng.

Hưu Biệt : là Đừng rời.

Mạc : là Đừng. Mạc Luyện : Đừng Mê luyện.

Thiển : là Cạn. Vd : Thiển Cạn : là Nông cạn.

Than Đầu : là Bến nước.

Nghĩa Câu :

Đừng nên rời nơi có cá, chớ lưu luyện chỗ bến nước cạn.

Đây là lời khuyên các ngư phủ : Chỗ nào có cá thì dù thế nào cũng phải rán ở lại để bắt, còn ở những nơi bến nước cạn không có cá, thì chớ nên lưu luyện làm chi cho mất thời gian. Các phương diện khác cũng vậy, nơi nào có lợi lộc thì nên ở lại, còn nơi nào vô tích sự thì ở lại làm gì cho mất công!

130. 去時終須去，再三留不住。

Khứ thời chung tu khứ, Tái tam lưu bất trú.

Nghĩa Câu :

Khi đi thì cuối cùng cũng phải đi, nên dù có ai đó cầm cọng hai ba lần vẫn không ở lại.

Đây là tình huống rất thường gặp trong xã giao hằng ngày, khi ta đã từ biệt ai đó để đi, thì dù cầm cọng như thế nào cũng không nên ở lại. Nếu ta yếu lòng ở lại không đi nữa, thì cái thời gian ở lại đó sẽ rất lớn chón, ngỡ ngàng, vô duyên và... hết vui luôn ! Đừng tưởng bở... ở lại là thất sách đó !

131. 忍一句，息一怒，饒一著，退一步。

Nhẫn nhất cú, Tức nhất nộ, Nhiêu nhất chúc, thoái nhất bộ.

Nghĩa Câu :

Nhịn được một câu, thì dẫn được một cơn giận, Xí xóa được một lần, thì lùi được một bước để yên thân.

Đọc câu này làm ta nhớ đến câu :

忍一時風平浪靜，

Nhẫn nhất thời phong bình lãng tĩnh，

退一步海闊天空。

Thoái nhất bộ hải khoáng thiên không.

Có Nghĩa :

*Nhìn một lúc cho gió yên sóng lặng,
Lùi một bước cho biển rộng trời cao.*

Nói chung là đều khuyên ta nên biết " Nhẫn Nhịn " để hòa giải tranh chấp thành nhún nhường, hận thù thành thương yêu và chiến tranh thành...Hòa Bình ! Cho thù thành bạn, cho ghét thành thương và cho hận hóa ...Yêu !

132. 三十不豪，四十不富，五十將來尋死路。

Tam thập bất hào, Tứ thập bất phú, Ngũ thập tương lai tìm tử lộ.

Nghĩa Câu :

Tam thập bất hào, ba mươi tuổi mà không có được cái " hào tình tráng chí " nào, nghĩa là : Học hành không đậu đạt, làm ăn chưa có cơ sở, vợ chưa cưới... Tam thập nhi lập " mà chưa có gì cả ! thì...

Tứ thập bất phú, bốn mươi tuổi sẽ không giàu sang phú quý. Bốn mươi mà còn chưa " phất " lên được, thì...

Ngũ thập tương lai tìm tử lộ, Năm mươi tuổi sắp đến và trở về sau, chỉ còn có một con đường chết mà thôi ! Già rồi, còn làm ăn gì được nữa, không chờ chết mới lạ !

Đây là nói theo thời xưa, thời tuổi thọ con người còn ở tuổi " Sáu mươi năm cuộc đời " kia, chớ bây giờ, 50 là tuổi đang sung sức và đang lên về mọi mặt : Kiến thức ổn định, kinh nghiệm có thừa, tiền tài rung rinh, tín dụng đầy mình... rất dễ phát triển làm ăn và phất lên như chơi, chớ không có "...tìm tử lộ " chút nào cả !

133. 生不論魂，死不認尸。

Sanh bất luận hồn, Tử bất nhận thi.

Nghĩa Câu :

Đa số người ta khi còn sống không thể nhận chân được cái bản ngã cố hữu, đó là phần linh hồn, phần tinh thần của mình. Khi chết đi cũng không nhận ra được cái nhục thể phàm tục của mình nữa !

Câu nói nhuốm mùi tôn giáo, tùy theo cái huệ năng và bản ngã của mọi người giác ngộ đến đâu thì hiểu đến đó !.

Thực tế trong cuộc sống là chỉ những kẻ lang bạc kỳ hồ, thất sở thân sơ, lưu vong tẩu quốc, sống không biết mình là ai, chết cũng không biết ai là mình !. Giống như người Việt vượt biên ở khắp nơi trên thế giới, mang Quốc Tịch của nước mình trú ngụ, nhưng lòng thì luôn luôn vẫn nhớ mình là người VN. Sống không biết mình là người VN hay người ngoại quốc, chết cũng không biết mình là ma ngoại quốc hay ma VN !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 17.



134. 父母恩深終有別，夫妻義重也分離。

Phụ mẫu ân thâm chung hữu biệt, Phu thê nghĩa trọng dã phân ly.

人生似鳥同林宿，大限來時各自飛。

Nhân sanh tự diệu đồng lâm túc, Đại hạn thời lai các tự phi.

Nghĩa của 4 câu thơ trên :

Cha mẹ ơn sâu, nhưng cuối cùng cũng có lúc phải cách biệt. Vợ chồng nghĩa nặng, nhưng có lúc cũng phải phân ly. Người đời giống như là bầy chim ở chung trong một cánh rừng, khi đại hạn tới (cháy rừng chẳng hạn) thì mỗi con tự tìm đường mà bay lầy (để sinh tồn !).

Bốn câu trên kết hợp ý nghĩa lại như một bài thơ nói về sự hợp tan tan hợp của người đời, như triết lý sinh ly tử biệt của Phật Giáo mà không mấy ai có thể tránh khỏi, kể cả những người thân yêu nhất trong đời ta là Cha Mẹ Vợ Chồng !

135. 人善被人欺，馬善被人騎。

Nhân thiện bị nhân khi, Mã thiện bị nhân kỵ.

Nghĩa Câu :

Người lương thiện thì dễ bị người khác khi dễ, ăn hiếp. Còn Ngựa mà hiền quá thì dễ bị người ta cưỡi. Đúng thế thôi ! Ma bắt cũng coi mặt người ta. Người nào dủ dằn quá " Ma " cũng phải sợ mà không dám đụng tới ! Cũng như

những con ngựa dữ, ngựa chứng thì khó bị người ta cưỡi hơn.

136. 人無橫財不富，馬無夜草不肥。

Nhân vô hoành tài bất phú, Mã vô dạ thảo bất phì.

Nghĩa Câu :

Người không có của hoành tài thì không giàu. Ngựa không có cỏ để ăn đêm thì không mập.

Đúng vậy ! Không có của hoành tài làm sao giàu được?. Nhất là ở VN, hay ở Mỹ cũng vậy, lương ba cọc ba đồng, sống qua ngày thì được, muốn làm giàu thì khó lắm thay, trừ phi trúng số hoặc trúng " mảnh " ! Cũng như ngựa ở trong tàu, không có cỏ để " nhâm nhi " thêm ban đêm thì sẽ không bao giờ mập lên được !

137. 人惡人怕天不怕，人善人欺天不欺？

Nhân ác nhân phạ thiên bất phạ, Nhân thiện nhân khi thiên bất khi?

善惡到頭終有報，只爭來早與來遲。

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, Chỉ tranh lai tảo dữ lai trì .

Chú Thích :

Đáo Đầu : là Rốt cuộc.

Chỉ Tranh : ở đây có nghĩa là Chỉ Có Điều...

Nghĩa Câu :

Người ác, người có sợ trời hay không sợ ? Người thiện, người có khi trời hay không khi ? (Ý muốn nói là Ý vào cái thiện của mình mà xem Trời không ra gì ! " Tôi ăn hiền ở lành mà, Trời làm gì được tôi !? " Thế là "Không Thiện " rồi đấy nhé !).

Thiện hay ác, rốt cuộc rồi cũng có báo ứng hăn hoi, chỉ có điều là đến sớm (lai tảo) hoặc đến muộn (lai trì) mà thôi !

138. 黃河尚有澄清日，豈可人無得運時？

Hoàng Hà thượng hữu trừng thanh nhật, Khởi khả nhân vô đắc vận thì ?.

Chú Thích :

Hoàng Hà : Tên con sông dài và lớn nhất ở Trung Quốc. Nước chảy xiết và cuốn theo nhiều phù sa màu vàng , nên mới có tên là Hoàng Hà.

Trừng Thanh : là Lắng trong.

Khởi Khả : là Làm sao có thể. Ở đây có nghĩa là : Làm Sao Khởi ?... Há chẳng ?...

Nghĩa Câu :

Nước sông Hoàng Hà còn có lúc lắng trong, con người há chẳng có lúc được thời hay sao ?. Chẳng lẽ suốt đời xui xẻo mãi !

139 得寵思辱，安居慮危。

Đắc sủng tư nhục, An cư lự nguy.

Chú Thích :

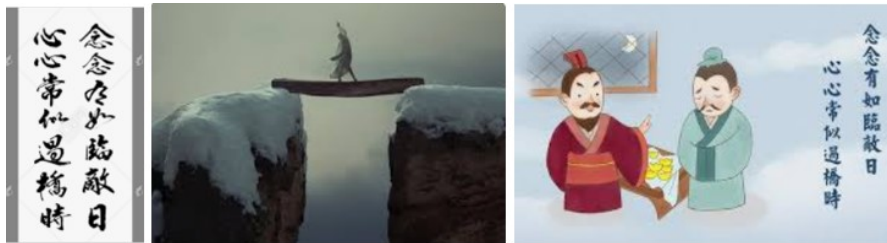
Sủng : là Sủng Ái, là Cưng chiều.

Lự : là Suy tư, lo lắng.

Nghĩa Câu :

Được sủng ái cưng chiều phải nhớ đến lúc bị ruồng rẫy nhục nhã. Khi sống bình an yên ổn phải suy tư lo lắng đến lúc gặp nguy nàn.

4 chữ " An Cư Lự Nguy " nghĩa cũng giống như là " Cư An Tư Nguy ", khi ở yên, phải nhớ đến nguy hiểm đang rình rập, để cảnh giác khi hành quân của trường Sĩ Quan Trừ Bại Thủ Đức ngày xưa.



140. 念念有如臨敵日，心心常似過橋時。

Niệm niệm hữu như lâm địch nhật, Tâm Tâm thường tự quá kiều thời.

Chú Thích :

Niệm : là Đọc, như Niệm kinh, Niệm Phật.

là Nhớ, là Nhắc nhở. như Hoài Niệm, Kỷ Niệm.

là Nhủ, là Nhấn nhủ. như Tâm niệm là Nhủ Lòng.

Niệm Niệm : là để ý từng chút một.

Tâm : là Tim, là Lòng. Tâm can là Tim Gan, là Lòng dạ.

Tâm Tâm : là Lòng Nhủ Lòng. là Để ý.

Nghĩa Câu :

Luôn luôn phải cảnh giác từng chút một như đang đối diện với kẻ địch.
Lòng luôn nhủ lòng phải cẩn thận như lúc nào cũng đang đi qua cầu (Cầu ngày xưa lắt léo lắm, đi không khéo sẽ té úm xuống sông).

Bình thường thì 2 câu trên có vẻ cần trọng quá đáng, nhưng khi hữu sự thì đây lại là những cảnh giác thật an toàn !.

141. 英雄行險道，富貴似花枝。

Anh Hùng hành hiểm đạo, Phú quý tự hoa chi.

Nghĩa Câu :

Anh hùng luôn vắn thân vào con đường nguy hiểm, (Vì thích can thiệp vào những chuyện hiểm nguy, nên mới được tiếng là anh hùng). Sự Phú quý giống

như là cảnh hoa, đẹp rực rỡ đó, nhưng cũng chóng tàn lắm !
Độc về đầu, khiến ta nhớ tới lời của Từ Hải nói với Thúy Kiều :

Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha !?.

142. 人情莫道春光好，只怕秋來有冷時。

Nhân tình mạc đạo xuân quang hảo, Chỉ phạ thu lai hữu lãnh thời.

Nghĩa Câu :

Tình người đừng tưởng là luôn luôn đẹp đẽ như quang cảnh của mùa xuân, chỉ sợ đôi khi nó sẽ lạnh lẽo và hiu hắt như gió mùa thu vậy.

Nhân tình ấm lạnh thất thường, đừng thấy đối phương vui vẻ mà có những hành động lạc quan quá trớn, coi chừng sẽ bị trơ trẽn và ngỗ ngược khi đối phương trở cò lạnh nhạt !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 18.



143. 送君千里，終須一別。

Tống quân thiên lý, Chung tu nhất biệt.

Nghĩa Câu :

Dầu có đưa tiễn nhau đến một ngàn dặm, rốt cuộc rồi cũng phải chia tay nhau mà thôi !

Biết thế, nhưng mỗi lần đưa tiễn, người ta đều luôn luôn bịn rịn không nỡ rời nhau, nhất là các bà các cô (xin lỗi !), cứ " Mặt trông tay chẳng nỡ rời " nói hoài nói mãi, không chia tay nhau được !

144. 但將冷眼看螃蟹，看你橫行到幾時。

Đàn tương lãnh nhãn khán bàng giải , Khán nhĩ hoành hành đáo kỷ thời ?.

Chú Thích :

Lãnh nhãn : Con mắt lạnh, có nghĩa : Lặng lẽ nhìn.

Bàng Giải : là Con Cua.

Hoành Hành : là Đi ngang, nghĩa rộng là Làm Ngang.

Nghĩa Câu :

Hãy cứ lặng lẽ mà nhìn con cua kia, xem xem nhà người đi ngang đến bao giờ mới thôi !?

Đây là câu nói lầy, có thể áp dụng cho bất cứ trường hợp lớn nhỏ nào, như những người ỷ quyền ỷ thế làm ngang, như chính quyền của những nhà độc tài, như chính quyền ngoan cố của Bắc Triều Tiên ... Ta hãy thử lặng lẽ mà nhìn xem họ "hoành hành" đến khi nào đây ?!.

145. 見事莫說，問事不知。

Kiến sự mạc thuyết, Vấn sự bất tri.

閑事休管，無事早歸。

Nhàn sự hưu quản, Vô sự tảo qui !

Nghĩa Câu :

Thấy việc gì đó : Đừng nói. Hỏi đến việc gì đó : Không biết !
Chuyện không liên quan đến mình : Không nhún tay vào. Không có việc gì để làm : Về nhà nghỉ cho sớm đi !

Để tránh việc rắc rối cho bản thân mình, trong giao tế, trong việc làm, trong quan hệ đồng nghiệp... thì... Không Nói : Không nhiều chuyện ! Không Nghe, Không Hỏi : Khỏi phiền lòng ! không can thiệp vào những chuyện của người khác : Không đa sự ! Cho yên thân !

4 câu trên đây làm ta nhớ đến cái hình 3 con khỉ thường thấy trong các cơ quan Mỹ : Một con bịt mắt : Không thấy. Một con bịt tai : Không nghe. Một con bịt miệng : Không nói !



Không Thấy



Không Nghe



Không Nói

146. 假饒染就真紅色，也被旁人說是非。

Giả nhiều nhiễm tỵu chơn hồng sắc, Dã bị bàng nhân thuyết thị phi.

Chú Thích :

Giả Nhiều : là Cho Dù, là Nếu Như.

Nhiễm : là Nhuộm. Nhiễm Tựu : là Nhuộm phải.

Bàng : là Bên cạnh. Bàng Nhân : là Người Chung Quanh ta.

Nghĩa Câu :

Cho dù có nhuộm được cái màu đỏ thật sự, thì cũng bị những người chung quanh nói nầy nói nọ.

Dù cho bạn có giỏi thật sự, có thành đạt thật sự, chớ không phải nhờ vào quan hệ, hay dựa vào thế lực nào đó để thành công, bạn vẫn bị người đời dèm xiểm, nói nầy nói nọ, nói tốt nói xấu đủ điều !. Cho nên...

Hãy giữ lấy cái "chơn hồng sắc" của bạn, mặc cho ai đó nhiều chuyện nhiều lời.....!!!.

147. 善事可作，惡事莫為。

Thiện sự khả tác, Ác sự mạc vi.

Nghĩa Câu :

Việc thiện thì có thể làm, Việc ác thì không nên làm.

Đây là việc đương nhiên, nhưng vẫn phải nhắc nhở, con người ta hay quên làm việc thiện lắm !

148. 許人一物，千金不移。

Hứa nhân nhất vật, Thiên kim bất di.

Nghĩa Câu :

Hứa với người ta một vật gì (hoặc việc gì), thì dù ngàn vàng vẫn không thay đổi.

149. 龍生龍子，虎生豹兒。

Long sanh long tử, Hổ sanh báo nhi.

Nghĩa Câu :

Rồng sanh ra rồng con, còn Cọp thì sanh ra beo con.(Cọp Beo cũng dữ dằn như nhau, đây chỉ là cách nói mà thôi !).

Dòng nào thì sanh ra giống nấy !

Dân Nam Kỳ Lục Tỉnh còn có câu :

Ngọn rau nào thì con sâu nấy !

150. 龍游淺水遭蝦戲，虎落平陽被犬欺。

Long du thiển thủy tao hà hí, Hổ lạc bình dương bị khuyển khi.

Chú Thích :

Du 游 : Có 3 chấm thủy bên trái : nghĩa là LỘI, BƠI.

遊 : Có bộ Xước bên trái : nghĩa là Đi Dạo, Đi Chơi.

Tao : là Gặp Gỡ, Gặp Phải, là Bị.

Hà : có bộ Trùng bên trái : là con Tôm, con Tép.

Bình Dương : là Đất bằng, là Đồng bằng.

Nghĩa Câu :

Con rồng (thân xác to lớn) bơi ở chỗ nước cạn (khó xoay sở), nên bị tôm tép giỡn mặt. Con cọp đi lạc xuống đồng bằng (không còn cái thế hiểm trở của núi rừng) nên bị bầy chó khinh khi.

Anh hùng cũng phải có cái thế của anh hùng, khi thất cơ lỡ vận, thì anh hùng vẫn bị kẻ tiểu nhân giỡn mặt và khi dễ như thường ! Như Nguyễn Du đã tả Từ Hải lúc bị Hồ Tôn Hiến phục kích là : " *Hùm Thiêng khi đã sa cơ cũng hèn* " mà !

Hai vế nói trên còn hình thành được 2 câu thành ngữ :

Long Du Thiển Thủy,
và Hồ Lạc Bình Dương.
cũng có cùng một nghĩa như trên.



151. 一舉首登龍虎榜，十年身到鳳凰池。

Nhất cử thủ đăng long hổ bảng, Thập niên thân đáo phụng hoàng trì.

十年窗下無人問，一舉成名天下知。

Thập niên song hạ vô nhân vấn, Nhất cử thành danh thiên hạ tri.

Chú Thích :

Long Hổ Bảng : là Bảng có vẽ hình Rồng và Cọp 2 bên, để dán danh sách những người thi đậu Tiến Sĩ ngày xưa. Người đậu đầu là Trạng Nguyên, người đậu nhì là Bảng Nhãn, và người đậu hạng ba là Thám Hoa.

Phụng Hoàng Trì : là Ao Phụng Hoàng.

Đời Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triều, chức Trung Thư Tỉnh được ở trong cấm cung Ngự Uyển, gần gũi Hoàng Đế, chưởng quản những điều cơ mật, nên chức Trung Thư Tỉnh được gọi là " Phụng Hoàng Trì ".

Nghĩa Câu :

Hể thi đậu một cái là tên được đăng trên Bảng Long Hổ, và làm quan mười năm (cho tốt) thì mới được vào làm việc trong Ao Phụng Hoàng.

Mười năm đèn sách dưới song cửa sổ không ai thèm hỏi tới, nhưng hễ thi đậu một cái thì nổi tiếng đến cả thiên hạ đều biết đến.

NHẤT CỬ THÀNH DANH 一舉成名 cũng là một thành ngữ thông dụng ! Trong tiếng Việt ta thì có câu : "Mười Năm Đèn Sách" để chỉ công phu khó nhọc của kẻ sĩ ngày xưa.



TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 19.

152. 酒債尋常行處有，人生七十古來稀。

Tửu trái tầm thường hành xứ hữu, Nhân sanh thất thập cổ lai hi.

Nghĩa Câu :

Đây là 2 câu thơ trích trong bài KHÚC GIANG 2. của Thi Thánh Đỗ Phủ đời Đường, có xuất xứ như sau :

Khúc Giang còn gọi là Khúc Giang Trì, nằm ở phía đông cầu Chu Tước phía nam của thành Trường An, là khu danh thắng nổi tiếng của thành Trường An đời Đường, được xây dựng từ thời Hán Vũ Đế và được trùng tu lại vào năm Khai nguyên của vua Đường Huyền Tông, Nước hồ trong vắt, hoa cỏ uốn quanh, phía nam có Tử Vân Lâu, Phù Dung uyển, phía tây có Hạnh Viên và Từ Ân Tự, là nơi du ngoạn nổi tiếng đương thời. Thắng cảnh Khúc giang cùng thanh suy với giang san nhà Đường. Bài thơ Khúc Giang của Đỗ Phủ được làm vào cuối xuân năm Càn Nguyên nguyên niên (758) . Ông đã đem toàn bộ tâm tư của mình ký thác vào cảnh vật này để viết lên những ưu tư về đổi thay của thời cuộc.

Nguyên tác bài thơ như sau :

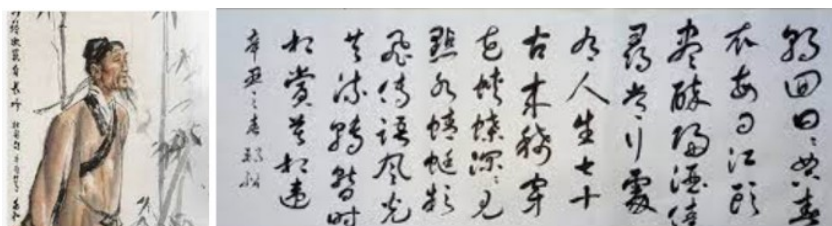
朝回日日典春衣	Triều hồi nhật nhật điển xuân y,
每日江頭盡醉歸	Mỗi nhật giang đầu tận túy quy.
酒債尋常行處有，	Tửu trái tầm thường hành xứ hữu,
人生七十古來稀	NHÂN SANH THẤT THẬP CỔ LAI HY.
穿花蛺蝶深深見	Xuyên hoa giáp điệp thâm thâm kiến,
點水蜻蜓款款飛	Điểm thủy thanh đình khoản khoản phi.
傳語風光共流轉	Truyền ngữ phong quang cộng lưu chuyển,
暫時相賞莫相違	Tạm thời tương thưởng mạc tương vi.
杜甫	Đỗ Phủ.

Tạm diễn nôm.

*Tan châu cầm quách áo xuân hồng,
Say khướt trở về với bến sông.
Nợ rượu khắp nơi đều có được,
Người đời bảy chục hiem xưa không.
Kìa đàn bướm nhỏ vờn hoa dại,*

*Nợ lũ chuồn chuồn bởn nước trong.
Cảnh đẹp khuyển ai cùng tận hưởng,
Hoa tàn cảnh tạ khỏi hoài công !*

Theo tài liệu thống kê, thì vào đời Đường, tuổi thọ trung bình của con người ta lúc bấy giờ chỉ vào khoảng 40- 45, cho nên Đỗ Phủ mới hạ câu " Nhân sanh thất thập cổ lai hy " bất hủ, để đời cho đến hiện nay, hể nhắc đến tuổi " Cổ lai hy ", " Cổ lai ", hay " Cổ hy " là người ta biết ngay là thọ được 70 tuổi rồi !



153. 養兒待老，積谷防飢。

Dưỡng nhi đãi lão, Tích cốc phòng cơ.

Nghĩa Câu :

Nuôi con đợi già (để nhờ cậy). Vựa lúa để phòng khi đói (để có gạo mà ăn).

154. 雞豚狗彘之畜，無失其時。

Kê đồn cẩu trệ chi súc, Vô thất kỳ thời.

數口之家，可以無饑矣。

Số khẩu chi gia, khả dĩ vô cơ hỉ !.

Ý Nghĩa :

Đây là câu Mạnh Tử nói với Lương Huệ Vương được viết cô đọng lại. nguyên văn như sau :

五畝之宅，樹之以桑，五十者可以衣帛矣；雞豚狗彘之畜，無失其時，七十者可以食肉矣；百畝之田，勿奪其時，數口之家可以無饑矣。

Ngũ mẫu chi trạch, thọ chi dĩ tang, ngũ thập giả khả dĩ y bạch hỉ, Kê đồn cẩu trệ chi súc, vô thất kỳ thời, thất thập giả khả dĩ thực nhục hỉ, bách mẫu chi điền, vật đoạt kỳ thời, số khẩu chi gia khả dĩ vô cơ hỉ !.

Có nghĩa :

Nhà có đất trước sau 5 mẫu, trồng dâu tằm ăn, thì người già 50 tuổi có thể mặc áo vải. Gà heo chó lợn, nuôi cho đúng lứa để chúng sinh sản, thì người già 70 có thịt mà ăn. Ruộng được trăm mẫu, không bị chiếm đoạt lúc thời vụ, thì mấy miệng ăn ở nhà sẽ không bị đói !.

Đây là lời của Mạnh Tử giải thích cho Lương Huệ Vương biết là phải làm thế nào cho dân chúng được sống an cư lạc nghiệp, để dân kéo về sống

ở nước mình. Còn ý trong Tăng Quảng Hiền Văn là muốn khuyên ta sống cho có kế hoạch, biết tính toán thì sẽ không bị đói rách lang thang.

155. 常將有日思無日，莫把無時當有時。

Thường tương hữu nhật tư vô nhật, Mạc bả vô thời đương hữu thời.

Nghĩa Câu :

Những ngày giàu có nên thường nghĩ đến những ngày không có (nghèo khổ). Chớ đừng nên sống những ngày nghèo khổ như những ngày giàu có.

Khi giàu có nên luôn nghĩ đến những lúc nghèo khổ, để đừng sống xa hoa, tiêu xài lãng phí quá độ. Còn những lúc nghèo khó thì đừng tiêu xài quá độ quen thói giàu có ngày trước mà mang nợ đầy đầu. Rất nhiều người " quen ăn không quen nhịn " ! phải nhớ câu này.



156. 時來風送騰王閣，運去雷轟薦福碑。

Thời lai phong tống Đằng Vương Các, Vận khứ lôi oanh Tấn Phúc bi.

Nghĩa Câu :

Thời đến thì gió đưa đến gác Đằng Vương. Vận hết rồi thì sấm sét đánh bể bia Tấn Phúc.

1. Về đầu với tích Vương Bột và Đằng Vương Các như sau :

Đường Thái Tôn Lý Thế Dân phong cho em mình là Đằng Vương Lý Nguyên Anh trấn nhậm đất Hồng Châu. Đằng Vương cho xây một ngôi lầu thật đẹp bên dòng sông Cán (thuộc tỉnh Giang Tây ngày nay) gọi là Đằng Vương Các. Hôm khánh thành, Đằng Vương cho thiết tiệc lớn, mời hết Quan viên và Văn nhân Thi sĩ trong miền đến dự, đồng thời đánh trống mời mọi người cùng làm bài Tự cho Đằng Vương Các để ghi lại sự kiện trọng đại này.

Con trai của Huyện lệnh Huyện Nam Xương là Vương Bột, vừa đến thăm cha, có ý muốn đến dự tiệc ở gác Đằng Vương, mặc dù Nam Xương cũng thuộc đất Hồng Châu, nhưng cách xa đến khoảng 800 dặm, mà thời gian chỉ còn có một ngày, không cách chi đến kịp. Lúc bấy giờ, có một ông lão chuyên đưa đồ lại biết xem thiên tượng, bảo Bột cứ chuẩn bị đồ đạc rồi lên thuyền để ông ta đưa đi. Thời may đêm ấy trời nổi cơn gió to, thuyền lướt như tên trên sóng gió, Khi trời vừa rạng sáng thì thuyền cũng vừa kịp cập bến Đằng Vương.

Đặng Vương vốn xem trọng và có yêu cầu rất cao về văn học. Trước đó đã cho chàng rể soạn sẵn một bài tự rất hay rồi, định hôm nay công bố để khoe tài của chàng rể, nên đã chuẩn bị đầy đủ giấy mực để phát cho văn nhân đến dự. Khi thấy Bột chỉ là một cậu bé 16 tuổi, Đặng Vương có ý xem thường, nhưng vì phép lịch sự, nên cũng miễn cưỡng phát giấy mực, nhưng lại cắt người đứng bên theo dõi, xem thằng nhỏ này viết như thế nào. Hễ Bột viết được câu nào thì phải chép ngay lại trình cho ông ta.

Nhưng... lại nhưng, càng đọc các câu về sau lại càng hay hơn các câu trước đó, kịp đến lúc đọc được 2 câu :

Lạc hà dữ cô vũ tề phi, 落霞與孤鶩齊飛，

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc ! 秋水共長天一色。

.... thì ông ta đành phải vỗ đùi đánh đét một cái và khen là tuyệt bút, tuyệt diệu ! và....dấu nhem luôn bài của chàng rể đã làm sẵn, không dám đem ra , vì ông ta biết rằng không sao hay hơn được bài Tự của Vương Bột.

Bài Tự Đặng Vương Các của Vương Bột được truyền tụng khắp nơi ngay sau buổi tiệc, và tiếng tăm của Bột nổi như cồn từ đó. Thành tựu văn thơ của Bột được xếp hàng đầu trong Sơ Đường Tứ Kiệt. Chỉ nhờ có một trận gió mà làm nên tên tuổi vang dội của Vương Bột, nên người đời sau mới nói là :

Thời lai phong tống Đặng Vương Các !.

Bài Đặng Vương Các Tự có ảnh hưởng rất lớn tới văn học Hoa Việt, rất nhiều câu đã trở thành Thành Ngữ như : Quan sơn nan việt 關山難越 (Núi non cách trở), Bình Thủy tương phùng 萍水相逢 (Bèo nước gặp nhau), Lão đương ích tráng 老當益壯 (già mà còn khỏe mạnh)..... cả 2 câu đối để dán trước bàn thờ Thổ Địa Thần Tài trong nhà cũng phát xuất từ bài Tự này :

Vật hoa thiên bảo nhật, 物華天寶日

Nhân kiệt địa linh thời. 人傑地靈時。

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã mượn ý của câu này để tả tình duyên của Hoan Thư như sau :

Duyên Đặng thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc se tơ những ngày.

2. Vế thứ 2 theo tích sau đây :

Đại văn Hào đời Tống Phạm Trọng Yêm khi làm Quận Thú ở Quận Bá Dương. Một hôm có một thư sinh lạc phách giang hồ đến xin giúp đỡ. Phạm thương vì người tài hoa mà chưa gặp thời, định giúp đỡ, nhưng Phạm là một ông quan thanh liêm, không lấy đâu ra tiền để giúp. Cuối cùng ông bèn đến nhờ trụ trì chùa Tấn Phúc, xin cho thư sinh kia được in một số bản văn ở thạch bia phía sau chùa để bán mà độ nhật về quê. Đây là bản văn khắc trên đá với bút pháp của Thư Thánh (ông Thánh về thư pháp) Vương Hy Chi rất được mọi người ưa chuộng.

Nhà sư Trụ trì vì nể mặt Phạm Trọng Yên mà chấp thuận, còn hướng dẫn cho cách để in ấn. Phạm lại phải giúp thư sinh mua sắm giấy mực, bàn chải... định sáng ngày sẽ khởi công. Nào ngờ đêm hôm đó trời mưa to gió lớn, sấm sét đánh bể tan bia đá kia luôn. Thế là khỏi in ấn gì hết cả !

Số của chàng thư sinh này đã xui rồi, lại càng thúi củ hủ hơn nữa, cho nên mới nói là :

" Vận khứ lời oanh Tấn Phúc bi "

Khi đã hết thời rồi, thì sấm sét cũng đánh bể bia của chùa Tấn Phúc là vì thế !

157. 入門休問榮枯事，觀看容顏便得知。

Nhập môn hưu vấn vinh khô sự, Quan khán dung nhan tiện đắc tri.

Chú Thích :

Hưu Vấn : là Đừng hỏi, chớ hỏi, khỏi cần phải hỏi.

Vinh Khô : Vinh là Tươi, Khô là héo. Vinh là tươi sáng, rực rỡ. Khô là Héo úa, tàn tạ. Vinh là Vinh hoa phú quý, Khô là Khô héo úa tàn nghèo nàn.

Nghĩa Câu :

Bước vào cửa không cần phải hỏi tốt xấu giàu nghèo gì cả, chỉ cần quan sát xem xét nét mặt của nhà chủ là sẽ biết ngay.

Không cần phải là thầy bói, nhìn nét mặt của nhà chủ xanh xao vàng vọt thiếu ăn, thì biết ngay là nhà nghèo, còn nếu mặt mày tươi rói, vui cười hỉ hả, thì dù không giàu cũng thuộc hạng khá giả, dễ thở, chớ không đến nỗi nào.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 20



158. 官清書吏瘦，神靈廟祝肥。

Quan thanh thư lại xú, Thần linh miếu chúc phì.

Chú Thích :

Thư Lại : là Người thư ký của các quan ngày xưa.

Miếu Chúc : là Người giữ chùa, là Ông Từ.

Nghĩa Câu :

Ông quan thanh liêm thì người thư lại ốm (Vì phải làm việc nhiều mà không có tiền hồi lộ). Còn... Ông thần linh thiêng thì ông Từ giữ chùa mập (Vì có rất nhiều người đến cúng thần và... ông Từ được hưởng hết !).

159. 息卻雷霆之怒，罷卻虎狼之威。

Tức khước lôi đình chi nộ, Bãi khước hổ lang chi uy.

Chú Thích :

Tức : là Nghi ngại, dấp tắt, dẹp bỏ. Tức Khước : là Dẹp đi.

Bãi : là Miễn, là Bỏ, là Thôi. Bãi Khước : là Bỏ đi.

Nghĩa Câu :

Hãy dẹp bỏ cái cơn giận lôi đình đi, và hãy thôi đi cái uy vũ như cọp như sói kia đi.

Đừng có giận hờn nổi cơn thịnh nộ như sấm như sét nữa ,và cũng đừng có làm hùm làm hổ như sói như lang nữa ! Hãy bình tĩnh lại để giải quyết tình huống trước mắt cho hợp tình hợp lý !

160. 饒人算人之本，輸人算人之機。

Nhiều nhân toán nhân chi bản, Thâu nhân toán nhân chi cơ.

Chú Thích :

Nhiều : là Nhiều dung, Tha thứ.

Toán : là Tính toán, là Kể như.

Thâu : là Chuyên chở (có bộ Xa một bên). Ở đây nghĩa là : Thua.

Cơ : là Cái Máy như Thiên Cơ là Máy trời. Cơ Khí là Máy móc. Ở đây có nghĩa là Cơ trí, cơ biến.

Nghĩa Câu :

Tha thứ cho người ta là cái gốc để ta hơn người, Chịu thua người khác là cái cơ trí để thắng người về sau.

Tha thứ sẽ làm cho người ta cảm kích, để dễ dàng chinh phục người ta hơn. Chịu thua người khác trước mắt, để đối phương dễ người mất cảnh giác, là cái cơ trí để thắng người ta dễ dàng hơn ở sau này.

161. 筍因落籜方成竹，魚爲奔波始化龍。

Duẩn nhân lạc thác phương thành trúc, Ngư vị bồn ba thi hóa long.

Chú Thích :

Duẩn : là Măng tre.

Thác : là Bẹ măng.

Bôn Ba : Vượt qua sóng.

Thi (Thủy) : là Mới (có thể).

Nghĩa Câu :

Măng non phải rụng hết những bẹ măng mới thành cây tre được. Còn Cá phải vượt qua sóng gió thì mới hóa thành rồng được.

Theo truyền thuyết, cá Lý ngư vượt qua được 3 đợt sóng ở Long Môn thì sẽ hóa thành con rồng. Cá hóa rồng, một sự trở mình vượt bậc, một sự thành công vượt trội hơn bình thường mà cha mẹ nào cũng mong ước cho con cái mình được như thế. Vì vậy, mà lại hình thành thêm một thành ngữ " Vọng tử thành long " 望子成龍 (Mong con hóa rồng), có nghĩa : Mong cho con mình làm nên những thành tích vẻ vang, thành công một cách rực rỡ, vượt trội khác thường !

Ý Câu là : Muốn trưởng thành, muốn thành nhân, thành công, phải có quá trình phấn đấu vất vả lắm mới đạt được mục đích, chớ không phải " *Vậy đó, bỗng dưng mà họ lớn* " ... như Thi sĩ Huy Cận đã diễn tả đâu !

162. 好言難得，惡語易施。

Hảo ngôn nan đắc, Ác ngữ dị thi.

Nghĩa Câu :

Lời nói tốt khó được, Lời ác độc dễ thực hiện.

Những lời chúc tụng tốt lành là chỉ chúc cho có, chúc theo thói quen, chúc theo tập quán... chớ người được chúc chưa chắc đã tốt được như những lời chúc. Còn những lời nguyên rủa ác độc, xui xẻo... nhiều khi lại rất dễ xảy đến với đối tượng!

163. 一言既出，駟馬難追。

Nhất ngôn ký xuất, Tứ mã nan truy.

Chú Thích :

Ký : là Đã. Ký Xuất : là Đã nói ra.

Tứ : Chữ TỨ này gồm có Bộ MÃ 馬 và chữ TỨ 四, nên có nghĩa là : Xe do 4 con ngựa kéo.

Nghĩa Câu :

Một lời đã nói ra, thì xe bốn ngựa (xe có tốc độ cao lúc xưa) cũng khó mà đuổi theo (để lấy lại lời nói đó) cho được !

Tiếng Việt ta cũng có câu : " Bút sa là gà chết " để chỉ hễ hạ bút ký rồi thì mọi việc đều được quyết định, không còn hồi được nữa !. Lời đã nói ra rồi thì không sao lấy lại cho được, nên trước khi nói phải rất thận trọng và phải rất cân nhắc lời nói của mình trước khi cho nó ra khỏi miệng ! Ông bà ta dạy : " Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói " là vì thế !.

164. 道吾好者是吾賊，道吾惡者是吾師。

Đạo ngô hảo giả thị ngô tặc, Đạo ngô ác giả thị ngô sư.

Chú Thích :

Ngô : là Tôi , là Ta, là Tao.

Nghĩa Câu ;

Bảo ta tốt là giặc của ta, Bảo ta ác là thầy của ta.

Người nào đó luôn luôn khen ta hay, ta tốt (để cho ta dễ người, mất cảnh giác, kiêu ngạo, tưởng rằng mình giỏi lắm, hay lắm!). Người đó chính là kẻ thù của ta đó !. Còn người nào luôn luôn vạch ra cái khuyết điểm, cái xấu, cái dở của ta, thì người đó chính là thầy của ta đó !. Vì có thấy được những nhược điểm của mình ta mới biết đường mà sửa sai, điều chỉnh lại cho hay cho đúng !



165. 路逢險處須當避，不是才人莫獻詩。

Lộ phùng hiểm xứ tu đương tị, Bất thị tài nhân mạc hiến thi.

Nghĩa Câu :

Trên đường đi mà gặp chỗ nguy hiểm thì nên tránh ra (tìm hướng khác mà đi). Không phải là người tài hoa thì không nên dâng những bài thơ cho người đó.

Bất chấp dư luận, ai nói gì thì nói, ta nên làm theo những gì mà ta thấy là hợp lý. Bảo là mình nhác cũng được, chả lẽ thấy chỗ nguy hiểm lại dút đầu vào ?. Bảo là xu nịnh người giỏi cũng được, chả lẽ lại dâng thơ cho người dốt, người không biết thưởng thức cái hay của thơ ?.

Câu này còn có các dị bản như sau :

路逢俠客須呈劍，不是才人莫獻詩。

Lộ phùng HIỆP khách tu trình kiếm, Bất thị tài nhân mạc hiến thi.

và...

路逢劍客須呈劍，不是才人莫獻詩。

Lộ phùng KIẾM khách tu trình kiếm, Bất thị tài nhân mạc hiến thi.

Có nghĩa :

Trên đường đi (đường đời) nếu gặp phải người Hiệp Khách (hay Kiếm Khách) thì mới trình gươm (kiếm) báu ra; Nếu không phải là bậc anh tài thì đừng hiến thơ (của mình làm) cho những người đó. (Vì họ không xứng đáng!).

166. 三人同行，必有我師焉，

Tam nhân đồng hành, Tất hữu ngã sư yên,

擇其善者而從之，其不善者而改之。

Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, Kỳ bất thiện giả nhi cải chi.

Chú Thích :

Yên : Ở đây là Trợ Từ, có nghĩa là Đó, Vậy.

Trạch : là Chọn, Lựa.

Thiện : là Hiền, là Giỏi, là Tốt.

Đây là câu nói của Đức Khổng Phu Tử, trong chương 7 Thuật Nhi của sách Luận Ngữ.

Nghĩa Câu :

Ba người cùng đi, thế nào cũng có một người là thầy của ta đó. Chọn người giỏi mà học theo, còn người không giỏi, không đúng, thì ta sửa đổi lại.

167. 少壯不努力，老大徒悲傷。

Thiếu tráng bất nỗ lực, Lão đại đồ bi thương.

Chú Thích :

Đồ : Ở đây có nghĩa là Uổng phí, Vô Ích .

Nghĩa Câu

Còn trẻ, còn khỏe mà không nỗ lực, không cố gắng, thì khi lớn, khi già có buồn rầu hối tiếc cũng vô ích mà thôi.



168. 人有善願，天必佑之。

Nhân hữu thiện Nguyên, Thiên tất hựu chi.

Chú Thích :

Hựu : là Phù hộ.

Nghĩa Câu :

Người mà có ý nguyện, mong ước hiền lành, thì Trời thế nào cũng phù hộ cho họ.

Có một dị bản nữa là :

人有善念，天必佑之。

Nhân hữu thiện Niệm, Thiên tất hựu chi
(Người có ý niệm lành thì Trời sẽ phù hộ cho người đó).

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 21.



169. 莫飲卯時酒，昏昏醉到酉。

Mạc ẩm mảo thời tửu, Hôn hôn túy đáo dậu.

莫罵酉時妻，一夜受孤凄。

Mạc mạ dậu thời thê, Nhất dạ thụ cô thê.

Chú Thích :

THÊ : ta có 4 chữ Thê thường gặp sau đây :

1. 妻 Thê này có bộ Nữ bên dưới, nên có nghĩa là VỢ.

2. 棲 Thê này có bộ Mộc bên trái, nên có nghĩa là ĐẬU : Trong Tặng Quảng Hiền Văn 10, ta có câu : " Đình tài thê phụng trúc " (Trong sân trồng tre để cho chim phụng trúc). Nghĩa bóng là Nương Tựa, như Thê Thân, Thê Cư : là Ở trọ ở, nương thân.

3. 萋 Thê này có bộ Thảo trên đầu, nên có nghĩa là Um Tùm, Xanh Om. Ta đã biết câu " Phương thảo THÊ THÊ Anh Vũ châu. " trong bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu rồi.

4. 凄 Thê này có bộ Băng bên trái, nên có nghĩa Rét Buốt, Lạnh Lẽo. Nghĩa trong câu : CÔ THÊ : là Cô đơn lạnh lẽo.

chữ 凄 Thê này còn được viết bằng bộ Thủy 淒 (3 chấm là Thủy) cũng có cùng nghĩa như bộ Băng.

Nghĩa Câu :

Đừng uống rượu vào giờ Mão (Sáng từ 5 - 7 giờ), vì sẽ say gật gà gật giường (hôn hôn) cho đến giờ Dậu (Chiều từ 5- 7 giờ). Vậy là suốt ngày khỏi làm ăn gì hết !

Đừng mắng vợ vào giờ Dậu, vì nếu vợ chồng cãi lộn vào giờ này, thì suốt đêm sẽ phải nằm chèo queo lạnh lẽo, cũng khỏi " làm ăn " gì hết ! Ca dao miệt Cần Thơ Cái Răng có câu :

*Mù u đêm tối mù u,
Vợ chồng cãi lộn, con c... nhin thềm !*

170. 種麻得麻，種豆得豆。

Chủng ma đắc ma, Chủng đậu đắc đậu.

天網恢恢，疏而不漏。

Thiên võng khôi khôi, Sơ nhi bắt lậu.

Chú Thích :

Ma : là Cây Đay, cây Gai. Miền Nam gọi là Cây Bối.

Võng : là Lưới , Chài. Ngư Võng là Lưới cá, là Cái Chài để Chài cá.

Thiên Võng là Lưới Trời.

Khôi Khôi : là Mênh mông, Bao la.

Sơ : là Thừa thớt. là Lọt lạt.

Lậu : là nhều, Chảy, Lọt, Dột. Ốc lậu : Nhà dột. Lậu Võng : Lọt Lưới.

Lậu Bình : là cái Bình chảy. Khắc Lậu Canh Tàn : Giờ khắc nhều theo những giọt nước trong cái hồ bằng đồng (đồng hồ) ngày xưa. Bệnh Lậu : là bệnh không đi tiểu mà vẫn nhều nước ra.

Nghĩa Câu :

Trồng đay thì được đay, trồng đậu thì được đậu.

Lưới trời lồng lộng , thừa mà không lọt.

Gieo nhân nào thì gặt quả nấy ! Làm ác sẽ gặp ác, ông bà ta nói : "

Ác lai thì Ác báo " và :

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, 善惡到頭終有報

Cao phi viễn tẩu dã nan đào ! 高飛遠走也難逃 !

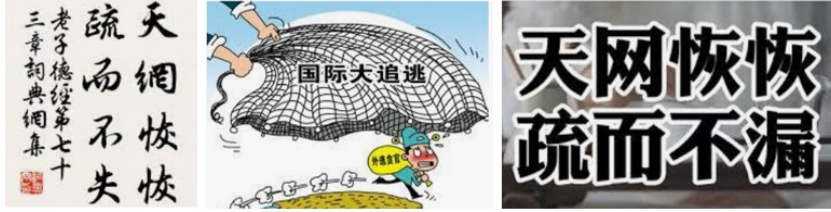
Có nghĩa :

Thiện hay ác gì thì rốt cuộc vẫn có báo ứng. Dẫu cho bay có cao chạy có xa thì cũng khó mà thoát khỏi !

Có bản viết là :

Cao phi viễn tẩu dã nan TÀNG. 高飛遠走也難藏. Có nghĩa :

Cao chạy xa bay cũng khó TRỐN (thoát).



171. 見官莫向前，做客莫在後。

Kiến quan mạc hướng tiền, Tổ khách mạc tại hậu.

Nghĩa Câu :

Thấy quan thì đừng tiến lên phía trước, còn làm khách thì đừng tụt lại phía sau.

Ngày xưa, thấy quan mà còn xốn xốn đến phía trước, thì coi chừng... ăn đòn ! Còn bây giờ, tuy không đến nỗi ăn đòn, cũng bị bảo vệ, hoặc Security xô đẩy nạt nộ . Còn làm khách ở nhà người ta, thì luôn luôn phải đi ngang hàng với chủ nhà hoặc đi trước một bước, chớ không nên đi thụt lùi ở phía sau để nhà chủ phải ngoái lại để nói chuyện hoặc trông chừng xem... nó có " chôm " món đồ nào bỏ túi không !?.

172. 寧添一斗，莫添一口。

Ninh thêm nhất đấu, Mạc thêm nhất khẩu.

Nghĩa Câu :

Thà là thêm một đấu (một Táo : khoảng 20 lít) , chớ không chịu thêm một nhân khẩu.

Một táo chỉ ăn vài ngày là hết, nhưng.... chắc ăn, bảo đảm không có chuyện gì xảy ra !. Còn thêm một nhân khẩu, có thể làm ra thật nhiều TÁO, nhưng cũng sẽ phát sinh thật nhiều chuyện rắc rối chung quanh cái Nhân Khẩu này !

Câu này còn được nói lại như sau :

寧添一口，莫爭一斗。

Ninh thêm nhất khẩu, Mạc tranh nhất đấu.

Có nghĩa :

Thà là thêm một miệng ăn (để làm ra thêm thực phẩm nhiều hơn), chớ đừng tranh giành chỉ có một táo.

Câu nói có 2 mặt Phải, Trái, ai muốn dùng theo nghĩa nào thì cứ tự do chọn lựa mà xài !



173. 螳螂捕蝉，岂知黄雀在后。

Đường lang bổ thiên, Khởi tri hoàng tước tại hậu.

Chú Thích :

Đường Lang : là con Bọ Trời, Bọ Ngựa, Miền Nam gọi là Con Bù Cào Trời.

Thiên : là con Ve Sầu.

Hoàng Tước : là con Chim se sẻ màu vàng.

Nghĩa Câu :

Con bọ Ngựa muốn chụp con ve sầu để ăn thịt, nó đâu có biết rằng phía sau lưng nó đang có con chim se sẻ cũng đang định mổ nó để ăn.

Đây là một Ngụ ngôn Thành ngữ Điển tích, theo tích sau đây :

Thời Chiến Quốc, Vua nước Ngô muốn đánh nước Sở, các đại thần đều đến can ngăn. Vua giận nói : " Ai còn phản đối ta sẽ xử trảm !". Mọi người đều rất lo lắng. Có một Thị Vệ, sáng sớm cứ giương ná ngăm nghĩa trên cây trước cung vua. Vua Ngô trông thấy bèn hỏi : " Nhà người đang làm gì thế ? ". Thị Vệ thưa rằng : " Trên cây có một con Ve sầu đang vừa ngâm vừa uống sương rất vui vẻ, nó đâu có biết rằng có con Bọ Ngựa ở phía sau đang định chụp nó để ăn thịt, và con Bọ ngựa kia cũng đâu có biết rằng, phía sau nó lại có một con chim se sẻ màu vàng cũng đang định mổ nó để ăn, và con chim se sẻ kia cũng đâu có ngờ rằng, ở phía sau nó còn có hạ thần đang giương ná ra để bắn nó đây ! Thưa Đại Vương, các con vật kia chỉ thấy có cái lợi trước mắt mà không biết đến cái hại đang rình rập ở sau lưng ! ". Ngô Vương nghe xong chợt tỉnh ngộ, ta dốc toàn lực đánh nước Sở, nhờ có nước nào khác thừa cơ đánh úp ta thì sao ?! Bèn thôi, không đánh Sở nữa.



Người đời cũng thế, thường người ta chỉ thấy và hám cái lợi trước mắt, mà quên khuấy đi cái hại nhiều khi rất lớn, đang rình rập ở sau lưng mình !

174. 不求金玉重重貴，但願兒孫個個賢。

Bất cầu kim ngọc trọng trọng quý, Đản nguyện nhi tôn cá cá hiền.

Chú Thích :

Trọng 重 : là Nặng. Chữ này còn được đọc là Trùng : có nghĩa là Lặp lại.
Vd : " Phước bất TRÙNG lai " (Phước không có đến 2 lần). Trong câu dùng luôn 2 chữ liên tiếp Trọng Trọng : là nặng nặng, là rất nặng, cũng có nghĩa là rất Nhiều.

Nghĩa Câu :

Không cầu có được thật nhiều vàng ngọc quý báu. Chỉ mong rằng (đản nguyện) con cháu đứa nào đứa nấy đều hiền lành ngoan ngoãn.



175. 一日夫妻，百世姻緣。

Nhất nhật phu thê, Bách thế nhân duyên.

百世修來同船渡，千世修來共枕眠。

Bách thế tu lai đồng thuyền độ, Thiên thế tu lai cộng chẩm miên.

Chú Thích :

Thế : là Đời, Kiếp. Bách Thế là Trăm đời, Trăm kiếp. Vạn Thế là Muôn đời. Khổng Tử được xưng tụng là " Vạn Thế Sư Biểu " : là Người Thầy tiêu biểu của Muôn đời.

Độ : có 3 chấm thủy, nên có nghĩa là : Đi ngang qua Sông Hồ Ao Biển.
Đồng Thuyền Độ : là Cùng đi chung một thuyền.

Chẩm : là Cái Gối để nằm. Cộng Chẩm Miên : là Cùng nằm chung Gối để ngủ.

Nghĩa Câu :

Chỉ một ngày làm vợ chồng với nhau thôi, cũng là do cái nhân duyên của cả trăm đời trước mới thành được.

Cùng tu với nhau một trăm kiếp, mới có cái duyên được đi chung thuyền với nhau. (đồng hội đồng thuyền). Cùng tu với nhau một ngàn kiếp mới ngủ chung gối với nhau được !

Dù nói cách nào, cũng cho thấy là phải khó khăn vất vả lắm mới thành vợ thành chồng với nhau được, và quan hệ vợ chồng là cái gì đó thiêng liêng cao cả lắm, được gói gắm vào 2 chữ Nhân Duyên do nơi tiền định, thiên định, chứ không phải sức người mà làm nên được. Nên ta phải biết trân trọng tình nghĩa vợ chồng , không thể động chút là ly thân, ly dị.... mà phải biết gắn bó

nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình. Quan hệ vợ chồng là một trong ba cái giềng mối của xã hội phong kiến ngày xưa : Quân Thần, Phụ Tử, Phu Phụ. Nên không thể xem thường được, cho dù trong xã hội ngày nay, đơn vị Gia Đình vẫn là nền tảng chủ yếu của bất cứ xã hội hay quốc gia nào, mà trong Gia Đình thì không thể vắng bóng cặp đôi nòng cốt là Vợ Chồng cho được.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 22

176. 殺人一萬，自損三千。

Sát nhân nhất vạn, Tự tổn tam thiên.

Nghĩa Câu :

Giết của người ta một vạn (mười ngàn) người, thì mình cũng phải tổn thất 3 ngàn (chớ đâu có ít hơn nữa !).

Nhớ hồi xưa, khi nghe tin chiến sự, các bạn bè thường nhại lại để cười với nhau như sau : "...Bên địch chết 3, bên ta, hoàn hoàn vô sự ! ". Có anh bạn lại tếu là : "... Bên địch, chết 3, Bên ta , chết hết ! ".

Cái giá phải trả... thường bị ém nhem đi , vì một lý do nào đó.... Một ông Tướng thắng trận lên lon, có biết đâu rằng đã phải hy sinh biết bao xương máu của những Chiến sĩ Huynh Đệ Chi Binh ! Từ xưa đã có câu :

Nhất tướng công thành vạn cốt khô. 一將功成萬骨枯 .

Có nghĩa :

Một ông tướng công thành danh toại (nổi tiếng) đã phải đánh đổi cái quá trình đó bằng hàng vạn bộ xương khô của binh sĩ cả ta lẫn địch. Không có những trận đánh lớn, không giết được nhiều người, không thắng trận.... thì làm sao lên Tướng và nổi tiếng được !

177. 傷人一語，利如刀割。

Thương nhân nhất ngữ, Lợi như đao cắt.

Nghĩa Câu :

Một lời nói làm thương tổn đến người khác thôi, lắm lúc lại làm cho người ta cảm thấy còn đau đớn hơn là bị dao bén cắt vào thịt nữa !

Ông bà ta nói :

*Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau !*



178. 枯木逢春猶再發，人無兩度再少年。

Khô mộc phùng xuân do tái phát, Nhân vô lưỡng độ tái thiếu niên.

Nghĩa Câu :

Cây khô gặp mùa xuân còn có thể phát trở lại, chứ người thì không có hai lần trở lại tuổi thiếu niên.

Thời gian đã qua rồi thì không thể trở lại được nữa ! Tục ngữ Trung Hoa có câu :

Nhất thốn quang âm nhất thốn kim, 一寸光陰一寸金，

Thốn kim nan mãi thốn quang âm. 寸金難買寸光陰.

Có nghĩa :

Một tấc thời gian quý như một tấc vàng, nhưng tấc vàng không thể mua được tấc thời gian !

179. 未晚先投宿，雞鳴早看天。

Vị vãn tiên đầu túc, Kê minh tảo khán thiên.

Chú Thích :

Đầu Túc : Tìm chỗ ở trọ nhà ai đó, chỗ nào đó... để qua đêm.

Nghĩa Câu :

Trời chưa sụp tối, phải tìm chỗ ở trọ qua đêm trước. Gà vừa gáy sáng là phải thức dậy để xem trời (như thế nào, để còn lên đường !).

Đây là cách sống cẩn thận, có kế hoạch chu đáo của thời trước. Không phải ở đâu cũng có nhà trọ khách sạn, và phương tiện giao thông khó khăn, nên có việc đi ra ngoài, gặp khi trời sắp tối thì phải biết tính toán mà tìm chỗ trọ qua đêm trước khi trời sụp tối, và sáng sớm phải biết dậy sớm xem thời tiết để còn lên đường cho đừng trễ nãi.... Còn bây giờ thì khoa học kỹ thuật tiến bộ, xã hội phát triển, giao thông thuận tiện... nên con người sống cũng tùy tiện hơn, không phải mỗi chút mỗi lo như hồi trước nữa !

180. 將相胸前堪走馬，公候肚裡好撐船。

Tướng tướng hung tiền kham tẩu mã, Công hầu đở lý hảo sanh thuyền.

Chú Thích :

Tướng Tướng : 將 相 Ta có 2 chữ Tướng rất hay như sau :

Tướng 將 : Tướng này là Tướng Quân cầm binh, con nhà võ. Cao nhất là Đại Tướng, là Nguyên Soái.

Tướng 相 : Tướng này là Tướng Văn, là Thừa Tướng, là Tế Tướng. Quan văn mà làm tới Tướng thì lớn hơn quan Tướng của quan Võ nhiều.

Trong câu Tướng Tướng là chỉ : Những người Thành đạt, những kẻ cả, những người có chức vụ lớn.

Hung : là Cái Ngực. Hung Tiền : chỉ trước Ngực, là cái lồng ngực, ở đây là chỉ Bụng Dạ của kẻ cả.

Kham : là Có thể, là Được.

Đổ : là Cái Bụng. Đổ Lý : là Trong Bụng, ở đây cũng chỉ Lồng dạ.

Sanh : là Chèo Chống.

Nghĩa Câu :

Trong lồng ngực của những Tướng quân, Thừa tướng có thể cưỡi ngựa được, Trong bụng của các Công Hầu có thể chống thuyền được.

Ý của câu nói là muốn nhắn nhủ với những người thành đạt, những ông quan lớn, những kẻ hiển đạt.... phải có lòng dạ khoan dung rộng rãi của... kẻ cả, chớ không nhỏ nòi, chấp nê hẹp hòi như kẻ tiểu nhân.

Thường thì những người hiển đạt có cuộc sống sung túc giàu sang, nên lòng dạ cũng khoan dung rộng rãi hơn những người thường, nhưng rộng đến nỗi " cưỡi ngựa và chống thuyền " trong bụng được thì quả là quý hóa quá đi thôi !

181. 富人思來年，貧人思眼前。

Phú nhân tư lai niên, Bần nhân tư nhữn tiền.

Nghĩa Câu :

Người giàu thì lo cho năm tới, Người nghèo thì lo ngay trước mắt.

Nghèo, chạy gạo từng bữa, không lo ngay trước mắt sao được !?.

世間若要人情好，賒去物件莫取錢。

Thế gian nhược yếu nhân tình hảo, Xa khứ vật kiện mạc thủ tiền.

Chú Thích :

Nhược : là Nếu. Nhược Yếu : là Nếu Muốn.

Xa : là Nợ, là Thiếu chịu.

Nghĩa Câu :

Trên đời này, nếu muốn cho nhân tình được tốt, thì cho người khác nợ đi những đồ đạc gì đó mà không cần lấy lại tiền.

Không lấy tiền, tức là Cho Không rồi còn gì !?. Như thế mà nhân tình không tốt mới là lạ !



182. 死生有命，富贵在天。

Tử sanh hữu mệnh, Phú quý tại thiên.

Nghĩa Câu :

Chết sống đều có mạng, Phú quý là do Trời.

Chết hay sống đều có số mạng cả, không phải mình muốn mà được. Cũng như việc giàu nghèo là do Trời đã sắp đặt sẵn, không phải tự dưng muốn giàu mà được đâu. Đó là cái triết lý sống của người xưa, tất cả đều tin vào Thiên mệnh, ta đã từng biết câu : " Mệnh lý vô thời mạt cường cầu " mà !

183. 擊石原有火，不擊乃無煙。

Kích thạch nguyên hữu hỏa, Bất kích nãi vô yên.

Chú Thích :

Kích : là Đánh. Truy Kích : là Đuổi đánh.

Kích Thạch : là Đánh 2 viên đá vào nhau.

Nghĩa Câu :

Đánh đá vốn có lửa, không đánh đá thì không có khói.

Phép lấy lửa ngày xưa là cà mạnh 2 viên đá vào nhau cho nẹt lửa, rồi dùng bồi làm mồi cho lửa cháy, cho nên đánh đá để có lửa là chuyện thường tình, mà có lửa thì sẽ có khói. Không đánh đá, không có lửa , làm sao có khói được !? " Bất kích nãi vô yên " mà !.



184. 人學始知道，不學亦徒然。

Nhân học thủy tri đạo, Bất học diệc đồ nhiên.

Nghĩa Câu ;

Người mà có học mới biết đạo lý (ở đời,làm người), không học thì sẽ không biết gì cả !(uổng phí,vô dụng).

Về đầu còn có một dị bản là " VI học thủy tri đạo ". VI là Làm, là tích cực trong việc học hỏi, thì sẽ biết đạo lý ở đời.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 23 .



185 莫笑他人老，終須還到老。

Mạc tiểu tha nhân lão, Chung tu hoàn đáo lão.

但能依本分，終須無煩惱。

Đản năng y bốn phận, Chung tu vô phiền nảo.

Nghĩa Câu :

Đừng cười người khác già, Rốt cuộc mình cũng già thôi.

Chỉ cần giữ đúng bốn phận của mình, chung cuộc sẽ không có gì phiền nảo.

Rất bình thường, chỉ cần an phận thủ thường, thì sẽ không có gì có thể làm cho mình phiền nảo được. Ta đã từng biết câu :

" Phiền nảo giai nhân cường xuất đầu " !.

Phiền nảo là do tranh đua háo thắng mà ra đó thôi !

186. 君子愛財，取之有道。

Quân tử ái tài, Thủ chi hữu đạo.

貞婦愛色，納之以禮。

Trinh phụ ái sắc, Nạp chi dĩ lễ.

Nghĩa Câu :

Người quân tử cũng yêu thích tiền tài (cũng tham tiền như ai), nhưng, chỉ lấy những tiền tài nào có Đạo nghĩa (tiền có lai lịch tốt hoặc do sức lao động của mình làm nên).

Người Trinh phụ (phụ nữ đoan trinh tiết liệt) vẫn thích làm đẹp, (Ái sắc : là Yêu sắc, là thích mình có nhan sắc), nhưng, chỉ làm đẹp trong vòng Lễ giáo cho phép. Không làm đẹp một cách diêm dúa hoặc hở hang.



187. 善有善報，惡有惡報。

Thiện hữu thiện báo, Ác hữu ác báo.

不是不報，日子未到。

Bất thị bất báo, Nhứt tử vị đáo.

Nghĩa Câu :

Làm lành thì có báo ứng lành, làm ác thì sẽ bị ác báo.

Không phải là không báo ứng, vì ngày tháng chưa tới mà thôi.(Vị Đáo : là Chưa đến. còn Bất Đáo : là Không đến).

188. 人而無信，不知其可也。

Nhân nhi vô tín, Bất tri kỳ khả dã.

Nghĩa Câu :

Làm người mà không có chữ tín, thì không biết là được ở chỗ nào !

(Bất tri kỳ khả dã), ý muốn nói : Làm sao mà được !

Đây là câu nói của Đức Khổng Phu Tử trong chương Vi Chính 為政, sách Luận Ngữ 論語. Nguyên văn như sau :

子曰：「人而無信，不知其可也。大車無輶(1)，小車無軌(2)，其何以行之哉？」

Tử viết : " Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã. Đại xa vô nghê(1), tiểu xa vô nguyệt(2), kỳ hà dĩ hành chi tại ? ".

Có nghĩa :

Khổng Tử nói : " Người mà không có chữ tín, thì làm sao mà đứng vững được. Giống như xe lớn không có mộng gài ngang càng xe, xe nhỏ không có chốt để chốt ngang càng xe, thì xe làm sao mà đi cho được ?".

Chữ " TÍN " là cái chuẩn mực truyền thống của Nho Gia. Khổng Tử dạy, làm người muốn lập thân xử thế tốt, thì phải giữ chữ TÍN. Hàm ý chính của chữ TÍN trong Luận Ngữ là : TÍN NHIỆM và TÍN DỤNG.

189. 一人道好，千人傳實。

Nhất nhân đạo hảo, Thiên nhân truyền thực.

Nghĩa Câu :

Chỉ cần một người nói tốt thôi, rồi một ngàn người sau đó đồn đãi lan truyền ra thì mọi người sẽ tin là tốt thật. Nhưng có tốt thật sự hay không thì còn phải kiểm tra lại mới biết !.

190. 凡事要好，須問三老。

Phạm sự yếu hảo, Tu vấn tam lão.

Nghĩa Câu :

Hễ việc gì muốn tốt, thì phải hỏi qua ý kiến của ba ông già.

Nếu ba ông già nói tốt thì là tốt, nếu ba ông đều nói không tốt là không tốt. Ở đây muốn đề cao về kinh nghiệm sống của những người già từng trải. Khi ta do dự, bối rối trước một vấn đề nan giải nào đó, thì tốt nhất là hãy tìm một người già để tham khảo ý kiến .

191. 若爭小可，便失大道。

Nhược tranh tiểu khả, Tiệt thất đại đạo.

Nghĩa Câu :

Con người nếu cứ quyết lòng tranh chấp những lợi ích nhỏ nhoi, cá nhân, thì sẽ mất đi cái lợi ích to lớn của tập thể, của cộng đồng và không hợp với đạo lý ở đời.

Tham cái lợi nhỏ để mất cái đạo to, nhưng, ở đời có mấy ai tránh khỏi cái lợi bày ra sờ sờ trước mắt ?!

192. 年年防飢，夜夜防盜。

Niên niên phòng cơ, Dạ dạ phòng đạo.

Nghĩa Câu :

Năm nào cũng phải lo đói cơm khát nước,

Đêm nào cũng phải phòng hờ trộm đạo cướp bóc.

Cẩn tắc vô ưu : Cẩn thận lo toan mọi mặt, thì không phải buồn rầu lo lắng. Ta thường nói chơi là : " Cẩn tắc vô... áy náy !".

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 24 .



193. 學者如禾如稻，不學者如蒿如草。

Học Học giả như hòa như đạo, Bất học giả như cỏ như thảo.

Chú Thích :

Hòa : là Cây lúa. Đạo : là Hạt lúa.

Cỏ : là Rơm. Thảo : là Cỏ

Nghĩa Câu :

Người có học thì như cây lúa, như hạt lúa. Còn người không có học thì như rơm, như cỏ. Rất thực dụng, cây lúa và hạt lúa đem lại lợi ích thực tế và to lớn hơn là rơm và cỏ thường hay bị xem nhẹ xem khinh .Bài học Thuộc Lòng của lớp Đồng Ấu ngày xưa cũng đã nhắc nhở

*Học thời như gấm thêu hoa,
Có văn có chất mới ra con người*

194. 遇飲酒時須飲酒，得高歌處且高歌。

Ngộ ẩm tửu thời tu ẩm tửu, Đắc cao ca xứ thả cao ca.

Nghĩa Câu :

Gặp lúc uống rượu thì cứ uống rượu, khi nào cất cao giọng hát được thì cứ cất cao giọng hát.

Ý muốn nói, khi nào vui chơi hưởng thụ được thì cứ vui chơi hưởng thụ đi, đã vui chơi hưởng thụ thì đừng lo nghĩ đến chuyện khác nữa .

195. 因風吹火，用力不多。

Nhân phong xuy hỏa, Dụng lực bất đa

Nghĩa Câu :

.Nhân có gió mà thổi thêm lửa, thì dùng sức không nhiều.

Câu này tương đương với...

" Thừa gió bẻ măng ", dùng sức không nhiều và không ai hay" Thừa nước đục thả câu " , chắc chắn được cá mà không phải đợi .

Bỏ ra công sức ít, mà gặt hái được thành quả nhiều.

196. 不因漁父引，怎得見波濤。

Bất nhân ngư phủ dẫn, Chấm đắc kiến ba đào ?

Nghĩa Câu :

Không được sự hướng dẫn của ngư phủ, thì làm sao thấy được sóng gió (ba đào) Người am tường về biển, biết nương sóng gió mà đi như những người đánh cá, thì mới có thể đưa bạn đi để ngắm cảnh ba đào biển động được.

197. 無求到處人情好，不飲從他酒價高。

Vô cầu đáo xứ nhân tình hảo, Bất ẩm tòng tha tửu giá cao.

Chú Thích :

Đáo Xứ : là Khắp mọi nơi .

Tòng Tha : là Theo Nó (Nó : ở đây là Phiếm chỉ Đại tử), nên có nghĩa là : Chìu theo họ. Một nghĩa phát sinh nữa là : Mặc họ.

Nghĩa Câu :

Không cầu mong là khắp mọi nơi nhân tình đều được tốt cả, cũng như không uống những rượu mà họ muốn lên giá cao bao nhiêu cũng được.(Ghiền quá rồi, họ lên giá cao bao nhiêu cũng ráng mà uống).

Ta cũng có thể hiểu theo nghĩa sau đây : Vô cầu, đáo xứ nhân tình hảo, Bất ẩm, tòng tha tửu giá cao .Có nghĩa : Không có đòi hỏi gì cả, nên khắp nơi , đến đâu nhân tình cũng tốt cả ! Không nhậu, nên mặc cho họ muốn đẩy giá rượu lên cao bao nhiêu cũng được ! (Mình có nhậu đâu mà lo !).



198. 知事少時煩惱少，識人多處是非多。

Tri sự thiếu thời phiền não thiểu, Thức nhân đa xứ thị phi đa.

Chú Thích :

Nhắc lại chữ 少 là chữ Giả Tá, nên có 2 âm đọc và 2 nghĩa khác nhau :

a). Đọc là THIẾU 少 : Có nghĩa là TRẺ, từ phản nghĩa là LÃO.

b). Đọc là THIẾU 少 : Có nghĩa là ÍT, từ phản nghĩa là ĐA.

THỊ PHI : là Chuyện đúng sai, phải trái, tốt xấu ở đời.

Nghĩa Câu :

Hiểu chuyện đời ít thì sự phiền não cũng ít đi. Quen biết nhiều người ở nhiều nơi, thì chuyện thị phi cũng nhiều thêm ra.

199. 入山不怕傷人虎，只怕人情兩面刀。

Nhập sơn bất phạ thương nhân hổ, Chỉ phạ nhân tình lưỡng diện đao.

Nghĩa Câu :

Vào núi không sợ cọp có thể làm cho người bị thương (thậm chí tử thương), mà chỉ sợ tình người ở đời như con dao hai lưỡi (bề nào, phía nào cũng có thể làm cho ta thọ thương được !). Chỉ ví von mà thôi. Cho thấy là tình người ở đời nham hiểm và nguy hiểm vô cùng, có thể hại ta trong mọi tình huống, còn dữ dằn và đáng sợ hơn là cọp nữa ! Lòng người hiểm ác khó lường !

200. 強中更有強中手，惡人須用惡人磨。

Cường trung cánh hữu cường trung thủ, Ác nhân tu dụng ác nhân ma.

Chú Thích :

MA 磨: Có bộ Thạch là Đá bên dưới. Danh từ là Cái Cối xay bột. Động từ là Xay, là Cọ xát, là Mài dũa. nghĩa bóng là Bị va chạm, dấn vật, ta có thành ngữ Thiên Ma Bách Chiết : là Ngàn lần mài trăm lần gãy, chỉ sự va chạm te tua của cuộc đời, mà trong Cung Oán Ngâm Khúc Ôn Như Hầu đã viết :

*Đòi những kẻ Thiên Ma Bách Chiết,
Hình thì còn bụng chết đòi nao.*

Nghĩa Câu :

Người mạnh còn có kẻ mạnh bạo hơn, người ác thì phải dùng người ác để trị nhau. Đừng có ý mạnh mà lấn lướt người khác, sẽ có những kẻ mạnh bạo hơn ăn hiếp lại cho coi. Còn những kẻ ác ôn côn đồ thì không thể lấy lý mà nói hoặc tử tế với họ được, mà phải dùng những kẻ ác ôn côn đồ hơn để trị lại họ.

201. 會使不在家豪富，風流不用著衣多。

Hội sử bất tại gia hào phú, Phong lưu bất dụng chước y đa.

Chú Thích :

Sử 使 : là Sử dụng, là Tiêu, Xài.

Hội Sử : là Biết Xài tiền, Biết cách Tiêu tiền.

Bất Dụng : Ngoài nghĩa Không Dùng ra, còn có nghĩa là Không Cần Phải.

Chước Y : là Mặc áo.

Nghĩa Câu :

Biết cách xài tiền không phải ở chỗ nhà giàu sang, Phong lưu không cần phải mặc áo nhiều. Ý muốn nói...

Không cần phải là nhà giàu, nếu biết cách xài tiền cho đúng nơi đúng lúc, thì đồng tiền được xài ra sẽ mang đến kết quả thật tốt, có ích lợi thấy rõ. Cũng như người biết cách ăn mặc cho đúng điệu, hợp thời hợp cảnh, thì không cần phải mặc nhiều quần áo đẹp mới ra vẻ phong lưu.

202. 光陰似箭，日月如梭。

Quang âm tựa tiễn, Nhật nguyệt như thoa.



Chú Thích :

Quang Âm : Quang là Sáng, Âm là Tối. Sáng rồi tối, tối rồi lại sáng, Sáng là Ban ngày, Tối là Ban đêm, nên QUANG ÂM chỉ Ngày này qua ngày kia, tức chỉ THỜI GIAN qua đi.

Nhật Nguyệt : Cũng giống như Quang Âm. Nhật là Mặt trời chỉ Ban ngày, Nguyệt là mặt trăng chỉ Ban đêm. mà trăng thì mỗi tháng chỉ TRÒN có một lần, nên NHẬT NGUYỆT cũng chỉ Ngày Tháng.

THOA : là Con Thoi trên khung cửi dệt vải, chạy qua chạy lại rất nhanh.

Nghĩa Câu :

Thời gian qua nhanh như tên bắn, Ngày tháng qua nhanh như thoi đưa . Hai vế trên đều hàm ý chỉ Thời gian xem như chậm mà lại qua rất nhanh, nên ta phải biết trân trọng và sử dụng thời gian cho thỏa đáng, đừng để thời gian mất đi một cách oan uổng.

Còn một câu chỉ thời gian qua nhanh mà ta thường gặp nữa, đó là câu : " Thời gian qua nhanh như Bóng Câu qua Cửa Sổ ". Khung cửa sổ đã hẹp rồi, bóng Câu (một loại ngựa chạy nhanh) thoáng qua một cái là mất liền. Nhưng, câu nói trên lấy ý từ câu nói của Trang Tử còn nhanh hơn nữa....

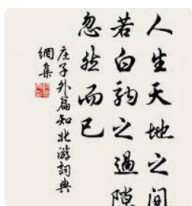
<莊子·知北游>“人生天地之間，若白駒之過隙，忽然而已。” < Trang Tử. Tri Bắc Du > "

Nhân sinh thiên địa chi gian, nhược bạch câu chi quá khích, hốt nhiên nhi dĩ ".

< Trang Tử. Thiên Tri Bắc Du > "

Người đời sống trong trời đất, giống như là con ngựa trắng lướt ngang khe cửa, chỉ thoáng chốc mà thôi ".

Ta nói " Thoáng qua cửa sổ " đã hẹp rồi, Trang Tử nói còn hẹp hơn nữa, chỉ " Thoáng qua khe cửa mà thôi " !.



TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 25

203. 天時不如地利，地利不如人和。

Thiên thời bất như địa lợi, Địa lợi bất như nhân hòa.

Nghĩa Câu :

Thiên thời không bằng địa lợi, Địa lợi không bằng nhân hòa.

Mọi việc làm ở trên đời muốn cho thuận lợi thành công thì phải theo : Thiên Thời, Địa lợi và Nhân Hòa. Nhưng như câu trên đã nói Thiên thời không bằng địa lợi, cái thuận lợi về Thiên cơ thời tiết... không bằng được cái thuận lợi về đất đai địa lý nơi ta cư ngụ, và Cái thuận lợi về địa lý không bằng được cái thuận lợi về nhân hòa, về tình người, về lòng người... Con người luôn luôn đóng vai trò chủ đạo trong cuộc sống của con người !

Mạnh chạnh trị cũng thế. Được lòng người, được lòng dân là có tất cả, ngay từ xưa Mạnh Tử cũng đã nói : DÂN VI QUÝ mà !



204. 黃金未為貴，安樂值錢多。

Hoàng kim vị vi quý, An lạc trị tiền đa.

Chú Thích :

Vị Vi : Chưa chắc đã là.

Trị : Đáng giá.

Nghĩa Câu :

Vàng ròng chưa chắc đã là quý giá, sự an lạc yên ổn vui vẻ mới đáng giá đồng tiền bát gạo (đáng giá thật nhiều tiền).

Tiền Vàng không thể mang đến niềm vui, hạnh phúc cho con người, nhưng nếu không có tiền, không có... cái để mà sống, thì cũng khó mà có được niềm vui và hạnh phúc.

205. 世上万般皆下品，思量唯有讀書高。

Thế thượng vạn ban giai hạ phẩm, Tư lường duy hữu độc thư cao.

Chú Thích :

Vạn Ban : là Mọi Điều, Mọi Thứ, Mọi ngành nghề.

Độc Thư : là Độc sách, ở đây chỉ sự Học Hành.

Nghĩa Câu :

Ở trên đời này, mọi thứ mọi ngành đều là hạ phẩm, là hạng thấp, là ở cấp thấp cả. Suy nghĩ cho cặn kẽ (tư lường), thì chỉ có sự học hành để mở mang kiến thức là ở cấp cao, là cao cả nhất mà thôi.

Từ xưa đến nay đều thế cả, người có học thức, có kiến thức vẫn hơn những người không chịu học hành. Xã hội càng phát triển, khoa học kỹ thuật càng tiến bộ, thì lại càng cần phải Học Hành để theo kịp đà tiến hóa của nhân loại.



206. 世間好語書說盡，天下名山僧佔多。

Thế gian hảo ngữ thư thuyết tận, Thiên hạ danh sơn tăng chiếm đa.

Nghĩa Câu :

Trên đời này, những điều tốt, những lời nói tốt, thì sách vở đã nói và ghi chép cả rồi. Và... trên thế gian này, phần lớn những núi non nổi tiếng đều đã bị các nhà sư chiếm cả rồi.

Ta thấy, hể nơi nào có thắng cảnh núi non đẹp đẽ, là nơi đó có chùa chiền miếu mạo mọc lên ngay. Đây gần như là điều hiển nhiên đến nỗi hình thành một Thành ngữ mà ta thường nói tới : Danh Lam Thắng Cảnh !

Chú Thích :

LAM 籃 : là Già Lam 迦藍, Tiếng Phạn được Hán hóa, để chỉ Ngôi Chùa.
Độc trong Kiền, ta cũng thấy có câu :

*Gió quang mây tạnh thanh thơi,
Có người đàn viết lên chơi cửa GIÀ.*

.... Cửa Già, là cửa Già Lam, là Cửa Chùa đó. Hể nơi nào có "Thắng cảnh" thì nơi đó sẽ có "Danh Lam" ngay, và Danh Lam thì phải có SƯ trụ trì !

207. 為善最樂，為惡難逃。

Vi thiện tối lạc , Vi ác nan đào.

Nghĩa Câu :

Làm việc thiện là điều vui nhất, cảm thấy trong lòng vui nhất. Làm việc ác thì khó trốn, khó trốn khỏi phải gánh lấy hậu quả bị báo ứng.

208. 羊有跪乳之恩，鴉有反哺之義，

Dương hữu quy nhũ chi ân, Nha hữu phản bộ chi nghĩa,
你 及 他 未 及？

Nể cấp tha vị cấp？

Chú Thích：

Quy Nhũ：Quy là Quỳ, Nhũ là Vú. Quy Nhũ là Quỳ xuống để bú.

Bộ：là Mớm mồi cho ăn. Bộ nhũ：cũng có nghĩa là cho bú.

Phản Bộ：là Mớm ngược lại cho ăn.

Cấp：là Bằng. Vị Cấp là Chưa Bằng. Bất Cấp là Không Bằng.

Nghĩa Câu：

Con dê vì biết ơn của mẹ nên Quỳ xuống mà bú. Con quạ có cái nghĩa là khi mẹ già thì nó đi kiếm mồi Mớm ngược lại cho mẹ ăn.

Bạn có bằng được chúng chưa hay là không bằng？!

Quả là một bài học luân lý và là một câu hỏi hóc búa khó trả lời！

Mong rằng những ai còn Cha còn Mẹ hãy ráng mà trân trọng！



209. 你急他未急，人閑心不閑。

Nể cấp tha vị cấp, Nhân nhàn tâm bất nhàn.

Chú Thích：

Nể：Ngôi thứ 2 số ít. Ngoài chữ NỂ này ra, ta còn 3 chữ thường gặp nữa là：Nhĩ 爾, Nhữ 汝 và Quân 君, cũng cùng nghĩa trên.

Nhàn：Ta từng biết câu " Nguyệt lai môn hạ nhàn " 閒, ánh trăng xiên xiên trước cửa, gợi cho ta cảm giác nhàn hạ lúc đêm về. Ở đây ta có chữ " Mộc tại môn tiền dã thị Nhàn " 閑, có một cái cây trước cửa cho bóng mát và đón gió muôn phương, cũng gợi cho ta một cảm giác nhàn hạ lúc ban ngày. Vậy là ta có được 2 chữ NHÂN 閑 閒 cho cả Ngày và Đêm, đều được ghép theo cách Hội Ý và đều có Nghĩa như nhau.

Nghĩa Câu：

Bạn gấp chứ họ đâu có gấp (Mày gấp chứ Nó đâu có gấp). Người nhàn nhưng tâm lại không nhàn.

Có nhiều việc chỉ gấp đối với mình nên mình nóng ruột, còn người khác thì họ tỉnh bơ, vì có phải là chuyện của họ đâu!. Cũng như có nhiều người trông bề ngoài thì rất nhàn nhã, nhưng trong bụng thì lại rối beng. Nếu nhìn bề ngoài không thì có ai mà biết được.

210. 隱惡揚善，執其兩端

Ẩn ác dương thiện, Chấp kỳ lưỡng đoan.

Đây là câu nói của

Đức Khổng Phu Tử trong " Trung Dung Chi Đạo " nguyên văn như sau :

子曰：「舜其大知也與！舜好問而好察邇言，隱惡而揚善，執其兩端，用其中於民，其斯以為舜乎！」

Tử viết : [Thuần kỳ đại tri dã dữ ! Thuần hiếu vấn nhi hiếu sát nhĩ ngôn, ẩn ác nhi dương thiện, chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kỳ trung ư dân, kỳ tư dĩ vi Thuần hồ !].

Khổng Tử nói : " Thuần quả là người có trí tuệ lớn, thích đặt câu hỏi khi gặp vấn đề, lại giỏi phân tích hàm ý gần xa trong câu nói của người khác. Bỏ qua (che dấu) những cái xấu của người khác và biết tuyên dương cái tốt của người ta. Nằm được cái chưa tới và cái quá đáng của hai phía, dung hòa lại để áp dụng cho dân chúng. Đó chính là cái vua Thuần hơn người đó vậy !

Trong đời sống thường ngày cũng vậy, ta phải biết xí xóa và đừng nhắc đến những nhược điểm của người khác, cũng như biết khuyến khích và tuyên dương những cái ưu điểm, cái tốt của người đối diện, nhưng phải biết nắm vững cái NÊN và KHÔNG NÊN nói hoặc làm, thì chắc chắn mọi người chung quanh, nếu không có cảm tình thì cũng có thiện cảm với ta hơn !.



211. 妻賢夫禍少，子孝父心寬。

Thê hiền phu họa thiểu, Tử hiếu phụ tâm khoan.

Nghĩa Câu :

Vợ mà hiền thực thì chồng sẽ ít tai họa. Con mà có hiếu thì lòng cha mới thấy thoải mái nhẹ nhàng.(KHOAN : có nghĩa là Rộng trái với Hẹp. Nghĩa bóng là Rộng Rãi, Độ Lượng, như Khoan Hồng, Khoan Dung... TÂM KHOAN : là Lòng rộng rãi dễ chịu. Khoan Khoái).

212. 既墜釜甑，反顧無益。

Ký trụy phủ tạng, Phản cổ vô ích.

Chú Thích :

Ký : là Đã, Đã... rồi.

Trụy : là Rơi, Rớt. Như TRỤY LẠC chẳng hạn.

Phủ Tằng : Phủ là cái Nồi, Tằng là cái Nồi Hấp .

Phủ Tằng nói chung là chỉ dụng cụ dùng để nấu.

Phản Cố : Cố là Chiếu Cố, là Nhìn đến. PHẢN CỐ : là Quay nhìn trở lại.

Ta từng biết câu " Nhất cố khuynh thành, Tái cố khuynh quốc " (Nhìn một cái nghiêng thành, nhìn thêm một cái nữa là đổ nước) chính là chữ CỐ này đây.

Nghĩa Câu :

Đã rớt vào nồi rồi, có nhìn lại cũng vô ích mà thôi !.

Tương đương với tiếng Việt mà ta thường nói là :

" Cá đã nằm trên thớt rồi, có hối (phải biết dừng cắn câu) cũng vô ích mà thôi ! ". Câu này dùng để chỉ :

Việc gì đó đã tới nước không còn cứu vãn được nữa, thì có hối tiếc cũng vô dụng mà thôi !.

213. 翻覆之水，收之實難。

Phiên phúc chi thủy, Thu chi thực nan.

Chú Thích :

Phiên Phúc : Phiên là Lật, Phúc là Úp. Phiên Phúc là Lật úp.

Nghĩa Câu :

Nước đã lật úp rồi,(đổ sạch sẽ rồi !), muốn lấy lại thật là khó khăn thay !

Tiếng Việt ta cũng có câu : Nước đã đổ rồi, làm sao hốt lại cho được !



Câu trên tương ứng với thành ngữ "Phúc thủy nan thu" 覆水難收 (Nước đổ khó hốt) với tích của Chu Mãi Thần như sau :

Tương truyền, Chu Mãi Thần朱買臣 (?- 115 trước Công Nguyên), tự là Ông Tử翁子, nhân vật chính trị đời Tây Hán. Người đất Cối Kê, thuộc Ngô Huyện của Tô Châu hiện nay. Lúc còn hàn vi, chuyên nghề đồn củi để mưu sinh, vợ chê nghèo khổ mà bỏ đi. Sau được Hán Vũ Đế trọng dụng phong

làm Trung Đại Phu, giàu sang phú quý, mới đem vàng bạc tặng cho vợ cũ. Bà vợ vừa hổ thẹn vừa hối hận nên tự vẫn mà chết. Người đời sau mới thêm thắt nhiều truyền thuyết chung quanh câu chuyện của ông, trong đó có truyện kể rằng ...

Khi phú quý vinh quy về làng, bà vợ cũ ra đón trước đầu ngựa xin lỗi và xin tái hợp. Chu Mãi Thần mới cầm chén nước đổ xuống đất mà bảo rằng, nếu hốt lại được nước đã đổ thì sẽ cho tái hợp. Bà vợ xấu hổ mà tự sát. Tích này còn cho thêm một thành ngữ nữa là " Mã Tiền Phất Thủy " 馬前潑水, (Nước đổ trước đầu ngựa), để chỉ làm việc gì đó một cách quá đáng, tuyệt tình !

Ta còn nhớ trong bài " Hàn Nho Phong Vị Phú " của Nguyễn Công Trứ có câu :

..." Khó ai bằng Mãi Thần, Mông Chính, cũng có khi ngựa cỡi dù che."

Mãi Thần chính là CHU MÃI THẦN đó vậy !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 26

214. 人生知足何時足，人老偷閑且是閑。

Nhân sinh tri túc hà thời túc, Nhân lão thâu nhàn thả thị nhàn.

Nghĩa Câu :

Người đời mà muốn cho đủ, thì biết đến bao giờ mới đủ được . Còn người già mà muốn nhàn hạ thì mới thật là thanh nhàn đó.

Lòng tham của con người thì không có đáy, nên không bao giờ biết đủ, luôn luôn được voi thì đòi tiên, bất tri túc là thế.

Đến lúc tuổi già muốn an nhàn để hưởng tuổi già thì mới thật sự hưởng nhàn, chớ tuổi trẻ mà muốn hưởng nhàn sớm thì chưa chắc đã được an nhàn để hưởng, vì còn phải chạy theo ham muốn của bản thân, hoặc phải lo toan cho cuộc sống.

215. 但有綠楊堪系馬，處處有路透長安。

Đàn hữu lục dương kham hệ mã, Xứ xứ hữu lộ thấu Trường An.

Nghĩa Câu :

Chỉ cần có những cây dương liễu xanh xanh trên đường đi để khi

ngồi nơi có chỗ để mà buộc ngựa, thì nơi nào cũng có đường để có thể đi đến Trường An được cả.

Ý nghĩa của câu là....

Chỉ cần ta có quyết tâm muốn làm việc gì đó thì không có gì có thể cản trở ta được, nhất định ta sẽ đến được... Trường An mà thôi !.

Tây phương cũng có câu tương tự như thế : Chỉ cần có quyết tâm muốn về La Mã, thì... " Con đường nào cũng đưa ta về La Mã " cả !



216. 見者易，學者難。

Kiến giả dị , Học giả nan.

Chú Thích :

Giả : là Người, nhưng ở đây là Phiếm chỉ Đại từ, nên có nghĩa là : Cái Mà..., hoặc Người Mà....

Nghĩa Câu :

Cái mà ta thấy thì dễ, Cái mà ta muốn học mới khó.

Rất thực tế, luôn luôn cái mà ta thấy người khác làm, người khác học.... thì có vẻ dễ dàng lắm, nhưng đến khi chính mình bắt tay vào làm hoặc học, thì mới thấy được sự khó khăn khi học khi làm !

Đừng tưởng bỏ, thấy thì dễ nhưng học lại rất khó !

217. 莫將容易得，便作等閑看。

Mạc tương dung dị đắc, Tiện tác đẳng nhàn khan.

Chú Thích :

Mạc Tương : là Đừng có lấy (việc gì đó...)... hoặc

Đừng có đem (xem) việc gì đó

Đắc : là Được, là Đắc Thủ, là Thành Công.

Tiện Tác : Bèn lấy làm..., Bèn Cho Rằng....

Đẳng Nhàn : là Rối Rảnh, là Không Nhắm Gì, là Coi rẻ.

Đẳng Nhàn Khan : là Xem Thường, xem khinh.

Nghĩa Câu :

Đừng có thấy dễ dàng đắc thủ, dễ dàng thành công, mà xem thường xem khinh những sự việc khác.

Có lắm người vừa ra đời đã thành công, làm việc gì cũng đắc thủ một cách dễ dàng, bèn dễ người, cứ tưởng là mình giỏi lắm, nên đâm ra

ngạo mạn, xem thường xem khinh tất cả những sự việc khác... Đến khi vấp phải trở ngại, thất bại, thì lại rất chua cay, cay cú hơn người khác và muốn buông xuôi tất cả !

Câu này khuyên ta luôn luôn phải khiêm nhường, đừng thấy dễ dàng thành công mà sinh ra ngạo mạn.

218. 用心計較般般錯，退步思量事事難。

Dụng tâm kế giáo ban ban thác, Thoái bộ tư lường sự sự nan

Chú Thích :

Kế Giáo : là Tính Toán Từng Chút Một, Ke Re Cắc Rắc.

Ban Ban : chỉ Mọi Ngành Nghề, Mọi Sự Việc.

Tư Lường : là Suy Nghĩ Thiệt Hơn, Chần Chừ Do Dự. Nghĩa Câu :

Nếu để tâm tính toán ke re cắc rắc từng chút một, thì chuyện gì cũng lệch lạc, sai lầm. Còn cứ chùng bước suy nghĩ thiệt hơn mãi thì chuyện gì cũng thấy khó khăn cả !

Quả là lời khuyên quý báu ! Ke re cắc rắc từng chút một thì " chơi " với ai ?! Còn làm việc gì đó mà không cả quyết thì làm sao mà làm cho được !

219. 道路各別，養家一般。

Đạo lộ các biệt, Dưỡng gia nhất ban.

Nghĩa Câu :

Đường lối tuy mỗi người mỗi khác, nhưng đều cùng chung một mục đích là để nuôi sống gia đình.

Mỗi người một ngành nghề, mỗi người một cách thức, mỗi người một kiểu kiếm tiền khác nhau (chính đáng hay không chính đáng,堂堂 hoàng hay mách mung...) nhưng tựu trung đều cùng chung một mục đích là để nuôi sống gia đình mà thôi.



从俭入奢易，从奢入俭难。
勤俭建国家，永久是真言。

220. 從儉入奢易，從奢入儉難。

Tòng kiệm nhập xa dị, Tòng xa nhập kiệm nan.

Nghĩa Câu :

Từ cuộc sống tiết kiệm mà đi vào cuộc sống xa hoa thì dễ. Từ đời sống xa hoa mà trở về với đời sống tiết kiệm thì khó.

Quen ăn không quen nhịn, chí lý lắm thay ! Con người ai cũng mang cái bản chất hưởng thụ sẵn trong người, nên rất dễ dàng đi vào cuộc sống xa

hoa, đã sống xa hoa rồi mà muốn trở lại cuộc sống tiết kiệm thì khó còn hơn " lên trời " !

221. 知音說与知音听，不是知音莫与彈。

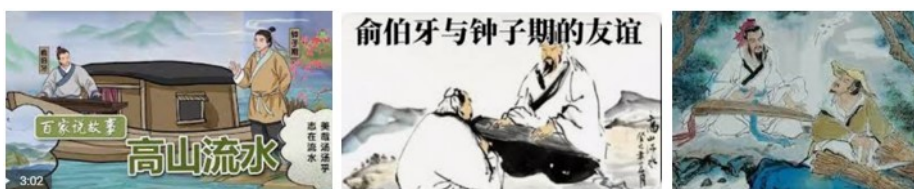
Tri âm thuyết dữ tri âm thính, Bất thị tri âm mạc dữ đàn.

Nghĩa Câu :

Tri âm với nhau thì cùng nói cho nhau nghe, không là tri âm thì sẽ không đàn cho nghe bao giờ !

Tri Kỷ là người bạn hiểu được mình, còn Tri Âm là người bạn hiểu được tiếng đàn của mình. Nói chung Tri kỷ Tri Âm đều chỉ người bạn thân thiết, thông cảm được mình, hiểu được mình.

Từ " Tri Âm " là do tích của " Du Bá Nha 俞伯牙 và Chung Tử Kỳ 鍾子期 " mà ra, ta thường gọi tắt là " Bá Nha Tử Kỳ ", truyện tóm tắt như sau :



Bá Nha và Tử Kỳ là hai người bạn tri âm thời Xuân Thu Chiến Quốc. Bá Nha, họ Du tên Thụy, là người nước Sở, nhưng làm quan Thượng Đại Phu nước Tấn. Bá Nha nổi tiếng là một khách phong lưu văn nhã, lại có ngón đàn tuyệt diệu nhất đời và không bao giờ rời cây Dao cầm yêu quý của mình.

Tử Kỳ, họ Chung tên Huy, là một danh sĩ ẩn dật làm nghề đồn củi để báo hiếu cha mẹ tuổi già nua, nhà tại Tập Hiền Thôn, gần núi Mã Yên, ở cửa sông Hán Dương.

Năm đó, Bá Nha phụng chỉ vua Tấn đi sứ qua nước Sở. Trên đường về, khi thuyền đến cửa sông Hán Dương, nhằm đêm Trung Thu sáng trăng, phong cảnh hữu tình, Bá Nha cho lệnh cắm thuyền dưới chân núi Mã Yên để thưởng ngoạn. Cảm thấy hứng thú, muốn dạo chơi một vài khúc đàn, nhưng chưa dứt bài, đàn bỗng đứt dây.

Bá Nha giựt mình tự nghĩ, dây đàn bỗng đứt thế này ắt có người nghe lén , vì thế mà gặp được Tử Kỳ đang khi đi đồn củi về, nhưng Bá Nha không tin là một anh tiểu phu trong núi lại có thể nghe hiểu tiếng đàn của mình, mới mời lên thuyền đàm đạo và mời nghe mình đàn.

Tử Kỳ tinh thông nhạc lý, tinh tường Dao cầm, thấu rõ lòng Bá Nha qua tiếng đàn, lúc cao vọi vọi chí tự non cao, lúc thì trời nước bao la, ý tại lưu thủy. Sau này ta thường nói " Tiếng đàn réo rắt như cao sơn lưu thủy " là cũng do tích này mà ra. Bá Nha vô cùng bái phục và xin kết nghĩa anh em. Trước khi chia tay, hai người hẹn gặp lại năm sau cũng tại chốn này.

Mùa thu năm sau, khi Bá Nha trở lại Mã Yên thì Tử Kỳ đã bệnh chết, mộ còn chưa xanh cỏ. Chung lão, thân phụ của Tử Kỳ đưa Bá Nha đến mộ.

Sau khi lay bạn xong, Bá Nha gọi đem Dao cầm tới, đặt lên phiến đá trước mộ, ngồi xếp bằng trên mặt đất một cách nghiêm trang, so dây tấu khúc "Thiên thu trường hận", tiễn người tri âm tài hoa yếu mạng. Khi vừa dứt khúc đàn, Bá Nha vái cây Dao cầm một vái, tay nâng lên cao, đập mạnh xuống tảng đá. Dao cầm vỡ tan từng mảnh, trụ ngọc, phím vàng rơi lả tả....

Người đời sau có thơ cảm khái rằng :

摔碎瑤琴鳳尾寒, Suất toái dao cầm phượng vĩ hàn,
子期不在對誰彈 ! Tử Kỳ bất tại đối thùy đàn.
春風滿面皆朋友, Xuân phong mãn diện giai bằng hữu,
欲覓知音難上難. Dục mịch tri âm nan thương nan.

Tạm dịch :

Đập nát dao cầm phượng lạnh lòng,
Tử Kỳ đã mất đàn như không.
Gió xuân khắp chốn bao bè bạn,
Kiếm được tri âm khó dám mong.

Lục bát :

Dao cầm đập bể phượng hàn,
Tử Kỳ đã mất còn đàn ai nghe ?
Gió xuân khắp chốn bạn bè,
Tri âm tri kỷ chính e khó tìm !!!



TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 27

222. 點石化為金，人心猶未足。

Điểm thạch hóa vi kim, Nhân tâm do vị túc.

Nghĩa Câu :

Chỉ đá hóa thành vàng, lòng người còn chưa thấy đủ.

Túi tham của con người luôn luôn không đáy. Câu này nói theo tích "Điểm Thạch Vi Kim 點石為金" hoặc "Điểm Thiết Vi Kim 點鐵為金" (chỉ sắt thành vàng), như sau :



Xưa có một người rất nghèo khổ, nhưng lại rất thành tâm thờ phụng Lữ Tổ. Lữ Tổ là Lữ Động Tân, Tổ Sư của Đạo Giáo. (là một trong Bát Tiên). Cảm động vì lòng thành của anh ta, nên một hôm, Lữ Động Tân hiện đến nhà , thấy gia đình anh ta nghèo khổ, nên dùng ngón tay chỉ vào tảng đá ở trong sân, trong phút chốc, tảng đá sáng lên rực rỡ và biến thành vàng. Lữ Động Tân bèn hỏi anh ta : " Anh có muốn tảng đá này không ?. Anh ta chấp tay xá 2 xá và đáp : " Không muốn ! ". Lữ Động Tân rất vui mà bảo anh ta rằng : " Anh rất tốt, không có lòng tham lam ham muốn, như thế, ta có thể truyền thụ tiên pháp cho anh tu luyện để thành Tiên ". Người kia đáp : " Không phải thế, tôi muốn xin ông cho tôi cái ngón tay " chỉ đá hóa vàng " kia kìa, ông thấy thế nào ?!. Lữ Động Tân nghe xong, rùng mình biến mất !

Quả là Nghèo mà tham lam quá cỡ !

223. 信了肚，賣了屋。

Tín liễu đở, Mại liễu ốc.

Chú Thích :

Đở : Cái Bụng, nghĩa bóng là Bụng Dạ.

Mại 賣 : là Bán. Mại Dâm là Bán dâm. Khác với...

Mãi 買 : là Mua. Mãi Lực là Sức mua. Mãi dâm là Mua dâm.

Nghĩa Câu :

Tin vào bụng dạ của mình, thì sẽ bán nhà như chơi.

Ý muốn nói, nếu sống phóng túng theo những gì mà bản năng con người đòi hỏi, (sống cho đúng theo bụng dạ mình muốn), thì như câu trên đã nói, lòng tham của con người là không đáy mà, cho nên sống buông thả theo bản năng đòi hỏi, thì bán nhà cũng không thể thỏa mãn hết được !

Nhưng....

Có người lại hiểu câu trên như sau : Tín liễu ĐỔ 賭 (Đổ này là Cờ Bạc, là Đổ Bạc), có nghĩa : Tin vào Cờ Bạc thì bán nhà như chơi !.

224. 他人觀花，不涉你目。

Tha nhân quan hoa, Bất thiệp nhĩ mục.

他人碌碌，不涉你足。

Tha nhân lục lục, Bất thiệp nhĩ túc.

Nghĩa Câu :

Người ta ngắm hoa, không can dự gì đến mắt của bạn.

Người ta đi đứng vội vã, không can dự gì đến chân của bạn cả !. Ý muốn nói...

Thế giới muôn màu, muôn hình vạn trạng, chuyện xảy ra nhan nhản trước mắt thật nhiều, ta không làm sao để tâm hết cho được, mà để tâm để làm gì ? Cứ sống cho mình, cứ tự quan tâm mình trước đã, mặc kệ thế giới chung quanh !

Thích lo bao đồng là tự chuốc lấy phiền muộn vào mình mà thôi !

225. 誰人不愛子孫賢，誰人不愛千鐘粟。

Thùy nhân bất ái tử tôn hiền, Thùy nhân bất ái thiên chung túc.

Nghĩa Câu :

Ai mà chả muốn con cháu hiền lành, giỏi giảo, hiếu thảo.

Ai mà chả muốn có ngàn chuông lương thực, ngàn thùng thóc. Xin nhắc lại...

Chữ HIỀN, ngoài nghĩa là Hiền Lành ra, còn có nghĩa là Có Tài Giỏi. CHUNG là Cái Chuông, một đơn vị đo lường ngày xưa, tương đương với cái Thùng của ta hiện nay.

226. 莫把真心空計較，五行不是這題目。

Mạc bả chân tâm không kể giảo, Ngũ hành bất thị giá đề mục.

Nghĩa Câu :

Đừng tính toán những việc nhỏ nhặt một cách quá thực lòng, làm như thế không phải là đề mục của ngũ hành.

Ý muốn nói, những việc nhỏ nào cho qua được thì cứ cho qua, đừng phí công sức đi tính toán làm gì, vì làm như thế sẽ không thuận với sự sinh hóa của ngũ hành !? Không thuận với lẽ tự nhiên.



227. 與人不和，勸人養鵝。

Dữ nhân bất hòa, Khuyến nhân dưỡng nga.

與人不睦，勸人架屋。

Dữ nhân bất mục, Khuyến nhân giá ốc.

Chú Thích :

Hòa Mục : là Hòa hảo, Thuận thảo với nhau.

Nga :là Con Ngỗng, con Ngan.

Giá Ốc : là Cất nhà.

Nghĩa Câu :

Không hòa hảo với người ta, thì khuyên người ta nuôi ngỗng. Không thuận thảo với người nào đó, thì khuyên người đó cất nhà.

Ngỗng là con vật nuôi trong nhà, có màu sắc trắng tinh thật đẹp, lại biết giữ nhà, hễ gặp người lạ là nó kêu ầm lên. Người xưa lại cho rằng Ngỗng là con vật kiết tường, mang điềm tốt đến cho gia đình. Còn...

Cất Nhà là việc lớn, việc tốt, nhà là nơi nương náu đoàn tụ của gia đình. Người xưa coi việc cất nhà là việc trọng đại, nên làm lễ động thổ, lễ gác đòn dông, đều phải cúng kiến trịnh trọng để khoản đãi thầy thợ.... Vậy thì, ý nghĩa của câu trên là gì ?! À, thì ra....

Khuyên ta không hòa thuận với ai, tức là GHÉT người nào đó, thì nên khuyên những điều TỐT LÀNH cho người đó, để.... " lấy tình thương xóa bỏ hận thù " !!!

Câu trên còn một ý nữa : Ngỗng là con vật dữ dằn, hay rượt cắn người khác đến bầm cả chân . Nên nuôi ngỗng để bực mình vì thường hay bị " mắng vồn " ! Còn Cất nhà là việc làm rất bận rộn và phải lo toan tốn kém vất vả vô cùng, định cất nhà một tháng thì 2 tháng mới xong, định tốn khoảng 100 lượng thì khi cất xong, ít nhất phải tốn khoảng 150 lượng sấp lên mới đủ ! Nên, khuyên Nuôi Ngỗng, khuyên Cất Nhà là "xúi dại " cho người ta bị phiền phức, rắc rối, tốn kém và bận rộn, bực mình mãi không yên !

228. 但行好事，莫問前程。

Đản hành hảo sự, Mạc vấn tiền trình.

Chú Thích :

Đản Hành : Chữ ĐẢN có nghĩa là NHƯNG, nhưng khi đứng trước Động từ thì có nghĩa là HÃY... ĐI. Cho nên...

Đản Hành : có nghĩa là Hãy cứ Làm đi...

Ta đã đọc qua 2 câu cuối trong bài Tổng Biệt của Vương Duy là :

ĐẢN KHỨ mạc phục vấn,

Bạch vân vô tận kỳ !

(HÃY cứ ĐI đi không hỏi nữa, Mây trắng vẫn bay hoài không dứt !).

Tiền Trình : TIỀN là Phía Trước, TRÌNH là Lộ Trình là Con Đường.nên TIỀN TRÌNH là Con đường trước mặt, là TƯƠNG LAI.

Nghĩa Câu :

Hãy cứ làm việc tốt đi, đừng có hỏi con đường phía trước sẽ ra sao ?!

Câu này tiếp ý của câu trên,(ghét người nào đó, thì nên khuyên việc tốt cho người đó), cứ làm việc tốt việc phải đi, chứ đừng thắc mắc không biết tương lai sẽ ra sao. " Thiện hữu thiện báo " mà, làm tốt , chắc chắn bạn sẽ gặp tốt mà thôi !

229. 河狹水急，人急計生。

Hà hiệp thủy cấp, Nhân cấp kế sanh.

Chú Thích :

Hiệp : là Dòng sông hay suối bị kẹp giữa 2 núi.

Cấp : là gấp rút. Như : Cấp Bách, Cấp Cứu....

Thủy Cấp : là Nước chảy xiết.

Nhân Cấp : là Con người trong cơn cấp bách.

Nghĩa Câu :

Eo sông giữa 2 núi thì nước chảy xiết. Con người trong lúc cấp bách thì sẽ sinh ra mưu kế để ứng phó.

Đây là những hiện tượng và những phản ứng tự nhiên của con người và thiên nhiên, để thích ứng hoàn cảnh hiện hữu.

230. 明知山有虎，莫向虎山行。

Minh tri sơn hữu hổ, Mạc hướng hổ sơn hành.

Nghĩa Câu :

Đã biết rõ là trong núi có cọp, thì đừng đi về hướng núi mà có cọp trong đó.

Có lắm người biết rõ là trong núi có cọp, nhưng vẫn cứ muốn sấn vào, vì muốn tỏ ra ta đây là anh hùng, vì hữu dũng vô mưu, vì muốn cấp thời nổi tiếng ?! Nhưng đâu phải ai cũng là Võ Tòng !!! Nói chung câu trên khuyên ta...

Việc gì đó biết rõ là nguy hiểm, biết Chắc là Thất Bại, thì... tốt nhất...làm ơn đừng làm !

231. 路不行不到，事不為不成。

Lộ bất hành bất đáo, Sự bất vi bất thành.

人不勸不善，鐘不打不鳴。

Nhân bất khuyến bất thiện, Chung bất đả bất minh.

Chú Thích :

Minh 鳴 : MINH này gồm có bộ KHẨU và bộ ĐIỂU ghép thành. Cái miệng của con chim " nên có nghĩa là : HÓT, KÊU, GÕ.

Ví dụ :

兩個黃鸝鳴翠柳 Lưỡng cá hoàng ly MINH thúy liễu.

(Hai con chim Hoàng oanh HÓT trong đám liễu xanh)

鳥鳴潤 ĐIỂU MINH giản : là Chim KÊU ở trong khe núi.

Độc trong 52 bộ Truyện Tàu, ta thường thấy câu : 鳴金收兵 MINH kim
thâu binh : là ...

Gõ phèng la để rút quân.

Nghĩa Câu :

Đường không đi không đến, Việc không làm không xong.

Người không khuyên không thiện, Chuông không gõ thì... không kêu !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 28



232. 無錢方斷酒，臨老始看經。

Vô tiền phương đoạn tửu, Lâm lão thủy khan kinh.

Nghĩa Câu :

Khi hết tiền rồi mới cai rượu, đến lúc già rồi mới chịu xem kinh Phật.
(mới chịu tu hành).

Ý muốn nói...

Chuyện gì đó, đến lúc cấp bách, hết nước, chẳng dặng dưng , mới chịu...làm. Còn tiền còn nhậu, hết tiền, cực chẳng đã mới chịu cai ! Còn trẻ, còn hăng máu, làm việc gì cũng theo ý mình, bất chấp phải quấy, đạo đức,... đến lúc già, từng trải nhiều cam go, thất bại, mới chịu tu tâm dưỡng tánh !

Ấu cũng là thường tình của con người !

233. 點塔七層，不如暗處一燈。

Điểm tháp thất tầng, Bất như ám xứ nhất đăng.

Nghĩa Câu :

Đèn đốt trong 7 tầng tháp (sáng rực), cũng không bằng được nơi tối tăm mà có được một ngọn đèn.

Ngày thường có làm được nhiều việc thiện, việc tốt, cũng không bằng trong lúc cấp bách mà tiếp giúp được người nào đó đang trong lúc nguy

nàn.

Câu này làm ta nhớ lại câu đã gặp ở những bài trước đó :

*Khát thời nhất trích như cam lộ,
Túy hậu thêm bôi bất như vô.*

234. 萬事勸人休瞞昧，舉頭三尺有神明。

Vạn sự khuyến nhân hưu mạn muội, Cử đầu tam xích hữu thần minh.

Chú Thích :

Mạn Muội : MẠN là lừa, dối. MUỘI : là Che lấp, dấu diếm.

Mạn Muội là Mờ ám, dối trá.

Nghĩa Câu :

Muôn việc đều khuyên người ta không nên làm những điều mờ ám dối trá, vì cất đầu lên 3 thước thì đã có thần minh soi xét ở trên rồi !

Thần linh thì không biết có thiệt hay không, chớ " lương tâm " thì luôn luôn hiện hữu ở mọi người. Khi làm việc gì mờ ám, dối trá, ta chỉ lừa được người khác chớ không lừa được lương tâm của chính mình, " nó " sẽ theo ám ảnh ta suốt đời !

235. 但存方寸土，留与子孫耕。

Đản tồn phương thốn thổ, Lưu dữ tử tôn canh.

Nghĩa Câu :

Hãy chừa một tấc vuông đất lại, để cho con cháu cày bừa.

Câu này khuyên ta...

Làm việc gì đó phải biết chừa hậu, đừng quá tuyệt tình hoặc cạn tài ráo máng, phải chừa lại chút... gì đó cho con cháu, mà ông bà ta nói là : Để Đức lại cho con !

Nói theo chữ Nho ngày xưa là : Để chút PHÚC ĐIỀN (ruộng phước đức) lại cho con cháu canh tác để hưởng phước đức của ông bà cha mẹ để lại.

Nói theo ngày nay là đừng quá phí phạm thiên nhiên, phá hoại môi trường, phung phí màu xanh, mà phải biết tiết chế vừa phải, để chừa lại chút không khí trong lành và màu xanh thiên nhiên lại cho con cháu đời sau.



236. 滅卻心頭火，剔起佛前燈。

Diệt khước tâm đầu hỏa, Thích khởi Phật tiền đăng.

Chú Thích :

Thích 剔: Còn đọc là TÍCH : Có nghĩa Róc, Gọt, Cắt, Xén.

Trong câu trên có nghĩa là KHÊU cho ngọn nến sáng lên.

Nghĩa Câu :

Hãy làm cho tắt đi ngọn lửa ở trong lòng, và hãy khêu dậy ngọn đèn trước bàn thờ Phật.

Đây là câu ngạn ngữ của Phật môn, phát xuất từ bài " Điểm Đăng Kệ " như sau :

滅除心頭火， Diệt trừ tâm đầu hỏa,
提起佛前燈， Đề khởi Phật tiền đăng,
願以大智慧， Nguyên dĩ đại trí tuệ,
照破眾無明。 Chiếu phá chúng vô minh.

Diệt đi ngọn lửa lòng, tức là diệt đi cái Tham Sân Si đang âm ỉ cháy trong lòng, để khơi dậy ngọn đèn Trí Tuệ Từ Bi của Phật pháp.

Câu này làm ta nhớ đến 4 câu thơ của Jean Leiba :

*Phù thế còn nhiều duyên nghiệp quá,
Lệ lòng mong cạn chốn am không,
Cửa thiền một đóng duyên trần dứt,
Quên hết người quen chốn bụi hồng !*

Trong Kiều Nguyễn Du cũng đã viết :

*Sự đời đã tắt Lửa Lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng mà chi ?!*

237. 惺惺常不足，懵懵作公卿。

Tinh tinh thường bất túc, Mông mông tác công khanh.

Chú Thích :

Tinh Tinh : Tỉnh táo, Thông minh.

Mông Mông : ù ù Cạc cạc, ù lì.

Nghĩa Câu :

Có những người thông minh tỉnh táo, nhưng thường khi cuộc sống lại thiếu thốn không đầy đủ. Còn có những người lơ lơ mơ mơ, ù ù cạc cạc, mà lại làm nên danh phận vẻ vang (công khanh).

Sự đời thường có những việc tréo ngoe như thế !

238. 眾星朗朗，不如孤月獨明。

Chúng tinh lằng lằng, bất như cô nguyệt độc minh.

Nghĩa Câu :

Ngàn sao lấp lánh cũng không bằng được ánh sáng của một vầng trăng cô độc.

Một đàn thẳng thi hồng, không bằng được một thẳng thi đậu.

Một bầy thẳng hai mắt, không bằng được một thẳng chột ...làm quan.

239. 兄弟相害，不如自生。

Huynh đệ tương hại, Bất như tự sanh.

Nghĩa Câu :

Anh em mà làm hại lẫn nhau, thôi chi bằng mạnh ai nấy sống đi.(Cho yên chuyện).

Ở đời rất nhiều người như thế. Rất lịch sự, nhã nhặn và rộng rãi với mọi người, nhưng với anh chị em ruột trong nhà thì... ke re cắt rứt từng chút một.

240. 合理可作，小利莫爭。

Hợp lý khả tác, Tiểu lợi mạc tranh.

Nghĩa Câu :

Chuyện nào hợp tình hợp lý, hợp với đạo nghĩa ở đời, thì có thể làm. Đừng vì cái lợi nhỏ mà đâm ra tranh dành nhau (để mất cái nghĩa lớn !).

Hợp lý thì nên làm, Tiểu lợi thì đừng tranh !

241. 牡丹花好空入目，棗花雖小結實成。

Mẫu đơn hoa hảo không nhập mục, Táo hoa tuy tiểu kết thực thành.

Nghĩa Câu :

Hoa Mẫu Đơn dù cho có đẹp cách mấy đi nữa, thì cũng chỉ để ngắm chơi khơi khơi mà thôi (không nhập mục). Hoa Táo mặc dù nhỏ, trông không đẹp, nhưng lại kết thành trái Táo rất ngon, rất thực tế.

Nếu kể về giá trị tinh thần, nghệ thuật, thì hoa Mẫu Đơn là hoa đẹp dùng để thưởng ngoạn nhìn ngắm trong một lúc mà thôi. Nếu nói về giá trị thực tiễn lâu dài, thì tuy hoa Táo không đẹp, nhưng lại cho kết quả thực dụng là trái Táo, vừa kinh tế, vừa thực tế.

Nhưng , cuộc đời khi vầy khi khác, tùy theo hoàn cảnh thích ứng với thứ nào. Chưa chắc mèò nào cắn mĩu nào, chưa chắc ai đã hơn ai !!!



TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 29

242. 欺老莫欺小，欺人心不明。

Khi lão mạc khi tiểu, Khi nhân tâm bất minh.

Chú Thích :

Khi 欺 : là Khinh Khi, là Coi rẻ, là Xem Thường, là Ăn Hiếp nữa !

Nghĩa Câu :

Xem thường người già chớ đừng xem thường người trẻ.

Xem thường người khác là lòng không trong sáng.

Tại sao ?

Người già thì sự nghiệp đã định, danh phận đã định, giàu nghèo cũng đã định, nên có đánh giá khi dễ họ... thì cũng tương đối chính xác rồi, vì họ cũng khó có cơ hội để phát triển thêm. Còn người trẻ, tương lai còn dài, phần đấu còn dài, sự nghiệp cũng còn dài ở trước mắt , chưa biết ra sao... đánh giá họ " lơ mơ ", nhờ mai này họ thành Thủ Tướng, hoặc Tổng Thống... thì sao ?!

Nhưng dù sao thì cũng không nên đánh giá phê bình người khác khi " nấp quan tài " chưa đóng lại ! Hơn nữa..." khi nhân thì tâm bất minh " mà !!!

243. 隨分耕鋤收地利，他時飽暖謝蒼天。

Tùy phận canh sừ thu địa lợi, Tha thời bảo noãn tạ thương thiên.

Chú Thích :

Canh Sừ : Canh là Cày, Sừ là Cuốc. Canh Sừ là Cày xới.

Bảo Noãn : Bảo là No, Noãn là Ấm. Bảo Noãn là No ấm.

Nghĩa Câu :

Hãy tùy phần số của mình (hãy an phận), cày sâu cuốc bẫm để thu hoa lợi từ mảnh đất mảnh vườn. Khi nào đó, được no ấm rồi thì nhớ tạ ơn

trời xanh (đã khiến cho mưa thuận gió hòa, mùa màng thu hoạch tốt).

Hãy yên phận mà " cày " cái " job " của mình để lãnh lương hàng tháng, đến cuối năm nhớ mừng " Lễ Tạ Ơn " vì suốt năm không có trục trặc gì khiến cho " mất job " !

244. 得忍且忍，得耐且耐。

Đắc nhẫn thả nhẫn, Đắc nại thả nại.

不忍不耐，小事成大。

Bất nhẫn bất nại, Tiểu sự thành đại.

Nghĩa Câu ;

Nhịn được thì nên nhịn, nhường được thì nên nhường.

Không nhường không nhịn, chuyện bé sẽ xé ra to.

Nhẫn là Nhịn. Nại là Chịu đựng, là dẫn xuống. Nên vế 2 của câu 1 là : Chuyện gì đó chịu đựng được, dẫn được, thì nên dẫn. Không nhịn được, lại không dẫn được, thì tức nước sẽ vỡ bờ mà thôi !

245. 相論逞英雄，家計漸漸退。

Tương luận sính anh hùng, Gia kế tiệm tiệm thoái.

Chú Thích :

Sính : là Khoe, Trổ, Tỏ ra. Sính Cường : Khoe mạnh, Sính Tài : Trổ Tài. Sính Anh Hùng : Tỏ ra Anh Hùng

Gia Kế : là Kế sách (nghề nghiệp hoặc làm ăn buôn bán gì đó...) để duy trì cuộc sống của gia đình.

Nghĩa Câu :

Khi bàn luận với nhau, thì ai cũng tỏ ra anh hùng tài giỏi cả, nhưng cuộc sống của gia đình thì lại ngày một xuống dốc.

Có rất nhiều người chỉ giỏi nói mà không giỏi làm, nói thì rất hùng hồn đầu ra đó, nghe hay lắm, nhưng khi làm thì... chẳng ra chi cả !. Chỉ giỏi nói mà không giỏi làm !.



246. 賢婦令夫貴，惡婦令夫敗。

Hiền phụ lệnh phu quý, Ác phụ lệnh phu bại.

Chú Thích :

Lệnh : Lệnh ở đây không có nghĩa là Ra Lệnh, mà có nghĩa là LÀM CHO, KHIẾN CHO.

Nghĩa Câu :

Người đàn bà hiền thực giỏi giang, có thể làm cho chồng trở nên quý hiển vẻ vang. Người đàn bà ác nhen đánh đá, có thể làm cho chồng thân bại danh liệt.

Quý ở đây vừa chỉ giàu sang phú quý, vừa chỉ vinh hiển vẻ vang, làm quan quyền hoặc làm nên sự nghiệp lớn....

Bại là Thất bại, là bại hoại gia phong, cửa nhà tan nát, là thân bại danh liệt.

Ngạn ngữ Tây Phương cũng có câu : " Đằng sau người đàn ông thành công, có bóng dáng của người đàn bà giỏi " là thế !

247. 一人有慶，兆民咸賴。

Nhất nhân hữu khánh, Triệu dân hàm lại.

Chú Thích :

Hàm Lại : Hàm là Tất Cả, Lại là Dựa Dẫm, Dựa Hơi.

Hàm Lại : là Tất cả đều được dựa hơi, nhờ cậy.

Nghĩa Câu :

Đây là câu nói chỉ các bậc Vua Chúa ngày xưa khi có tin mừng gì đó như : Vua sinh nhật, Hoàng Hậu có thai, Công Chúa lấy chồng, Hoàng Tử cưới vợ... Người của Hoàng tộc có tin mừng thì ra lệnh giảm thuế cho thiên hạ, cho dân chúng nghỉ làm việc vui chơi ăn mừng.... Nên câu trên có nghĩa :

Một người có việc mừng, thì cả triệu dân chúng được hưởng vui lây. Câu này lấy trong " Thượng Thư- Lữ Hình ", nguyên văn như sau : "一人有慶，兆民賴之，其寧惟永。" " Nhất nhân hữu khánh, triệu dân lại chi, kỳ ninh duy vĩnh.". Có nghĩa :

Thiên tử có chuyện lành, toàn thể dân chúng đều được hưởng chung cái lợi đó, như thế, có thể gặt hái được sự vững chắc lâu dài.

248. 人老心未老，人窮志莫窮。

Nhân lão tâm vị lão, Nhân cùng chí mạc cùng.

Nghĩa Câu :

Người già nhưng lòng chưa già. Người nghèo nhưng chí đừng nghèo. Ý muốn nói...

Thể xác thì già, nhưng lòng quyết tâm thì chưa già. Gia cảnh có thể nghèo túng, nhưng ý chí thì đừng nên để cho... nghèo !

Luôn luôn phải phấn đấu để vươn lên, đừng vì già mà buông xuôi, đừng vì nghèo mà nhục chí.

Về đầu " Nhân lão tâm vị lão " còn dùng để chỉ mấy cha " già dịch ", dề già mà còn ham gặm cỏ non !



249. 人無千日好，花無百日紅。

Nhân vô thiên nhật hảo, Hoa vô bách nhật hồng.

Nghĩa Câu :

Người không thể trong một ngàn ngày đều mạnh khỏe. Hoa không thể trong một trăm ngày đều tươi đỏ.

Ai mà có thể trong 3 năm không bệnh hoạn gì cả. Bông nào có thể nở suốt 3 tháng mà không tàn ?!

Không có việc gì trên đời này là vĩnh cửu cả. Vật cực tất phản, âm cực dương hồi. Hết âm tới dương, hết dương tới âm, thỏ lặn rồi tới ác tà....

250. 殺人可恕，情理難容。

Sát nhân khả thứ, Tình lý nan dung.

Nghĩa Câu :

Giết người dù cho có thể tha thứ đi, thì về tình về lý cũng khó mà khoan dung cho được.

Giết người đền mạng, dù cho với bất cứ lý do gì, xét về tình về lý, cũng không thể tha thứ được.

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 30



251. 乍富不知新受用，乍貧難改舊家風。

Sạ phú bất tri tân thụ dụng, Sạ bần nan cải cựu gia phong.

Chú Thích :

Sạ : là Thoạt, Chợt, Bỗng nhiên.

Thụ Dụng : là Hưởng thụ Tiêu dùng.

Gia Phong : Cái phong cách của gia đình.

Nghĩa Câu :

Chợt giàu nên không biết hưởng thụ tiêu dùng. Chợt nghèo nên khó mà sửa đổi phong cách gia đình trước đây.

Bỗng nhiên trúng số, trở nên giàu có, nên không biết phải ăn tiêu hưởng thụ như thế nào cho sung sướng. Bị phá sản thành lĩnh, trở nên nghèo khó, nhưng cũng khó mà sửa đổi được cuộc sống phong lưu trước đây của gia đình, " Quen ăn không quen nhịn " mà !

252. 座上客常滿，樽中酒不空。

Tọa thượng khách thường mãn, Tôn trung tửu bất không.

Nghĩa Câu :

Chỗ ngồi luôn luôn đầy khách ngồi, Trong chai không bao giờ không có rượu.

Chỉ gia đạo phú túc, giàu sang, lại hiếu khách, khách khứa luôn luôn lui tới đầy nhà, và trong chai luôn luôn đầy rượu, và... dĩ nhiên thịt cá ê hề, cao lương mỹ vị đầy bàn để đãi khách.

253. 屋漏更遭連夜雨，行船又被打頭風。

Ốc lậu cánh tao lên dạ vũ, hành thuyền hựu bị đả đầu phong.

Chú Thích :

Lậu : là Rỉ ra, là Lọt ra, là Dột.

Ốc Lậu : là Nhà dột (mưa).

Liên Dạ : là Suốt đêm.

Đả Đầu Phong : Gió Đánh Ngay Đầu, là Gió Ngược.

Nghĩa Câu :

Nhà dột lại gặp phải cơn mưa suốt đêm, còn đi thuyền thì lại gặp phải gió ngược chiều.

Nghèo lại mắc cái eo, nhà dột lại mưa suốt đêm, muốn ngủ cũng không ngủ được, gió ngược mà đi thuyền, không khéo không tiến được mà còn bị thụt lùi là đằng khác.



254. 記得少年騎竹馬，看來又是白頭翁。

Ký đắc thiếu niên kỵ trúc mã, Khán lai hựu thị bạch đầu ông.

Nghĩa Câu :

Nhớ năm xưa khi còn bé, dùng cây trúc làm ngựa để cưỡi, nhìn đi nhìn lại thế mà đã là ông già đầu bạc rồi.

Thời gian vô tình, xem như chậm chạp, nhưng lại rất tích cực, không ngừng nghỉ, không chờ đợi... Thoáng cái, mà đầu xanh đã thành đầu bạc lúc nào không hay !!!

255. 禮義生於富足，盜賊出於貧窮。

Lễ nghĩa sinh ư phú túc, Đạo tặc xuất ư bần cùng.

Nghĩa Câu :

Con người lễ nghĩa thì thường sinh ra ở gia đình giàu có sung túc. Còn những người trộm cướp thì thường sinh ra ở những gia đình bần hàn nghèo khó.

Trong tiếng Việt ta cũng có câu : " Phú quý sinh lễ nghĩa " mà !

Thường thì là thế, nhưng cũng chưa hẳn ! Giàu có mà ăn chơi đàn đấm thì cũng dễ sinh đạo tặc lắm, còn nghèo khổ mà biết an phận thủ thường, thì cũng sinh lễ nghĩa như thường !

256. 天上眾星皆拱北，世間無水不朝東。

Thiên thượng chúng tinh giai cung bắc, Thế gian vô thủy bất triều đông.

Nghĩa Câu :

Trên trời, tất cả những vì sao đều châu về phương bắc (chỉ sao Bắc Đẩu). Còn trên đời này thì không có dòng nước nào mà không chảy về hướng đông (chỉ Biển Đông).

257. 君子安貧，達人知命。

Quân tử an bần, Đạt nhân tri mệnh.

Xuất Xứ :

Đây là một trong những câu nổi tiếng để đời của người đứng đầu Sơ Đường Tứ Kiệt là Vương Bột, trong bài Đăng Vương Các Tự mà ông đã làm lúc chỉ mới có 16 tuổi.

Nghĩa Câu :

Người quân tử yên phận với cái nghèo của mình, còn người khoáng đạt thì hiểu được mệnh trời mà yên với số mạng của mình.

Sau câu này cũng là những câu nổi tiếng như :

老當益壯，寧知白首之心。 Lão đương ích tráng, ninh tri bạch thủ chi tâm.

窮且益堅，不墜青雲之志。 Cùng thả ích kiên, bất trụy thanh vân chí chí !

258. 忠言逆耳利於行，良藥苦口利於病。

Trung ngôn nghịch nhĩ lợi ư hành, Lương dược khổ khẩu lợi ư bệnh.

Nghĩa Câu :

Lời nói trung thực nghe chói tai, nhưng có lợi khi thực hành. Thuốc hay đắng miệng, nhưng lại có lợi cho bệnh tật.

Tục ngữ ta cũng có câu : " Thuốc đắng dã tật, Lời thật mất lòng ". Lời nói ngon ngọt dễ làm người ta xiêu lòng nghe theo, và cũng dễ làm cho người ta mắc bẫy. Vì Ngọt mật thì rất dễ chết ruồi mà !

259. 順天者存，逆天者亡。

Thuận thiên giả tồn, Nghịch thiên giả vong.

Nghĩa Câu :

Người nào Thuận theo đạo trời thì sống, còn Người nào đi ngược lại với đạo trời thì chết.

Đây là câu nói của Mạnh Tử trong chương Lâu Ly Thượng. Nguyên văn như sau :

天下有道，小德役大德，小賢役大賢；天下無道，小役大，弱役強。斯二者，天也。順天者存，逆天者亡。

Thiên hạ hữu đạo, tiểu đức dịch đại đức, tiểu hiền dịch đại hiền. Thiên hạ vô đạo, Tiểu dịch đại, nhược dịch cường. Tư nhị dã, Thiên dã. Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong.



260. 人為財死，鳥為食亡。

Nhân vị tài tử, Điểu vị thực vong.

Nghĩa Câu :

Người vì tiền tài mà chết, Chim vì miếng ăn mà chết.

" Nhân vị tài tử " có 2 mặt ý nghĩa : Một là vì Tham tiền nên bị người khác gài bẫy, trúng kế, hoặc đi trộm cướp bị tội hình mà chết. Hai là vì muốn có tiền nhiều nên làm đêm làm ngày, bất kể chết sống, lao tâm lao lực quá độ mà chết !.

" Điểu vị thực vong " là do bản năng sinh tồn, chim tham mồi mà chết cũng là chuyện thường tình mà thôi !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 31



261. 夫妻相合好，琴瑟与笙簧。

Phu thê tương hợp hảo, Cầm sắt dữ sanh hoàng.

Chú Thích :

Cầm Sắt Sanh Hoàng : Cầm là Đàn, Sắt là Đàn bằng Sắt ngày xưa, Đàn Cổ, Sanh còn đọc là SÊNH, một loại tiêu cổ gồm 13 ống trúc dài ngắn kết hợp mà thành , Hoàng là Cái Lưỡi Gà trong ống tiêu, trong một loại Kèn ngày xưa, Hoàng còn có nghĩa là cái " Lò-Xo ". Nói chung, CẦM SẮT SANH HOÀNG là bốn loại nhạc cụ dùng hòa tấu với nhau để cho ra âm thanh bổng trầm réo rắc.

Nghĩa Câu :

Vợ chồng mà hòa hợp tốt với nhau, thì cũng ví như là Cầm sắt sanh hoàng mà cùng hòa tấu với nhau vậy ! (nghe rất hay, rất du dương réo rắc,

còn nếu vợ chồng mà nghịch 12 với nhau, thì buồn chán như là dưới địa ngục vậy !).

262. 有兒貧不久，無子富不長。

Hữu nhi bần bất cửu, Vô tử phú bất trường.

Nghĩa Câu :

Có con thì nghèo không lâu, còn không có con thì giàu cũng không bền.

Nói theo xã hội nông nghiệp ngày xưa, có nhiều con (ở đây chỉ con TRAI, vì con GÁI " Ăn cơm nguội ở nhà ngoài " nên không kể) sẽ khai phá thêm nhiều đất đai để trồng trọt, làm ruộng... nên sớm muộn gì cũng trở nên giàu có, dư ăn dư để mà thôi. Còn không có con thì không có ai làm thêm của cải, và nhất là không có người giữ của, thì lâu dần sẽ trở nên nghèo nàn thiếu thốn mà thôi !

Nói theo xã hội ngày nay, thì con trai con gái như nhau, con gái lắm khi còn được nhờ cậy hơn là những thằng con trai chỉ biết nai lưng ra làm để nuôi... vợ con mà thôi !

Nói theo xã hội Mỹ, thì có con, không con cũng... chả phải lo, vì... có Nhà Nước lo, food stamps, welfare đầy đủ hơn Thiên đường Cộng Sản nhiều !

263. 善必壽老，惡必早亡。

Thiện tất thọ lão, Ác tất tảo vong.

Nghĩa Câu :

Ăn hiền ở lành thì sẽ sống thọ, còn Ác nhờn sát đức thì sẽ chết sớm !

Thọ là một trong Ngũ Phúc của con người, nhưng Thọ ở xã hội Mỹ này thì tốt, còn Thọ mà ở các nước nghèo khó, lại mang bệnh tật, thì càng Thọ càng kéo dài thêm cái khổ của thân xác mà thôi !

264. 爽口食多偏作病，快心事過恐生殃。

Sảng khẩu thực đa thiên tác bệnh, Khoái tâm sự quá khủng sanh ương.

Chú Thích :

Sảng Khẩu : Sảng là Sảng khoái, nên Sảng Khẩu là Ngon miệng.

Thiên : là Lệnh, Ở đây là Giới từ, có nghĩa là Lại .

Khoái Tâm : Vui vẻ trong lòng, khoái chí.

Khủng : là Sợ, là E rằng.

Nghĩa Câu :

Ngon miệng ăn nhiều lại dễ sanh bệnh (đầy bụng, trướng thực). Khoái chí trong lòng làm quá lố, e rằng dễ sanh tai ương. Khoái chí quá hay làm sảng, sanh họa là chuyện thường !

265. 富貴定要安本分，貧窮不必枉思量。

Phú quý định yếu an bản phận, Bần cùng bất tất uống tư lương.

Nghĩa Câu :

Đã giàu có rồi, thì thôi, hãy yên với cái phận của mình đi. Còn nghèo nàn thì cũng yên với cái nghèo của mình, mà đừng phí công suy nghĩ lo lắng chi cho mệt xác.

Nếu ai cũng yên với cái giàu và chịu khổ với cái nghèo thì người giàu sẽ giàu hoài sao, còn nghèo thì sẽ khổ suốt đời à ?. Chẳng qua khuyên thì nói thể thôi, chứ cũng còn tùy theo hoàn cảnh mà an phận hay là tiếp tục phấn đấu chứ !

266. 畫水無風空作浪，繡花雖好不聞香。

Họa thủy vô phong không tác lãng, Tú hoa tuy hảo bất văn hương.

Nghĩa Câu :

Nước được vẽ, không có gió, nhưng vẫn nổi sóng khơi khơi. Hoa được thêu, tuy đẹp, nhưng lại không nghe được mùi thơm.

Cái đẹp giả tạo, cái đẹp do nhân lực, không bằng được cái đẹp tự nhiên. Cái đẹp tự nhiên hoàn hảo và sống động hơn !



267. 貪他一斗米，失卻半年糧。

Tham tha nhất đấu mễ, Thất khước bán niên lương.

爭他一腳豚，反失一肘羊。

Tranh tha nhất cước đồn, phản thất nhất trửu dương.

Nghĩa Câu :

Tham của người ta một đấu gạo, mà mình mất hết cả nửa năm lương thực.

Tranh với người ta một cái giò heo, ngược lại mình mất đi một cái đùi dê.

Tham cái lợi nhỏ, để mất cái lợi to. Lòng tham thường khiến cho con người làm những việc ngược ngạo như thế.

268. 龍歸晚洞雲猶濕，麝過春山草木香。

Long quy vãn động vân do thấp, Xạ quá xuân sơn thảo mộc hương.

Chú Thích :

Xạ : là con Cây Hương, một loại hươu con có mùi thơm.

Nghĩa Câu ;

Rồng về động lúc chiều về nên mây còn đọng nước, con cây hương đi qua núi xuân làm cho hoa cỏ cũng nhuốm mùi thơm.

Giống nào thì cho mùi nấy . Vô nhà người Việt thì thơm mùi nước mắt, vô nhà người Hoa thì thơm xì dầu, vô nhà anh Bảy thì thơm Cà Ri.... thế thôi !

269. 平生只會量人短，何不回頭把自量？

Bình sanh chỉ hội lượng nhơn đoản, Hà bất hồi đầu bả tự lương.

Chú Thích :

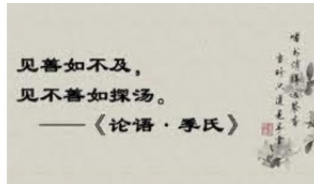
Lượng : là Đo lường, là Sức chứa, là Độ lượng. Ở đây có nghĩa là Đoán, là Đánh giá.

Nghĩa Câu :

Trong cuộc sống thường ngày (bình sanh), chỉ biết đánh giá cái dở (sở đoản) của người khác. Sao không quay đầu lại mà tự đánh giá mình ?!

Thói thường, người ta chỉ biết chê người này dở người kia dở, mà... không bao giờ nhìn thấy cái dở của mình cả !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 32



270. 見善如不及，見惡如探湯。

Kiến thiện như bất cập, kiến ác như thám thang.

Chú Thích :

Thiện : là Hiền (Lương thiện.). Giỏi (Thiện nghệ).

Bất cập : Không kịp, Không bằng, Không đạt.

Thám Thang : Thọt tay vào trong canh. Nhúng tay vào trong nước sôi.

Nghĩa câu :

Thấy người hiền người giỏi, thì có cảm tưởng như mình không bằng.
Thấy người ác người dữ, thì có cảm giác như thọt tay vào trong nước sôi.

Đây là câu nói của Khổng Tử trong Luận Ngữ, nguyên văn như sau :

孔子曰：“見善如不及，見不善如探湯。吾見其人矣，吾聞其語矣。隱居以求其志，行義以達其道。吾聞其語矣，未見其人也。”（《論語・季氏》）

Khổng Tử viết : " Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như thám thang. Ngô kiến kỳ nhân hĩ, ngô văn kỳ ngữ hĩ. Ẩn cư dĩ cầu kỳ chí, hành nghĩa dĩ đạt kỳ đạo. Ngô văn kỳ ngữ hĩ, vị kiến kỳ nhân dã. " (Luận Ngữ. Quý Thị).

Dịch nghĩa :

Khổng Tử nói : " Thấy người thiện như không bằng (cố gắng học theo), thấy người không thiện thì như cho tay vào nước nóng (nên tránh xa). Ta đã thấy người như thế, ta đã nghe những lời như thế. Ẩn cư để cầu cái chí của họ, làm việc nghĩa để đạt cái đạo của họ. Ta nghe những lời nói đó nhưng chưa thấy những người như thế đó bao giờ. ".

Bài đầu tiên của sách Minh Tâm Bửu Giám, trong chương Khuyên Thiện, mà tôi được học hồi trẻ, thì như sau :

見善如不及，見不善如探湯。見賢思齊焉，見不賢而內自省也。（《論語・裏仁》）

Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như thám thang. Kiến hiền tư tề yên, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã.(Luận ngữ. Lý nhân).

Thấy người thiện như không bằng, thấy người không thiện như đưa tay vào nước sôi. Thấy người hiền, thì nghĩ cách sao cho bằng được người ta, thấy người không hiền thì trong lòng ta phải tự biết tỉnh ngộ lấy.

271. 人貧志短，馬瘦毛長。

Nhân bần chí đoản, Mã xú mao trường.

Nghĩa Câu :

Người nghèo thì chí ngắn, Ngựa ốm thì lông dài.

Chỉ là ví dụ thể thôi, người nghèo thì hay chán nản, vì thiếu khả năng tài chánh để tính toán làm ăn này nọ, mà đâm ra nhục chí, nên bảo là CHÍ ĐOẢN , chí khí ngắn. Còn ngựa mà thiếu ăn, ốm đói, thì lại thấy lông như có vẻ mọc dài ra, lông dài chỉ là hiện tượng trái ngược nhìn thấy ở bên ngoài mà thôi.

272. 自家心裏急，他人未知忙。

Tự gia tâm lý cấp, tha nhân vị tri mang.

Chú Thích :

Tự Gia : là Từ Nhà... Nhưng ở đây có nghĩa là : Tự Mình.

Mang : là Bận rộn, Gấp rút.

Nghĩa Câu :

Tự ở trong lòng mình thấy gấp (về chuyện gì đó), chớ người khác đâu có biết là mình đang gấp rút .

Chuyện của mình thì mình thấy nóng lòng, chớ người khác có biết gì đâu mà bảo họ phải nóng lòng theo, nên không thể trách được sự lơ là của họ trước cái nóng ruột của mình !

273. 貧無達士將金贈，病有高人說藥方。

Bần vô đạt sĩ tương kim tang, Bệnh hữu cao nhân thuyết dược phương.

Chú Thích :

Đạt Sĩ : Kẻ sĩ thành đạt, người thành đạt.

Tương 將 : là Đem. Nếu là Danh từ thì đọc à Tướng (Tướng Quân).

Dược Phương : là Toa Thuốc.

Nghĩa Câu :

Nghèo thì không có người thành đạt giàu có nào đem vàng để cho cả ! Nhưng bệnh thì sẽ có những thầy thuốc giỏi cho những phương thuốc hay.

Thầy Thuốc thường hay cứu con bệnh hơn là người giàu giúp người nghèo. Tại sao ? Vì người giàu không có Bổn Phận phải giúp người nghèo, nhưng Thầy Thuốc thì luôn luôn muốn giúp người bệnh, Lương y như Từ mẫu mà ! Vừa do thói quen nghề nghiệp, vừa do lòng nhân đạo của nghề nghiệp, và biết đâu sau khi cứu người bệnh ngặt, thoát khỏi tay Tử Thần, Thầy lại được nổi tiếng và sẽ kiếm được rất nhiều tiền thì sao !?.

274. 觸來莫與說，事過心清涼。

Xúc lai mạc dĩ thuyết, Sự quá tâm thanh lương.

Nghĩa Câu :

Khi có cảm xúc thì đừng nói với ai điều gì hết, chuyện qua rồi thì trong lòng sẽ cảm thấy thoải mái hơn.

Khi có CẢM XÚC, tức là khi đang Buồn, Đau, Hờn, Giận... thì đừng nói với ai điều gì cả, vì khi đó, cử chỉ và thái độ của ta sẽ bất bình thường, dễ làm mất lòng người đối diện, nên tốt nhất là cứ lặng thinh... để cho chuyện lắng đọng qua rồi, thì sẽ thấy lòng thanh thản thoải mái hơn, chừng ấy muốn nói gì hãy nói !.

275. 秋至滿山多秀色，春來無處不花香。

Thu chí mãn sơn đa tú sắc, Xuân lai vô xứ bất hoa hương.

Nghĩa Câu :

Mùa thu đến thì núi rừng đầy cả màu sắc đẹp đẽ, rực rỡ. Mùa xuân đến thì chẳng nơi nào là chẳng có mùi thơm của các loại hoa.

Thời vụ cảnh sắc thiên nhiên đẹp đẽ của đất trời không ưu đãi riêng

ai, mà cho tất cả mọi người. Sao ta lại có thể làm ngơ trước cảnh trí tự nhiên rực rỡ này chứ ?! Hãy hòa mình vào cái đẹp của thiên nhiên mà sống vui sống khỏe trong mọi mùa !

276. 凡人不可貌相，海水不可斗量。

Phàm nhơn bất khả mạo tướng, Hải thủy bất khả đấu lượng.

Chú Thích :

Phàm : là Phàm tục, là Bình thường. Ở đây dùng để mở đầu câu nói (Hô Khởi Ngữ) nên có nghĩa : Thông Thường Thì....

Đấu : là cái Đấu, người miền Nam gọi là cái Táo.

Nghĩa Câu :

Thường thì... Con người ta không thể nhìn diện mạo bên ngoài mà biết là người tốt, xấu, giỏi, dở.... được ! Cũng như... Nước biển thì không thể lường bằng táo được !

Ta thường nói " Xem mặt mà bắt hình dong ", là chỉ nói những người có tướng mạo bình thường, còn đối với những người có Dị Tướng (Tướng lạ) khác với mọi người, như OBAMA chẳng hạn, thì chịu thua. Trước khi đắc cử Tổng Thống Mỹ một năm thôi, có ai ngờ rằng Tổng Thống Mỹ tương lai sẽ là một ông da đen trẻ măng như OBAMA không ?!.

277. 清清之水，為土所防。

Thanh thanh chi thủy, Vị thổ sở phòng.

濟濟之士，為酒所傷。

Tế tế chi sĩ, Vị tửu sở thương.

Nghĩa Câu :

Nước trong leo lẻo thế kia, nhưng vẫn phải lấy đất đắp bờ để đề phòng khi nó tác oai tác quái, làm tràn ngập chết người.

Kẻ sĩ an bang tế thế thế kia, nhưng vẫn bị rượu làm cho tổn thương, nát rượu không làm nên trò trống gì cả !

Khi giăng tới câu này, Ba tôi có kể cho tôi biết là... Ngày trước, thời thực dân Pháp còn cai trị Miền Nam, có cho mở một tiệm Hút Á Phiện và Nhà chứa Điếm ở Thị Trấn Cái Răng, chỗ Tiệm nước Trương Ký hiện nay. Lúc bấy giờ, có một nhân sĩ người Việt gốc Hoa thường được gọi là Xín Xáng Pó (Âm Quảng Đông là Tiên Sinh... Ba hay gì đó !) làm một đôi câu đối rất hay như sau :

鴉片三分，蓋世英雄歸絕路。

Nha phiến tam phân, cái thế anh hùng qui tuyệt lộ.

嫖賭二項，風流子弟入窮途。

Phiếu đồ nhị hạng, phong lưu tử đệ nhập cùng đồ.

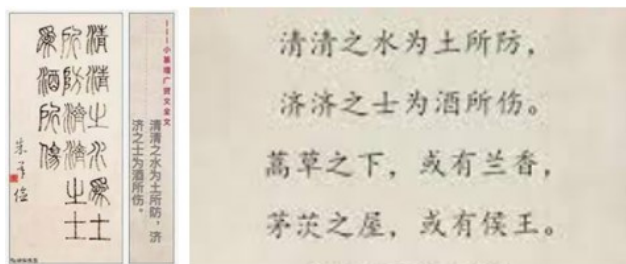
Có nghĩa :

Chỉ 3 phân Á phiện thôi, cũng đủ làm cho anh hùng cái thế phải đi

vào tuyệt lộ.(hết phương cứu chữa !).

Hai thứ phiếu (chơi bời), đổ (cờ bạc), thì làm cho những con em thích phong lưu đi vào con đường bần cùng nghèo khổ !.

Rượu cũng thế, uống xỉn rồi thì việc gì cũng dám nói , điều gì cũng dám làm, không còn phân biệt thị phi phải trái gì nữa cả ! Nên mới nói là : " Tể tể chi sĩ, vị tửu sở thương "!. Kẻ sĩ có tài tể thế, có thể vì rượu làm cho tổn thương mà không làm nên trò trống gì cả !



278. 蒿草之下，或有蘭香。

Cảo thảo chi hạ, Hoặ hữu lan hương.

茅茨之屋，或有侯王。

Mao thứ chi ốc, Hoặ hữu hầu vương.

Nghĩa Câu :

Ở dưới cỏ dưới rơm, lắm khi cũng có mùi thơm của hoa lan. Ở dưới căn nhà rơm nhà lá, nhiều khi cũng có những bậc vương hầu xuất thân từ nơi đó.

Đọc câu đầu làm ta nhớ tới 2 câu thơ trong Cung Oán của Ôn như Hầu :

*Lan mấy đóa lạc loài sơn dã,
Uổng mùi hương vương giả lắm thay !*

Mùi hương vương giả vẫn... lạc loài sơn dã như thường ! Nên " Bạch ốc " vẫn xuất " Công Khanh ".... như thường !

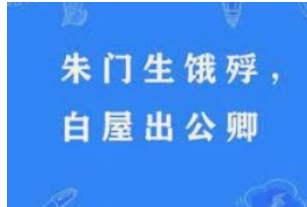
Câu sau còn có một dị bản là :

茅茨之屋，或有良將。

Mao thứ chi ốc, hoặ hữu lương tướng.

Dưới căn nhà lá, cũng có thể có được tướng giỏi !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 33



279. 無限朱門生餓殍，幾多白屋出公卿。

Vô hạn chu môn sanh ngã biểu, KỶ đa bạch ốc xuất công khanh.

GHI CHÚ :

VÔ HẠN : là Không có giới hạn, là RẤT NHIỀU.

CHU MÔN : Cửa nhà sơn màu đỏ chu sa, chỉ Nhà Giàu Có.

NGÃ BIỂU : Xác người bị chết vì đói. Chết đói.

KỶ ĐA : là Bao nhiêu. Ở đây là : Biết bao nhiêu ! .Có nghĩa là RẤT NHIỀU !

BẠCH ỐC : là Nhà trắng, chỉ nhà trống trơn nghèo khó, chứ không phải là tòa NHÀ TRẮNG Quốc Hội của Mỹ đâu !

CÔNG KHANH : là Công Hầu Khanh Tướng, chỉ những người Giàu Sang Phú Quý.

NGHĨA CÂU :

Biết bao nhiêu nhà giàu sang phú quý, vẫn có người bị chết đói. Rất nhiều nhà khó khăn nghèo khổ vẫn có người làm đến bậc Công khanh.

Không phải lúc nào " Con Vua vẫn được làm Vua", và không phải lúc nào cũng " Con Sãi ở chùa lại quét lá đa " đâu !!! Nếu cố gắng phấn đấu thì " con sãi ở chùa " như Chu Nguyên Chương vẫn được làm Vua như thường.(Đại Minh Hồng Võ, ông Vua lập nên triều đại nhà Minh). Còn chỉ lo ăn chơi cờ bạc thì dù cho nhà có giàu như Lưu Bình, thì cũng có ngày làm ăn mày đến xin ăn ở nhà Dương Lễ mà thôi !

280. 醉後乾坤大，壺中日月長。

Túy hậu càn khôn đại, Hồ trung nhật nguyệt trường.

NGHĨA CÂU :

Sau khi say mới thấy trời đất là to lớn, và (suốt ngày) chìm trong hủ rượu mới thấy ngày tháng dài hơn ra.

Lý luận của những người say, những người thất chí, suốt ngày chìm đắm trong hủ rượu để quên đi ngày tháng, quên đi những cái bất đắc chí của mình !

281. 萬事皆已定，浮生空自忙。

Vạn sự giai dĩ định, Phù sanh không tự mang.

CHÚ THÍCH :

PHÙ SINH : Phù là Nổi (trên mặt nước), Sinh là cuộc sống. PHÙ SINH : là từ của Phật giáo, chỉ cuộc sống của con người như nổi trôi trên bể khổ, và gần gũi như bọt bèo trôi trên mặt nước.

KHÔNG TỰ MANG : là tự mình bận rộn một cách vô ích.

NGHĨA CÂU :

Muôn việc đều đã được (Trời) định sẵn cả rồi, trong cuộc sống phù sinh này, con người ta chỉ khéo bận rộn, bương chải một cách vô ích mà thôi !

Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều đã viết trong Cung Oán Ngâm Khúc như sau :

*Cái quay búng sẵn trên trời,
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.*

Câu này khuyên ta nên an phận thủ thường, bôn ba cũng không qua được thời vận. Bon chen cho lắm, rồi khi nhắm mắt xuôi tay cũng bỏ lại tất cả !

282. 千里送毫毛，禮輕情義重。

Thiên lí tống hào mao, Lễ khinh tình nghĩa trọng.

CHÚ THÍCH :

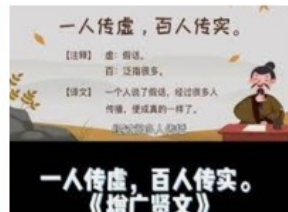
HÀO MAO : là sợi lông mao, rất mảnh, rất nhỏ, rất nhẹ ! Không có giá trị quý báu.

LỄ KHINH : Lễ vật nhẹ, không quý giá.

NGHĨA CÂU :

Ngàn dặm chỉ đưa tặng cho sợi lông hồng, lễ vật tuy nhẹ, không có giá trị, nhưng tình nghĩa thì nặng nề nồng thắm biết bao nhiêu !

Tiếng Việt ta có câu " Của cho không bằng cách cho ". Chỉ một việc vượt qua ngàn dặm để mang quà đến tặng thì đã quý giá lắm rồi, nên dù của tặng có nhẹ tựa lông hồng, thì tình nghĩa cũng đã nặng biết bao nhiêu rồi !



283. 一人傳虛，百人傳實。

Nhất nhân truyền hư, Bách nhân truyền thực.

NGHĨA CÂU :

Một người đồn thì còn nghi ngờ là không có chi, chớ hẳng trăm người

đồn thì đã là chuyện thực rồi.

Đây là một điểm tâm lý rất hệ trọng mà chiến thuật tâm lý chiến xưa nay hay sử dụng. Cứ cho người đồn toán lên một việc gì đó, lúc đầu mọi người còn nghi ngờ, nhưng hằng trăm hằng ngàn người đồn thét rồi thì mọi người lại tin là chuyện có thật. Ta còn nhớ chuyện " Mẹ của thầy Tăng Sâm " ngày xưa không ?. Ta hãy đọc lại nhé !...

Chuyện kể rằng một hôm mẹ Tăng Sâm đang ngồi quay tơ, thì bỗng nhiên một kẻ hốt hải chạy vào báo:

- Tăng Sâm giết người!

Mẹ Tăng Sâm chỉ liếc qua kẻ báo tin rồi tiếp tục làm việc, vì bà biết rằng Tăng Sâm là đứa con hiền hòa, chưa bao giờ biết cãi lộn, đánh nhau, làm gì có chuyện giết người.

Một lúc sau, một kẻ khác lại chạy đến, báo:

- Tăng Sâm giết người!

Bà mẹ hơi giật mình. Tự nhiên bà hơi lo lo, nhưng vẫn tiếp tục làm việc. Khoảng một tuần trà sau đó, lại có kẻ hốt hải chạy vào, báo:

- Tăng Sâm giết người!

Bà mẹ bỗng bật dậy và hốt hoảng chạy ra khỏi nhà.

..... Chỉ có 3 người thôi, không cần đến 100 người đâu nhé !...

284. 世事明如鏡，前程暗似漆。

Thế sự minh như kính, Tiền trình ám tự tất.

CHÚ THÍCH :

KÍNH : là Gương soi, người Nam gọi là Kiếng.

TẤT : là Sơn. Ta có từ TẤT GIAO là Keo Sơn, 2 chất dính khăng vào nhau. Khi Kim Kiều thề ước, Nguyễn Du đã viết : " Một lời gán bó tất giao ". Nhưng ở đây, TẤT chỉ nghĩa : Chất cản quang, Cản ánh sáng. Tối hù tối mịt.

Ám tự Tất là Tối như sơn. Ta nói là Tối như mực.

NGHĨA CÂU :

Chuyện đời trước mắt thì rõ ràng như đứng trước gương soi, còn tiền trình là tương lai thì mờ mịt như là bị phủ lên một lớp sơn vậy, không biết đâu mà mờ mà đoán !

Chuyện trước mắt thì rõ ràng rồi, còn chuyện ngày sau thì : Biết ra sao ngày sau ? (Que sera sera ?!) .

284. 光陰黃金難買，一世如駒過隙。

Quang âm hoàng kim nan mãi, Nhất thế như câu quá kích.

CHÚ THÍCH :

QUANG ÂM : Quang là Sáng, Âm là Tối. Quang Âm là Sáng Tối. Sáng rồi lại tối, tối rồi lại sáng. Chỉ Thời gian.

CÂU : là Ngựa giỏi, Ngựa chạy nhanh.

KÍCH : là Khe cửa.

NGHĨA CÂU :

Vàng ròng khó mua được thời gian, một đời người thoáng nhanh như bóng câu qua khe cửa. Ta nói là : Bóng Câu qua cửa sổ.

285. 良田萬頃，日食一升。

Lương điền vạn khoảnh, Nhật thực nhất thăng.

大廈千間，夜眠八尺。

Đại hạ thiên gian, Dạ miên bát xích.

NGHĨA CÂU :

Có cả muôn thửa ruộng tốt, nhưng mỗi ngày cũng chỉ ăn có một thăng thôi. (Tương đương như ta nói : Một lon gạo).

Có cả ngàn gian nhà lớn, nhưng mỗi đêm cũng chỉ nằm ngủ có 8 thước mà thôi (một thước Tàu khoảng hơn 2 tấc Tây).

Rán nai lưng ra làm cho cố, cho thỏa chí bình sinh, cho thỏa lòng ham muốn, nhưng cái cần thiết để hưởng thụ thì đâu có được bao nhiêu !

286. 千經萬典，孝義為先。

Thiên kinh vạn điển, Hiếu nghĩa vi tiên.

NGHĨA CÂU :

Muôn kinh ngàn điển, Ý chỉ rất nhiều sách vở, nhưng sách hiếu nghĩa vẫn là sách hàng đầu.

Đây là truyền thống cố hữu của Trung Hoa và Việt Nam do ảnh hưởng của Nho giáo mà ra. Tiêu chuẩn đạo đức căn bản nhất là chữ HIẾU và chữ

NGHĨA :

" Nhân sanh bách hạnh HIẾU vi tiên "

...và ...

" Kiến NGHĨA bất vi vô dũng giả " mà !

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 34



287. 一字入公門，九牛拖不出。

Nhất tự nhập công môn, Cửu ngưu đà bất xuất.

NGHĨA CÂU :

Khi một chữ đã vào đến công đường rồi, thì đến 9 con trâu cũng không thể nào kéo ra cho được.

Ngày xưa là Công môn, ngày nay là tòa án. Một lời nói dối, nói sai ở những nơi pháp lý này thì tai hại vô cùng, muốn lấy lại cũng không thể nào lấy lại cho được. Trong Tiếng Việt ta có câu : " Bút sa gà chết " là vậy đó !

288. 衙門八字開，有理無錢莫進來。

Nha môn bát tự khai, Hữu lý vô tiền mạc tẫn lai.

NGHĨA CÂU :

Cửa nha môn mở rộng như hình chữ bát, ai có lý mà không có tiền thì đừng có đi vào.

Đây là câu nói lầy, than phiền cho thế giới kim tiền làm tổn thương đạo lý. Đọc câu này làm ta nhớ đến 2 câu thơ kết của cụ Nguyễn Khuyến khi vịnh Truyện Kiều :

*Có tiền việc ấy mà xong nhỉ,
Ngày trước làm quan cũng thế a ?!*

289. 富從升合起，貧因不算來。

Phú tòng thăng hợp khởi, Bần nhân bất toán lai .

NGHĨA CÂU :

Giàu là do chắt mót từ lon từ chút mà nên, Nghèo là tại không biết tính toán (tiền tặn) mà ra.

Ông bà ta cũng từng dạy : "Đại phú do thiên, còn Tiểu phú là do cần" mà ! Biết siêng năng cần kiệm thì không làm giàu to, chứ cũng thuộc hạng giàu nhỏ , không đến nỗi đói khổ thiếu thốn.

290. 家中無才子，官從何處來 ？

Gia trung vô tài tử, Quan tòng hà xứ lai ？

NGHĨA CÂU :

Trong nhà không có tài tử giỏi giang, thì quan quyền từ đâu mà có được ?!

Quan cũng từ dân mà ra, nếu trong dân chúng không có người tài giỏi, thì lấy đâu ra nhân tài để làm quan ?

291. 萬事不由人計較，一生都是命安排。

Vạn sự bất do nhân kế giáo, Nhất sinh đô thị mệnh an bài.

NGHĨA CÂU :

Muôn việc đều không phải do người tính toán mà được, Số mạng của cuộc đời này đã được an bày sắp xếp cả rồi !

Nguyễn Du cũng đã luận rằng :

*... Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao...*

292. 急行慢行，前程只有多少路！

Cấp hành mạn hành, Tiền trình chỉ hữu đa thiểu lộ !

CHÚ THÍCH :

CẤP HÀNH : là Đi một cách gấp rút.

MẠN HÀNH : là Đi tà tà, Đi từ từ.

ĐA THIỂU : là Nhiều ít. Có nghĩa là : Bao Nhiêu ?(Với dấu chấm hỏi "?").
Còn với dấu Chấm Than "!" thì có nghĩa : Bấy nhiêu đó thôi !

NGHĨA CÂU :

Đi nhanh hay đi chậm gì, thì con đường trước mắt cũng chỉ có bấy nhiêu đó thôi !

Bôn ba, bương chải cho lắm, đến ngày rồi cũng nhắm mắt xuôi tay. Tà tà hưởng lạc, tiêu dao ngày tháng chẳng thú vị hơn hay sao ?!

Ông bà ta nói : " Bôn ba không qua thời vận " mà !

293 人間私語，天聞若雷。

Nhân gian tư ngữ, Thiên văn nhược lôi.

暗室虧心，神目如電。

Ám thất khuy tâm, Thần mục như điện.

CHÚ THÍCH :

TƯ NGỮ : Những lời nói riêng tư, bao gồm cả những lời nói lén ai đó.

VĂN : 聞 Chữ này gồm có bộ NHĨ là TAI, viết bên trong chữ MÔN là CỬA, là chữ ghép theo Hội Ý có nghĩa : Chở cái lỗ tai ra cửa để nghe ngóng. Nên VĂN là NGHE, nghĩa rộng VĂN là TIN TỨC. Ta còn nhớ Tờ báo đầu tiên của NAM KỲ là tờ LỤC TỈNH TÂN VĂN không ? Có nghĩa là : Những tin tức mới nhất về Lục Tỉnh.

KHUY TÂM : Khuy là Khuyết, là Mẻ. Tâm là Lòng dạ. Khuy Tâm là : Trái với lương tâm, làm chuyện mờ ám.

NGHĨA CÂU :

Những lời nói riêng tư của nhân gian thì Trời nghe rõ như là tiếng sấm sét vậy. Những việc làm mờ ám trái lương tâm trong phòng kín tối tăm thì con mắt của thần thánh đều nhìn rõ như khi có điện chớp vậy !

Đừng tưởng nói lén, nói xấu để chạy tội hoặc để hại người mà không ai hay biết : Trời nghe biết cả ! Rừng có mạch vách có tai mà !. Đừng tưởng làm chuyện bậy bạ trong phòng kín, làm chuyện đồi bại trong phòng tối chẳng ai hay : Con mắt của Thần linh đều thấy cả !

Trời và Thần Thánh ở đây, chính là LƯƠNG TÂM của ta đó, nếu ta làm chuyện mờ ám, sai quấy để hại người thì chính lương tâm của ta sẽ dẫn vật ta suốt đời không sao sống yên ổn được !



294. 一毫之惡，勸人莫作。

Nhất hào chi ác, Khuyến nhân mạc tác.

一毫之善，與人方便。

Nhất hào chi thiện, Dữ nhân phương tiện.

CHÚ THÍCH :

PHƯƠNG TIỆN : là Tiện lợi, Thuận lợi (Hình dung từ). Là Công Cụ (nếu là Danh từ). Ví dụ :

* "Giao thông phương tiện "có nghĩa : Giao thông rất tiện lợi.

* " Phương tiện giao thông " có nghĩa : Công cụ dùng để giao thông , như Xe Cộ , Tàu Bè...

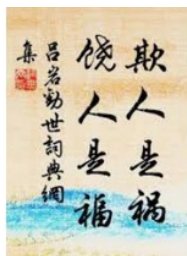
Ở đây, DỮ NHÂN PHƯƠNG TIỆN có nghĩa : Tạo sự thuận lợi cho người khác để làm việc gì đó... Cũng có thể hiểu là : Dễ dãi để cho người ta làm việc.

NGHĨA CÂU :

Một chút xíu việc ác (việc ác thật nhỏ), cũng nên khuyên người ta đừng làm.

Việc thiện mặc dù rất nhỏ, cũng nên tạo điều kiện thuận lợi để cho người ta làm việc thiện đó

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 35.



295. 欺人是禍，饒人是福。

Khi nhân thị họa, Nhiều nhân thị phúc.

天眼恢恢，報應甚速。

Thiên nhãn khôi khôi, Báo ứng thậm tốc.

CHÚ THÍCH :

KHI : Ngoài nghĩa Khinh Khi, Khi Dễ ra, KHI còn có nghĩa là HIẾP ĐÁP, Ăn Hiếp người khác.

NHIỀU : là Nhiều Dung, Nhiều Thứ, là Bao Dung Tha Thứ, Xí Xóa, Buông Tha.

NGHĨA CÂU :

Hiếp đáp người khác là gây họa về sau, biết bao dung tha thứ cho người khác là tạo phúc cho tương lai đó.

Con mắt của Trời mặc dù nhìn rất rộng rãi, nhưng sự báo ứng sẽ xảy ra rất nhanh đó nhé !

Đọc câu này làm ta nhớ câu :

Thiên võng khôi khôi, 天網恢恢,

Sơ nhi bất lậu. 疏而不漏。

(Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa mà không để lọt việc gì cả !).

296. 聖賢言語，神欽鬼伏。

Thánh hiền ngôn ngữ, Thần khâm quỷ phục.

NGHĨA CÂU :

Lời nói của các bậc Thánh hiền, Quỷ Thần cũng phải khâm phục.

Không nhất thiết phải là lời nói của Thánh hiền, những lời nói đúng đắn, hợp với đạo nghĩa ở đời, hợp với luân thường đạo lý... thì không những thần khâm quý phục, mà tất cả mọi người đều phải tuân phục mà thôi !

297. 人各有心，心各有見。

Nhân các hữu tâm, Tâm các hữu kiến.

NGHĨA CÂU :

Mỗi người đều có một tấm lòng, mỗi lòng đều có sở kiến riêng của mình.

Không ai bắt ai phải theo ai được cả ! Mỗi người đều có Ý kiến riêng của mình, mỗi người đều có cái nhìn riêng của mình, nên tôn trọng cách nhìn của người khác, không thể áp đặt cái nhìn của mình mà buộc người khác phải ... nhìn theo.

298. 口說不如身逢，耳聞不如目見。

Khẩu thuyết bất như thân phùng, Nhĩ văn bất như mục kiến.

NGHĨA CÂU :

Chỉ nghe cái miệng của người ta nói thôi thì không bằng đích thân mình gặp phải. Tai nghe thì không bằng mắt thấy.

Tam sao thì Thất bản. Chép lại 3 lần thì đã bị sai với bản gốc rồi, huống hồ nghe qua tới 3 cái miệng đồn đoán, thêm thắt đủ điều thì... còn đâu là sự thật của lúc ban đầu nữa !



299. 養軍千日，用在一朝。

Dưỡng quân thiên nhật, dụng tại nhất triều.

CHÚ THÍCH :

TRIỀU 朝 : Chữ này vừa là Danh từ, vừa là Động từ.

* Danh từ : 1. Đọc là TRIỀU thì có nghĩa là BUỔI, là BUỔI SÁNG : như Triều Mộ là : Sáng Tối.

2. Đọc là TRIỀU thì có nghĩa là Triều Đại, như Đường Triều là : Triều đại nhà Đường.

* Động từ : Triều có nghĩa là Chầu (Vua Chúa, Thần Thánh...) như : Triều Kiến, Triều Bái, Bái Triều...

NGHĨA CÂU :

Nuôi quân ngàn ngày, dùng trong một buổi.
Nhưng nếu không nuôi quân một ngàn ngày, thì khi có việc, lấy đâu ra người để dùng trong một buổi đây ?!

300. 國清才子貴，家富小兒驕。

Quốc thanh tài tử quý, Gia phú tiểu nhi kiêu.

NGHĨA CÂU :

Nước thanh bình thì tài tử mới được quý trọng. Nhà giàu có thì trẻ nhỏ đâm ra kiêu căng.

Thực tế vô cùng ! Khi đất nước loạn lạc chiến tranh thì người ta chỉ trọng võ tướng, và bận bịu với việc đánh nhau, đối phó với đối phương, chứ đâu có ai chú trọng đến văn học nghệ thuật, cho nên giới tài tử bị lãng quên. Đất nước có thanh bình rồi thì tài tử mới được lên ngôi.

Nhà giàu có, dù có khéo giáo dục cách mấy thì con nít ở trong nhà vẫn tỏ ra kiêu ngạo hơn là con nít bình thường. Tại sao ? Vì vật chất đầy đủ, người hầu kẻ hạ xung quanh cung phụng chăm sóc từng chút một, không tỏ ra kiêu căng mới là lạ !

301. 利刀割體痕易合，惡語傷人恨不消。

Lợi đao cắt thể ngân dị hợp, Ác ngữ thương nhân hận bất tiêu.

CHÚ THÍCH :

LỢI : Ngoài nghĩa Lợi Lộc, còn có nghĩa là BÉN. LỢI ĐAO là : Con Dao bén.

NGÂN : là Dấu, Vết, là Cái Theo.

NGHĨA CÂU :

Dùng dao bén cắt vào thân thể người ta, tuy chảy máu đau đớn, nhưng vết thương cũng dễ lành lại. Chớ dùng những lời độc ác làm tổn thương người khác trước mặt đông người, thì cái hận thù sẽ không thể tiêu trừ được.

Ông Bà ta dạy : " Lời nói không mất tiền mua, Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau " mà ! Những lời nói hiểm độc, hạ nhục người khác trước đám đông thì còn ác đức hơn là chém cho họ một dao nữa !



302. 公道世間唯白髮，貴人頭上不曾饒。

Công đạo thế gian duy bạch phát, Quý nhân đầu thượng bất tăng nhiêu.

NGHĨA CÂU :

Cái công đạo, lẽ công bằng trên đời này duy chỉ có đầu bạc mà thôi, ngay cả trên đầu những quý nhân hiển đạt nó cũng chưa từng tha thứ cho ai cả !

Đầu bạc : Giai đoạn ai cũng phải kinh qua, chỉ sớm hoặc muộn mà thôi. Đầu bạc còn chỉ thời gian sắp tới, tất yếu và rất công bằng với mọi người bất luận sang hèn quý tiện, nó không từng tha thứ cho người nào cả ! . Ai rồi cũng phải có lúc đầu bạc mà thôi !.

303. 有錢堪出眾，無衣懶出門。

Hữu tiền kham xuất chúng, Vô y lãn xuất môn.

CHÚ THÍCH :

KHAM : là Có thể, là Nên, là Được.

LÃN : là Lười Biếng, là Biếng Nhác. Hải Thượng Lãn Ông là chữ LÃN này. Ông Tổ thuốc Nam của Việt Nam tự xưng một cách khiêm tốn là : Ông già Lười Biếng ở trên biển.

NGHĨA CÂU :

Có tiền, giàu có thì mới nên đến chỗ đông người, tham gia cộng đồng, hoạt động xã hội.... mới không bị người ta coi rẻ. Không có cái áo coi cho được, tức nghèo khó không có dư tiền rủng rỉnh trong túi, thì cũng lười biếng ra khỏi cửa

TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN 36

(chung)

304. 為官須作相，及第必爭先。

Vi quan tu tác tướng, Cập đệ tất tranh tiên.

CHÚ THÍCH :

TƯỚNG 相 : Tướng này là Thừa Tướng, Tế Tướng. Chức Tướng lớn nhất trong quan trường ngày xưa, tương đương với chức Thủ Tướng của ngày nay.

CẬP ĐỆ : là Được xếp hạng, có nghĩa là Thi Đậu. Đậu Tiến sĩ gọi là Tiến Sĩ Cập Đệ , Đậu Trạng Nguyên gọi là Trạng Nguyên Cập Đệ.

NGHĨA CÂU :

Làm quan, thì phải rán làm đến chức Thừa Tướng, Thủ Tướng. Thi đậu thì phải rán đậu hạng cho cao, phải giành cho tên mình được đứng trước.

Đây là cái tiêu chuẩn lý tưởng để mọi người phấn đấu vươn tới, đòi hỏi có hơi cao, nhưng đó chính là cái mơ ước ấp ủ trong lòng của mọi người mà ít ai dám nói ra mà thôi !



305. 苗從地發，樹向枝分。

Miêu tông địa phát, Thọ hướng chi phân.

CHÚ THÍCH :

MIÊU : là Mạ, là Cây Con mới mọc, là Mầm non.

THỌ : là Cây . CHI : là Cành.

NGHĨA CÂU :

Tất cả những cây con, mầm non đều từ dưới lòng đất mọc lên, tức là đều giống nhau về xuất xứ. Khi lớn lên thành cây thì cành nhánh lại phân chia khác nhau, thành những loại cây khác nhau.

Câu này làm ta nhớ đến câu đầu tiên của Tam Tự Kinh là : " Nhân Chi Sơ, Tánh Bản Thiện, Tánh Tương Cận, Tập Tương Viễn ". Con người khi mới sanh ra thì bản tánh lương thiện giống như nhau, gần gũi như nhau, nhưng do tập quán của từng cuộc sống khác nhau, nên tánh tình mới thay đổi khác nhau mà thôi.

306. 父子和而家不退，兄弟和而家不分。

Phụ tử hòa nhi gia bất thoái, Huynh đệ hòa nhi gia bất phân.

NGHĨA CÂU :

Cha con mà hòa thuận thì gia đạo không thụt lùi, anh em mà hòa thuận thì gia đạo không bị phân ly.

" Gia hòa thì vạn sự hanh " Gia đình hòa thuận thì muôn việc đều suông sẻ hanh thông. Gia đạo mới đi lên được. Ông bà ta cũng thường dạy là :

" Nhất thất thái hòa chơn phú quý "

Một nhà vui vẻ hòa thuận thì đó mới chính là cái Phú Quý thực sự.

307. 官有正條，民有私約。

Quan hữu chính điều, Dân hữu tư ước.

NGHĨA CÂU :

Quan thì có những điều khoản quy định chính quy , còn dân thì cũng có

những ước hẹn giao kèo riêng tư với nhau.

Quan thì có luật của Vua, còn dân thì cũng có lệ của làng . Lắm chỗ lắm nơi " Luật vua còn thua lệ làng " mà !



308. 閑時不燒香，急時抱佛腳。

Nhàn thời bất thiêu hương, Cấp thời bão phật cước.

CHÚ THÍCH :

NHÀN : Ở đây có nghĩa là Rảnh Rỗi.

THIÊU HƯƠNG : là Thắp hương, là Đốt nhang.

CẤP THỜI : là Lúc Cấp bách, khi gấp rút.

BẢO : là Ôm, là Ấp. HOÀI BẢO : là những điều mà ta ôm ấp trong lòng.

NGHĨA CÂU :

Lúc rảnh rỗi thì không chịu đốt nhang, đến khi gấp rút thì mới ôm chân ông Phật.(Ông Phật ơi, Ông cứu tôi với !).

Ngày thường thì tỏ ra lơ là bất cần, không chịu vun bồi tình cảm, đến khi gấp rút cần đến thì mới xuống nước cầu cạnh van xin !

309. 幸生太平無事日，恐逢年老不多時。

Hạnh sanh thái bình vô sự nhật, Khủng phùng niên lão bất đa thì.

NGHĨA CÂU :

May mắn được sanh ra trong thời buổi thái bình vô sự, chĩnh e tuổi tác đã già rồi, thời gian không còn bao nhiêu nữa.(để hưởng phúc mà thôi !).

Cảm khái cho tuổi già đến nhanh, ngày tháng sống yên lành vui vẻ không còn bao nhiêu nữa ! Thời gian không chờ đợi và không " tha thứ " cho ai cả !!!

310. 國亂思良將，家貧思賢妻。

Quốc loạn tư lương tướng, Gia bần tư hiền thê.

CHÚ THÍCH :

LƯƠNG TƯỚNG : 將 TƯỚNG này là Tướng Quân. Lương Tướng là Tướng đánh giặc giỏi. Ta có Thành ngữ chỉ các bề tôi giỏi để giúp vua là : Hiền Thần Lương Tướng.

HIỀN THÊ : Như ta đã biết Hiền Thê không những chỉ VỢ HIỀN, mà còn dùng để chỉ VỢ GIỎI nữa. Ta cũng có Thành ngữ chỉ Mẹ Hiền Vợ Giỏi là :

Hiền Thê Lương Mẫu.

NGHĨA CÂU :

Đất nước loạn lạc chiến tranh thì mới nhớ đến những người tướng đánh giặc giỏi đã mất đi. Gia đình sa sút nghèo khó thì mới nhớ đến bà vợ nhà đảm đang. (Có thể đã không còn nữa !).

Cái gì mất đi rồi mới trở nên quý giá, và "Cái Gì" khi cần đến thì mới thấy trân quý. Lòng con người ta hay bạc bẽo là thế !

311. 池塘積水須防旱，田地勤耕足養家。

Trì đường tích thủy tu phòng hạn, Điền địa cần canh túc dưỡng gia.

CHÚ THÍCH :

TRÌ ĐƯỜNG : Chỉ Ao Đầm ở phía sau nhà.

TÍCH : Chứa, Dựng, Để Dành.

CẦN CANH : Siêng năng cày sới.

NGHĨA CÂU :

Đầm ao ở phía sau nhà nên luôn chứa nước để phòng khi hạn hán. Ruộng đất có siêng năng cày sới thì cũng đủ nuôi sống gia đình.

Sống siêng năng cần mẫn, có kế hoạch, có dự phòng... thì sẽ có cuộc sống yên ổn bình thường !

312. 根深不怕風搖動，樹正無愁月影斜。

Căn thâm bất phạ phong dao động, Thọ chánh vô sầu nguyệt ảnh tà.

NGHĨA CÂU :

Rễ ăn sâu nên không sợ gió lay động, Cây ngay thẳng nên không buồn vì ánh trăng chiếu nghiêng nghiêng.

Cây càng cao thì rễ càng sâu, hiên ngang đứng thẳng, sừng sững giữa trời, bất chấp nắng mưa sương tuyết, gió cuốn trăng soi . Như con người có lập trường vững chãi, sống hiên ngang theo chí hướng của mình, bất chấp tất cả thị phi phải trái chung quanh....

313. 奉勸君子，各宜守己。

Phụng khuyến quân tử, Các nghi thủ kỷ.

只此程式，萬無一失。

Chỉ thủ trình thức, Vạn vô nhất thất.

NGHĨA CÂU :

Dâng lên những lời khuyên này cho người quân tử, mọi người nên tự giữ lấy thân phận của mình.

Đây chỉ là những lời nói theo khuôn phép mà thôi, nếu biết sử dụng một cách linh động thì sẽ Vạn Vô Nhất Thất : Muôn điều không sai một !

HẾT TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN .

Dịch xong ngày 05 tháng 01 năm 2014 nhằm mừng 05 tháng Chạp năm QUÝ TÝ. Tại Houston Texas 77040 USA.

LỜI CUỐI :

Dịch xong Tặng Quảng Hiền Văn như là hoàn thành tâm nguyện của một người con đối với ông cha vừa quá cố.

Nhớ khi xưa, lúc mới bắt đầu đi học tiếng Hoa, mới bắt đầu bập bẹ đọc chữ Nho, thì đã nghe văng vẳng bên tai lời khuyên của cha là : " Đọc thơ tu dung ý, nhất tự trị thiên kim ". Mỗi lần rủ bạn mới về nhà chơi, sau khi nhận xét, thì lại nghe lời răn : " Kết giao tu thẳng kỷ, tự ngã bất như vô ".....Từ đó, Tặng Quảng Hiền Văn được dùng như lời giáo huấn, răn đe...được lặp đi lặp lại hằng ngày....

Hôm nào tỏ ra biếng nhác, nhờ cậy em út làm việc này việc nọ, khi lên bàn ăn, sẽ bị cảnh cáo ngay : " Sử khẩu bất như tự tẩu, cầu nhơn bất như cầu kỷ!". Thanh niên mới ra đời, hay nhẹ dạ dễ tin người, mỗi lần vấp ngã, thì lại được nhắc nhở : " Mạc tín trực trung trực, tu phòng nhơn bất nhơn ". Trong xử thế thì thường nghe : " Tại gia bất hội nghinh tân khách, xuất ngoại phương tri thiếu chủ nhơn ", " Lai thuyết thị phi giả, tiện thị thị phi nhơn ", và " Cầu nhơn tu cầu anh hùng hán, tế nhơn tu tế cấp thời vô "... Ở đời thì : " Nhất hào chi ác khuyến nhơn mạc tác, nhất hào chi thiện dĩ nhơn phương tiện ", và luôn luôn phải nhớ là : " Trách nhơn chi tâm trách kỷ, thứ kỷ chi tâm thứ nhơn "..... Những lời giáo huấn trong Tặng Quảng Hiền Văn cứ vang vang mãi bên tai cho đến hiện nay !

Mặc dù cha đã không còn nữa, nhưng con vẫn luôn ghi nhớ những lời dạy bảo, khuyên răn trên, và bản dịch Tặng Quảng Hiền Văn này như là một nén hương lòng của con dâng lên để tưởng nhớ đến những lời giáo huấn đã và sẽ theo con suốt cả cuộc đời này !.....

Nay kính,
杜紹德
Đỗ Chiêu Đức.



Bản TẶNG QUẢNG HIỀN VĂN được bày bán ở Chợ Lớn Việt Nam khi xưa